

Báo Cáo Thường Niên 2011

Báo Cáo Thường Niên 2011

## Phát triển thế mạnh trọng tâm

Khách hàng  
Nguồn nhân lực  
Nội lực

TECHCOMBANK

**TECHCOMBANK** 

Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

70-72 Bà Triệu,

Hoàn Kiếm

Hà Nội, Việt Nam

T: +84(4) 3944 6368

F: +84(4) 3944 6362

Swift code: VTCBVNVX

[www.techcombank.com.vn](http://www.techcombank.com.vn)

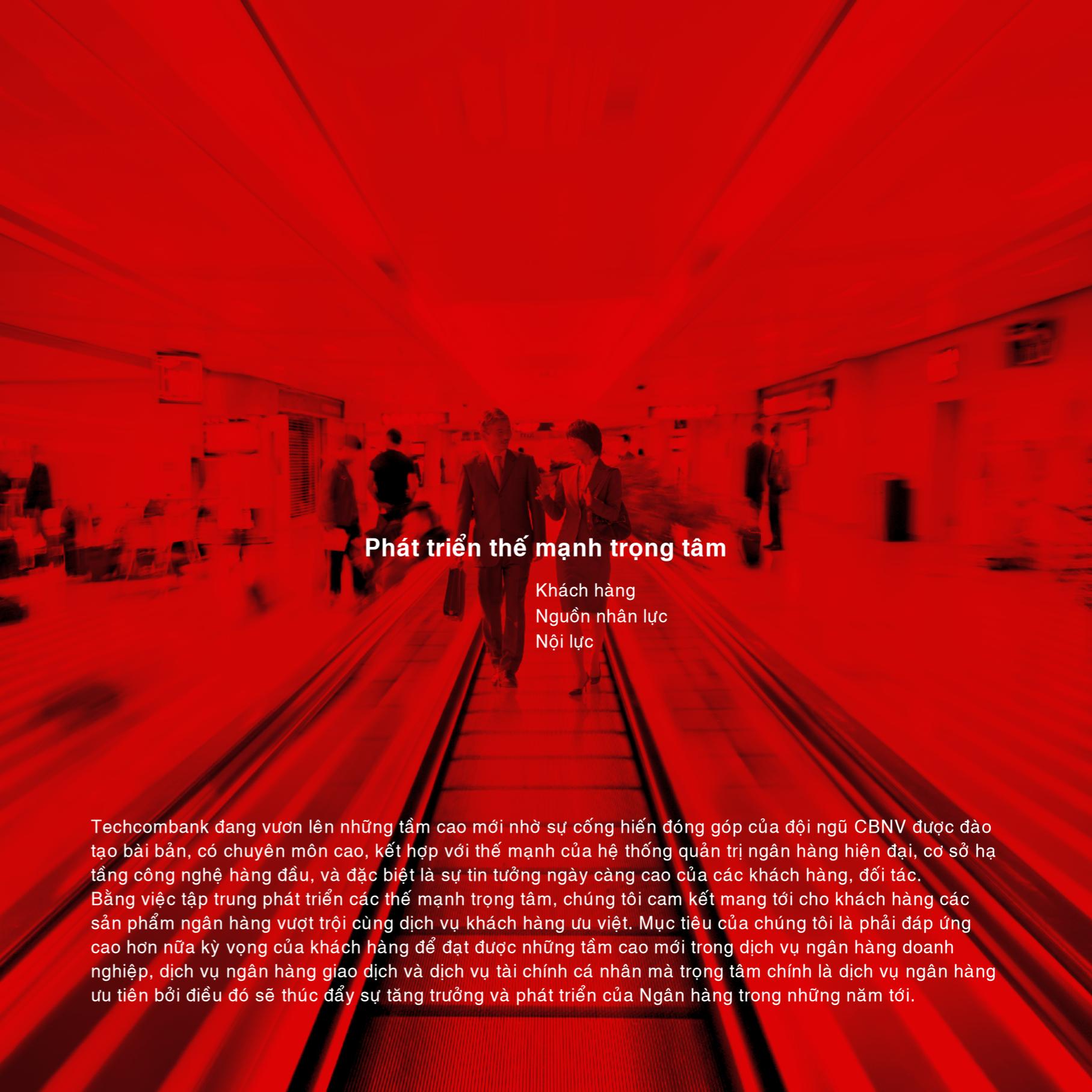
**TECHCOMBANK** 

## Mục lục

- 2 Techcombank và Tổng quan tài chính
- 3 Giới Thiệu Chung về Techcombank
- 4 Tăng trưởng kinh doanh**
  - 6 Thư Ngỏ Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
  - 8 Thông Điệp Của Tổng Giám Đốc
  - 12 Kết Quả Nổi Bật
  - 14 Chỉ Tiêu Kinh Doanh Chính Trong Năm 2011
- 20 Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng**
  - 22 Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân
  - 26 Dịch Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp
- 28 Phát triển nguồn nhân lực**
  - 30 Quản Trị Nguồn Nhân Lực
  - 32 Trách Nhiệm Xã Hội Doanh Nghiệp
  - 34 Các Giải Thưởng Lớn Trong Năm 2011
- 36 Phát triển nội lực**
  - 38 Ngân Hàng Giao Dịch
  - 42 Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử
  - 44 Ngân Hàng Ưu Tiên
  - 46 Quản Trị Rủi Ro
  - 50 Thương Hiệu Techcombank
- 52 Phát triển hệ thống quản lý vững mạnh**
  - 54 Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)
  - 56 Ủy Ban Thường Trực HĐQT
  - 57 Ban Kiểm Soát
  - 58 Ủy Ban Nhân Sự & Lương Thuởng
  - 59 Ủy Ban Kiểm Toán & Rủi Ro
  - 60 Bản Tuyên Bố Trách Nhiệm của Ban Điều Hành
  - 61 Mô Hình Quản Trị Ngân Hàng
  - 62 Ban Điều Hành
- 64 Tăng Trưởng Kinh Doanh**
  - 66 Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

**Phát triển thế mạnh trọng tâm** | Nhu cầu của khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Chúng tôi tin rằng thương hiệu Techcombank là tổng hòa các trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ ngân hàng toàn diện và đa dạng từ các sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân, dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp cho đến dịch vụ ngân hàng ưu tiên. Với thế mạnh về đội ngũ cán bộ ưu tú và các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, chúng tôi hướng tới mục tiêu mang đến cho khách hàng những trải nghiệm ngân hàng ở một tầm cao hơn cả về chất và lượng.

Ý tưởng chính của chúng tôi là dùng biểu tượng thương hiệu để thể hiện sự phối hợp hài hòa của nguồn nhân lực và nội lực trong Techcombank trên hành trình nỗ lực mang lại sự hài lòng cao cho khách hàng trong mọi hoạt động kinh doanh. Những thế mạnh trọng tâm này là cơ sở giúp chúng tôi không ngừng tăng trưởng và phát triển thành công hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.

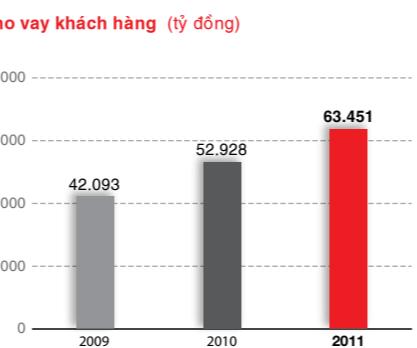
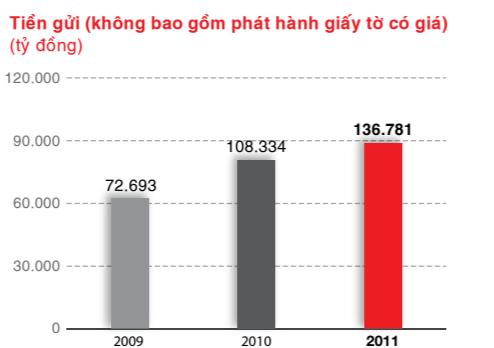
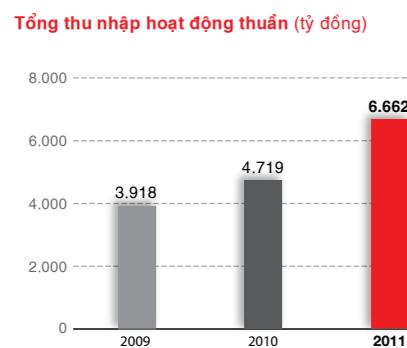
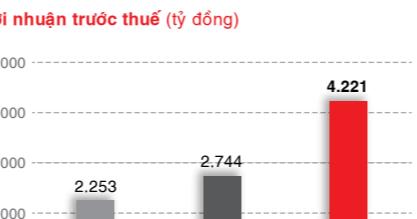
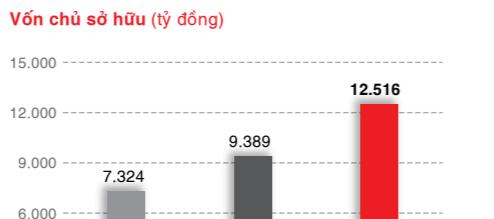
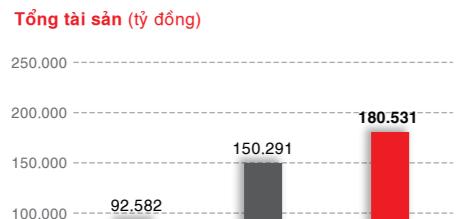


## Phát triển thế mạnh trọng tâm

Khách hàng  
Nguồn nhân lực  
Nội lực

Techcombank đang vươn lên những tầm cao mới nhờ sự cống hiến đóng góp của đội ngũ CBNV được đào tạo bài bản, có chuyên môn cao, kết hợp với thế mạnh của hệ thống quản trị ngân hàng hiện đại, cơ sở hạ tầng công nghệ hàng đầu, và đặc biệt là sự tin tưởng ngày càng cao của các khách hàng, đối tác. Bằng việc tập trung phát triển các thế mạnh trọng tâm, chúng tôi cam kết mang tới cho khách hàng các sản phẩm ngân hàng vượt trội cùng dịch vụ khách hàng ưu việt. Mục tiêu của chúng tôi là phải đáp ứng cao hơn nữa kỳ vọng của khách hàng để đạt được những tầm cao mới trong dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng giao dịch và dịch vụ tài chính cá nhân mà trọng tâm chính là dịch vụ ngân hàng ưu tiên bởi điều đó sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của Ngân hàng trong những năm tới.

## Techcombank và Tổng quan tài chính



### Tài chính

Tỷ số lợi nhuận ròng/tài sản 2011:

**1,83%**

2010: 1,86%  
2009: 2,24%

Tỷ lệ chi phí/Thu nhập 2011:

**31,52%**

2010: 33,65%  
2009: 30,21%

Tỷ số lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu 2011:

**28,87%**

2010: 24,80%  
2009: 26,86%

Hệ số an toàn vốn 2011:

**11,43%**

2010: 13,11%  
2009: 9,60%

### Phi tài chính

Tổng số nhân viên 2011:

**8.335**

2010: 7.481  
2009: 5.029

Số lượng khách hàng doanh nghiệp 2011:

**66.152**

2010: 45.252  
2009: 28.000

Số lượng ATM 2011:

**1.205**

2010: 1.001  
2009: 565

Số lượng khách hàng cá nhân 2011:

**2.328.549**

2010: 1.767.642  
2009: 1.211.200

Số lượng chi nhánh 2011:

**307**

2010: 282  
2009: 187

\* Những con số này phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Bản báo cáo tài chính đầy đủ được trình bày từ trang 67.

## Giới thiệu chung về Techcombank

Techcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam. Với đội ngũ quản lý có bề dày học vấn và kinh nghiệm tài chính chuyên nghiệp, cấp đa quốc gia và sự hỗ trợ từ phía đối tác chiến lược HSBC, Techcombank chúng tôi đang không ngừng phát triển để tạo lập những tầm cao mới.

### Techcombank

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, thường được biết đến với tên gọi Techcombank, là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu và lớn nhất tại Việt Nam. Kể từ khi thành lập năm 1993, chúng tôi đã có hơn 18 năm tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ và đạt kết quả kinh doanh xuất sắc với mức tăng trưởng tổng tài sản và doanh thu hàng năm luôn ở mức cao.

Cùng với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược HSBC hiện đang sở hữu 20% mức cổ phần tối đa trong Techcombank, chúng tôi đã thiết lập được một nền tảng tài chính vững chắc. Mạng lưới phân phối sâu rộng với 307 chi nhánh và 1.205 máy ATM trên toàn quốc cùng với công nghệ ngân hàng tiên tiến bậc nhất và một lực lượng nhân sự lên tới 8.335 nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, chúng tôi hiện đang ở vị thế có khả năng đem lại nhiều lợi ích và giá trị tốt nhất cho các bên liên quan.

### Tầm nhìn

Techcombank mong muốn trở thành ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Sự kết hợp giữa thế mạnh của mạng lưới rộng khắp tại 43 tỉnh/thành phố,

cùng lực lượng nhân viên có trình độ được hỗ trợ bởi tiềm lực tài chính mạnh mẽ hiện qua bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đang từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ của mình thông qua chiến lược phát triển toàn diện mang tên TechcomOne\*.

### Sứ mệnh

Trong năm 2011, tổng tài sản của chúng tôi đã đạt mức 180.531 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt mức kỷ lục với 4.221 tỷ đồng. Kết quả vượt trội có được là nhờ nỗ lực cải thiện các chỉ số lợi nhuận ROA 1,83% và ROE 28,87% hiện đang ở mức cao nhất trên thị trường.

Chúng tôi đang phục vụ khoảng 66.000 khách hàng doanh nghiệp và 2,3 triệu khách hàng cá nhân thông qua 3 mảng chiến lược kinh doanh chủ đạo: Dịch vụ Tài chính Cá nhân, Dịch vụ ngân hàng cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Ngân hàng Giao dịch. Thông qua những chiến lược này, chúng tôi cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tài chính có khả năng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhiều tầng lớp khách hàng khác nhau. Chúng tôi tin rằng với nỗ lực không ngừng cải tiến mọi mặt các sản phẩm và dịch vụ của mình, chúng tôi sẽ nhanh chóng đạt

được mục tiêu trở thành ngân hàng tốt nhất và hàng đầu tại Việt Nam.

### Tạo lập những tầm cao mới

Hiện Techcombank đang vào giữa giai đoạn chuyển mình của chiến lược chuyển đổi TechcomOne\*, chúng tôi đã cung cố hệ thống cơ sở nền tảng và tăng cường phát triển nguồn nhân lực nhằm hỗ trợ Ngân hàng hoạt động an toàn và hiệu quả hơn. Chúng tôi đang từng bước trở thành một ngân hàng hiện đại tận dụng các thế mạnh của một ngân hàng địa phương và chuẩn mực quản lý hoạt động đạt chuẩn quốc tế để tạo dựng những tầm cao mới, trở thành ngân hàng tốt nhất Việt Nam.

Với một nền tảng vững chắc và đà phát triển mạnh mẽ được kế thừa từ kết quả kinh doanh thành công năm 2011, chúng tôi tin tưởng rằng Techcombank sẽ ngày một vươn cao và xa hơn nữa và tạo lập những tầm cao mới trong năm 2012 này.

\* TechcomOne là một kế hoạch chiến lược toàn diện cho giai đoạn 2009 – 2014, được lập ra và thực hiện với sự hỗ trợ của HSBC và công ty tư vấn chiến lược McKinsey để chuyển đổi Techcombank thành một ngân hàng hiện đại, đáp ứng được mọi tiêu chuẩn quốc tế.



Doanh thu  
> 6.600 tỷ đồng  
+ 41%

Tăng trưởng kinh doanh

PBT  
> 4.200 tỷ đồng  
+ 54%

## Tạo dựng tầm cao mới

Mục tiêu năm nay của chúng tôi là vươn lên tạo dựng tầm cao mới, trở thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần hàng đầu Việt Nam. Trong suốt 5 năm qua, tổng thu nhập và lợi nhuận thuần của chúng tôi đã tăng trưởng rất đồng bộ, mang lại các giá trị tối ưu cho các cổ đông. Dựa trên nền tảng thành công này, chúng tôi sẽ tiếp tục phấn đấu hết mình để khẳng định vị thế dẫn đầu cũng như sáng tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới nhằm mang lại nhiều giá trị hơn cho khách hàng và cổ đông. ◆

## Thư ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Đầu năm 2012, Techcombank được Ngân hàng Nhà nước đánh giá tốt về chất lượng tài sản và xếp vào nhóm các ngân hàng đạt tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhất. Đây là một thuận lợi không nhỏ để Techcombank có thể tiếp tục bứt phá trong cuộc đua trở thành ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Kính thưa các Cổ đông và Đối tác,

Tôi xin được vui mừng thông báo là kết thúc năm 2011, Ngân hàng đã hoàn thành xuất sắc tất cả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh với kết quả thành công vượt bậc về hiệu quả kinh doanh và tiếp tục vững bước trên hành trình chayển mình cũng như thực hiện chiến lược phát triển 5 năm.

Đầu năm 2012, Techcombank được Ngân hàng Nhà nước đánh giá tốt về chất lượng tài sản và xếp vào nhóm các ngân hàng đạt tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhất. Đây là một thuận lợi không nhỏ để Techcombank có thể tiếp tục bứt phá trong cuộc đua trở thành ngân hàng hàng đầu Việt Nam. Tuy nhiên, chắc chắn sự bứt phá này sẽ không chỉ thể hiện ở quy mô mà còn ở chất lượng tài sản và hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, trong năm 2012, Techcombank cũng sẽ đẩy mạnh nâng cao tầm vóc, phát triển mạng lưới hoạt động bằng các phương án khác nhau. Ngân hàng luôn ý thức được vai trò và

trách nhiệm trong việc hỗ trợ tăng cường tính ổn định và lành mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam; đồng thời, quan tâm đến những cơ hội góp phần gia tăng giá trị cho cổ đông của Ngân hàng.

Nhất quán với mục tiêu trở thành "Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam" và là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam áp dụng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế, Techcombank đã và đang tiếp tục có những hoạt động tăng cường, bổ sung đội ngũ nhân sự lãnh đạo cấp cao. Điển hình là một Ban điều hành quy tụ những tài năng trẻ người Việt và các chuyên gia nước ngoài dày dạn kinh nghiệm, có tầm nhìn xa, đảm bảo cho Techcombank có được nguồn lực lãnh đạo cần thiết, chuẩn bị cho hành trình phát triển cũng như thành công xa hơn trong 10 năm tới.

Năm 2012 được xem là năm bản lề cho việc triển khai Chiến lược phát triển 5 năm (2010 - 2014) của Techcombank. Hội đồng Quản trị cam kết sẽ chỉ đạo Ban điều hành nỗ lực hơn nữa, tập trung thực hiện

đúng các định hướng chiến lược ưu tiên đã đề ra nhằm mau chóng mang lại lợi ích mà các cổ đông, phía đối tác và khách hàng đang kỳ vọng; đồng thời, thiết lập một nền tảng vững chắc, sẵn sàng cho vị thế dẫn đầu trong tương lai không xa.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Techcombank, tôi xin được chân thành cảm ơn sự gắn bó cũng như ủng hộ lâu dài và hết mình của quý vị cổ đông, các đối tác và quý khách hàng đã dành cho Techcombank trong thời gian qua. Và tôi khẳng định rằng sự tin tưởng đó sẽ sớm được tưởng thưởng xứng đáng.



**Hồ Hùng Anh**  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) tăng

**22%**

## Thông điệp của Tổng Giám Đốc



# 6.662 tỷ đồng

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh tăng 41%

Kính thưa quý khách hàng, các đối tác và cổ đông!

Trước hết, tôi xin bày tỏ niềm vinh dự lớn lao khi được trao cơ hội dẫn dắt Techcombank trên cương vị là tân Tổng Giám đốc từ 1/1/2012. Trân trọng và tiếp nối những thành công rực rỡ mà ông Nguyễn Đức Vinh đã dày công xây đắp trong suốt 12 năm qua, tôi thực sự nhận thấy đây là một trọng trách to lớn. Nhưng tôi tin chắc những thành tựu này không chỉ là đường hướng mà còn là niềm cảm hứng vun đắp cho con đường sắp tới của mình. Ngoài ra, tôi còn thấy may mắn hơn khi vẫn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và góp ý chuyên môn của ông Nguyễn Đức Vinh khi ông đảm nhận cương vị mới là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Năm 2011 là năm đột phá của Techcombank. Với mức tăng trưởng vượt bậc, lợi nhuận kỷ lục và đội ngũ nhân viên trên 8.000 người đã chứng tỏ Techcombank đang thực sự vươn lên tầm cao mới. Để đạt được kết quả này trước tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn của cả trong nước lẫn thế giới quả là một thành tích đáng ghi nhận. Tất nhiên vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức ở phía trước nhưng chúng tôi không ngại đương đầu và giải quyết. Tôi rất vui mừng và tự hào khi tuyên bố năm 2011, Techcombank chúng tôi đã lớn mạnh hơn và sẵn sàng hơn bao giờ hết cho các thành công tiếp theo của năm 2012 này cũng như là ở thập kỷ sau.

Trên hành trình chuyển mình bước sang một kỷ nguyên mới của Techcombank, tôi hết mực tin tưởng Ngân hàng đang được định vị rất tốt, sẵn sàng để vươn cao và xa hơn cả trong nước lẫn trên trường quốc tế. Thị trường Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tài chính đổi mới chưa được khai thác và khi các phương thức giao dịch ngân hàng hiện đại đang liên tục thay thế tiền mặt trong xã hội thì chính các ngân hàng và dịch vụ tài chính có các quyết định kinh doanh khôn ngoan từ các thập kỷ tăng trưởng trước đó sẽ là những đối tượng hưởng lợi nhuận lớn

nhất từ việc đầu tư vốn. Theo đó, định vị của chúng tôi trong một số phân khúc thị trường

nhất định cùng việc triển khai các cấu trúc quản trị rủi ro lành mạnh và chiến dịch truyền thông thương hiệu mạnh mẽ trên khắp cả nước đã khẳng định Techcombank hoàn toàn có thể đạt được nhiều hơn, đáng kể hơn những gì chúng tôi đang có.

Năm tài chính 2011 đã có những bước khởi đầu hết sức lạc quan xét về mặt kinh tế trong nước. Tuy nhiên, càng về sau tình hình bất ổn kinh tế ngày càng tăng do sản xuất kinh doanh trong nước và chi tiêu tiêu dùng bị đình trệ. Nhưng bất chấp những khó khăn này, Techcombank vẫn phát triển vững mạnh và đã kết thúc năm với những con số đầy bứt phá. Tôi xin điểm qua một vài con số sơ lược như sau:

- Lợi nhuận trước thuế đạt kỷ lục 4.221 tỷ đồng tương đương mức tăng 53,9% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng doanh thu duy trì tăng trưởng ổn định, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước;
- Cho vay khách hàng đạt 63.451 tỷ đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011;
- Lực lượng nhân sự hùng hậu, đạt 8.335 trên toàn quốc;
- Đóng góp 1.067 tỷ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp;

Bên cạnh đó, Ngân hàng còn vinh dự nhận được 10 giải thưởng tài chính quốc tế uy tín, điển hình như:

- Giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ tốt nhất của năm 2011”, do tạp chí Asian Banking and Finance trao tặng;
- Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2011”, “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam 2011” và “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2011” do tạp chí Finance Asia trao tặng;
- Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2011”, “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam 2011” và “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2011” do tạp chí Alpha South East Asia trao tặng;
- Giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam 2011” do tạp chí The Asset trao tặng;
- Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2011” do tạp chí Asiamoney trao tặng;
- Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về danh tiếng truyền thông năm 2011” do tổ chức Vietnam Report and Media Tenor trao tặng.

## Thông điệp của Tổng Giám Đốc

Với sự góp sức nhiệt tình của đội ngũ CBNV có tinh thần trách nhiệm cao, kỷ luật và chuyên môn giỏi, tôi tự tin tuyên bố rằng chúng tôi có một chiến lược và văn hóa đúng đắn để phát triển thịnh vượng, tạo ra các giá trị bền vững và nhất quán cho các cổ đông.

Nhận được nhiều giải thưởng trong năm còn là thành tích và minh chứng cho sự lớn mạnh và trưởng thành của Ngân hàng.

Tuy nhiên, thành tích vượt bậc này không chỉ dựa trên thành công đơn thuần của những con số tài chính. Đó là kết quả của những nỗ lực không ngừng trong thay đổi cấu trúc sâu sắc vốn được truyền cảm hứng từ chương trình TechcomOne<sup>1</sup>. Và những thay đổi này đã tác động tới việc cập nhật và phát triển của từng chi nhánh và từng khối trong Ngân hàng, cũng như đem lại sự đổi mới liên tục. Ví dụ, Dịch vụ ngân hàng ưu tiên đã đem lại cho các khách hàng có thu nhập cao một dịch vụ thực sự xứng tầm.Thêm vào đó, các gói sản phẩm đa dạng, chuyên biệt và nhiều chương trình chăm sóc khách hàng chu đáo đã được triển khai nhằm cố định vị thế chiến lược của Techcombank trong việc cung cấp “Sự thuận tiện, Hiệu quả và Dịch vụ hoàn hảo”. Trong khi các chương trình nhằm tri ân với những khách hàng trung thành đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thì những chương trình trách nhiệm xã hội như chương trình “Techcombank Khắc đỗ đến trường” cũng nhận được nhiều lời khen ngợi từ đồng đảo cộng đồng.

Đối với dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp lớn, chúng tôi đã cố gắng không ngừng để tìm cách đơn giản hóa các thủ tục và quy trình nhằm cung cấp những dịch vụ an toàn hơn và nhanh hơn cho khách hàng và cho chính Ngân hàng. Với sự hỗ trợ từ nhà tư vấn McKinsey, Ngân hàng đã triển khai quy trình Đánh giá Tín dụng Định tính (QCA) nhằm cung cấp quy trình tín dụng và giảm thời gian chờ đợi. Bên cạnh đó, Giải pháp Quản lý Thông tin Doanh nghiệp (ECM) và Hệ thống Cảnh báo sớm (EWS) đã được triển khai thành công và đã cải thiện được công tác quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro nội bộ của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng đã dành một khoản đầu tư tài chính lớn cho các sáng kiến cải tiến hệ thống vận hành và công nghệ. Các sáng kiến được thiết kế nhằm tạo ra hiệu quả vận hành cao hơn trên toàn hệ thống Ngân hàng và bao gồm các chức năng như: Chuyển đổi sang công nghệ cơ sở dữ liệu Oracle, hoàn thiện nâng cấp của hệ thống ngân hàng lõi T24R10 giai đoạn 2; Hoàn thiện hệ thống quản trị tín dụng cá nhân, Hệ thống tự động hóa xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng (LOS) nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân trong tương lai; Xây dựng chương trình đào tạo trực tuyến EKP,

kết nối hoàn toàn với các hệ thống Nhân sự; Và chương trình nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro quy mô toàn Ngân hàng thông qua kế hoạch truyền thông nội bộ, phần mềm đào tạo quản trị rủi ro trực tuyến và các bản tin quản trị rủi ro hàng tuần.

Để tóm tắt về những thành công của Ngân hàng, tôi xin nêu bật một số chỉ số kết quả chính trong năm 2011 như sau:

- Lựa chọn các tài sản chất lượng và kết hợp đa dạng các ngành kinh doanh cốt lõi, đóng góp trực tiếp 20,1% tăng trưởng trong tổng tài sản;
- Thu nhập lãi đối với cho vay doanh nghiệp và cho vay bán lẻ tăng 66,4% so với các năm trước;
- Tăng trưởng ổn định trong quản lý tiền mặt và tài trợ thương mại góp phần tăng thêm 23,7% trong thu nhập phí thuần;
- Các hoạt động ngày càng hiệu quả hơn thông qua tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm từ 33,6% xuống còn 31,5% trong năm trước;
- Với kế hoạch quản lý vốn hiệu quả, khả năng sinh lời được nâng cao thông qua việc thiết lập các tỷ lệ hoàn hảo về lợi nhuận trên tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Hiện tại, tỷ lệ này ở mức lần lượt là 1,83% và 28,87%;

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 6.932 tỷ đồng lên 8.788 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm chủ yếu từ lợi nhuận giữ lại và quỹ dự trữ bổ sung;
- Nhiều khoản đầu tư được thực hiện trong các lĩnh vực nền tảng của ngân hàng. Các lĩnh vực này bao gồm: công nghệ thông tin, các hệ thống hỗ trợ đơn vị kinh doanh, bán hàng & kênh phân phối và nhân sự. Ngân hàng cũng đã triển khai hệ thống thẩm định KPI đầu tiên, theo đó hiệu quả làm việc của nhân viên sẽ được đánh giá và khen thưởng một cách phù hợp;
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được duy trì ở mức 11,43% cao hơn tỷ lệ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
- Nhu cầu về dịch vụ ngân hàng tăng cao trong lĩnh vực bán lẻ. Hiện tại, Ngân hàng có khoảng 2,3 triệu khách hàng cá nhân trên toàn quốc. Các loại sản phẩm của Ngân hàng bao gồm huy động, cho vay, các loại thẻ và dịch vụ ngân hàng trực tuyến với rất nhiều tiện ích cao được phát triển nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của rất nhiều đối tượng khách hàng.

Kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2011 đã phản ánh sự thành công liên tục trong mô hình kinh doanh của Ngân hàng. Một lần nữa, chúng tôi đã thể hiện quyết tâm đồng



hành cùng khách hàng, sử dụng sức mạnh nguồn vốn và thanh khoản để hỗ trợ khách hàng trong thời điểm thuận lợi cũng như trong những lúc khó khăn. Tuy tất cả những thành công, dấu ấn thương hiệu và danh hiệu Ngân hàng đạt được đều rất tốt, nhưng nếu muốn hiện thực hóa tầm nhìn xa hơn trở thành “Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam”, chúng tôi phải nỗ lực nhiều hơn nữa ngoài sức mạnh của những thành tựu đã đạt được. Chúng tôi không chỉ chú trọng vào việc đáp ứng một cách rõ ràng, mạch lạc và thống nhất những nhu cầu của khách hàng mà còn phải dự đoán trước cũng như đón đầu xu hướng nhu cầu của họ. Ngoài ra, chúng tôi phải tiếp tục theo đuổi chương trình chuyển đổi TechcomOne<sup>1</sup> để xây dựng Techcombank thành một tổ chức phát triển thịnh vượng và năng động hơn. Tương tự các năm trước, trong năm 2012 chúng tôi định hướng tăng trưởng hai con số cả về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này, chúng tôi cần phải dựa vào các nguyên tắc quản trị rủi ro vững mạnh và chặt chẽ để hỗ trợ tăng trưởng chất lượng cao và ổn định. Hơn nữa, chúng tôi cũng cần tập trung nâng cao hiệu quả Ngân hàng, kiểm soát chi phí nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động một cách toàn diện.

Cuối cùng, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các quý khách hàng, đối tác và cổ đông, những người đã hết mình vun đắp cho thành công của Techcombank và mong rằng mối quan hệ của chúng ta sẽ ngày càng thắt chặt và bền vững hơn nữa. Với sự góp sức nhiệt tình của đội ngũ CBNV có tinh thần trách nhiệm cao, kỷ luật và chuyên môn giỏi, tôi tự tin tuyên bố rằng chúng tôi có một chiến lược và văn hóa đúng đắn để phát triển thịnh vượng, tạo ra các giá trị bền vững và nhất quán cho các cổ đông; cũng như vươn cao và xa hơn, lên một tầm cao mới trong năm 2012 này.

Trân trọng,

Simon Morris  
Tổng Giám Đốc

## Kết quả nổi bật

# Tăng trưởng ấn tượng tạo nền tảng, tạo lập tầm cao mới

Năm 2011 đánh dấu một năm đột phá trong hoạt động của Techcombank sau 18 năm phát triển vững mạnh và ổn định; ghi nhận kết quả tốt nhất của Techcombank trong lịch sử hoạt động của mình trước tình hình bất ổn của nền kinh tế thế giới và tình hình phức tạp của nền kinh tế trong nước. Techcombank đã chứng thực được khả năng cũng như tiềm lực vươn cao hơn các đối thủ cạnh tranh và vượt qua mọi thử thách. Sự thành công ấn tượng này không chỉ là một thành tích riêng lẻ mà là sự hợp thành của những kết quả và nỗ lực vượt trội có thể kể đến dưới đây.

### Kết quả kinh doanh ấn tượng

#### Lợi nhuận trước thuế đạt 4.221 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế đạt con số kỷ lục 4.221 tỷ đồng, nắm giữ vị trí thứ nhất trong số các ngân hàng thương mại cổ phần;

#### 2,3 triệu khách hàng cá nhân

Số lượng khách hàng cá nhân tăng kỷ lục, đạt trên 2,3 triệu khách hàng, tăng 32% so với con số 1,7 triệu năm 2010. Bên cạnh đó, tổng số lượng thẻ phát hành hiện đã vượt quá con số 1.667.119, trong đó có 160.046 thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán quốc tế;

#### ROA tăng lên 1,83% và ROE tăng 28,87%

Tiếp tục duy trì là ngân hàng thương mại cổ phần dẫn đầu về khả năng sinh lợi, hệ số ROA tăng lên 1,83% và ROE tăng 28,87%, cao nhất trên thị trường;

#### Hệ thống đánh giá xếp hạng khách hàng doanh nghiệp (QCA) Mô hình phân tích so sánh định tính QCA cho khách hàng

Triển khai áp dụng hệ thống đánh giá xếp hạng khách hàng doanh nghiệp (QCA)mô hình phân tích so sánh định tính QCA trên toàn hệ thống đối với khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và khách hàng doanh nghiệp rất nhỏ (MSME) giúp giảm đáng kể thời gian phê duyệt tín dụng, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng; đồng thời liên tục cải tiến hiệu quả mô hình QCA nhằm tạo ra công cụ phê duyệt tín dụng hiệu quả hơn nữa;

#### Tổng tài sản, đạt 180.531 tỷ đồng

Giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại cổ phần lớn thứ hai về mặt tổng tài sản, đạt 180.531 tỷ đồng;

#### Gắn kết bền lâu

Lần đầu tiên trong lĩnh vực tài chính ngân hàng Việt Nam, Techcombank cho triển khai chương trình chăm sóc khách hàng toàn diện dành cho hầu hết các sản phẩm tài chính cá nhân của Ngân hàng như dịch vụ tiền gửi tiết kiệm, tài khoản và thẻ Visa quốc tế. Chương trình đã giới thiệu đến khách hàng nhiều ưu đãi và khuyến mại, giúp ngân hàng chiếm được cảm tình cũng như sự tín nhiệm và lòng trung thành của khách hàng;



### Kết quả nền tảng vững mạnh

#### Vốn điều lệ tăng mạnh:

tăng 1.856 tỷ đồng từ 6.932 tỷ đồng lên 8.788 tỷ đồng trong đó có 1.765 tỷ đồng trích từ lợi nhuận để lại và 91 tỷ đồng từ nguồn dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

#### Công nghệ tiên tiến nhất:

triển khai thành công giai đoạn 2 của dự án nâng cấp hệ thống lõi T24 và giai đoạn 1 của dự án kho dữ liệu; đây là các dự án mang lại sự chuyển đổi toàn diện cơ sở hạ tầng và kiến trúc ứng dụng của hệ thống ngân hàng lõi (Multi-book, Multi-servers, giao diện browser, hạ tầng ARC-Internet Banking và cơ sở dữ liệu Oracle).

#### Mạng lưới sâu rộng:

Mạng lưới hoạt động tăng cả về số lượng và chất lượng. Năm 2011, ngân hàng đã có 307 chi nhánh và phòng giao dịch, đứng thứ 2 trong số các ngân hàng thương mại cổ phần. Ngân hàng hiện đang vận hành tổng cộng 2.657 máy POS, tăng 412 máy POS so với cuối năm 2010 và chiếm khoảng 3,4% thị phần. Số lượng máy ATM hiện tại của Techcombank là 1.205 máy, tăng 204 máy so với năm 2010 và chiếm 8,8% thị phần.

#### 10 giải thưởng quốc tế uy tín:

do các tạp chí tài chính uy tín hàng đầu thế giới trao tặng như *FinanceAsia*, *Asia Money*, *The Asset*... Đây là hiện tượng chưa từng có, ghi nhận một năm thành công, chứng thực khả năng lớn mạnh và vươn cao của ngân hàng.

# 28,87%

ROE tăng lên 28,87%,  
cao nhất trên thị trường

## Chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2011

# Hoạt động chiến lược và Tăng trưởng ấn tượng

Trong năm 2011, Techcombank đã đạt tăng trưởng vượt bậc bất chấp sự bất ổn của nền kinh tế và những thay đổi lớn về chính sách trên các thị trường ngân hàng. Với lợi nhuận trước thuế tăng 54% cùng với bảng cân đối tài chính mạnh, Techcombank đang nắm giữ một vị thế khá ấn tượng trên thị trường, hứa hẹn sự tăng trưởng vượt trội trong năm 2012.

### Vài nét sơ lược về hoạt động kinh doanh 2011

Những thành tích nổi bật trong năm 2011 đã giúp Techcombank thiết lập một vị thế vững chắc của một ngân hàng dẫn đầu thị trường.

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh tăng 1.943 tỷ đồng, tương đương 41%, đạt mức 6.662 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 54%, đạt mức 4.221 tỷ đồng;
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) tăng 22%, đạt 2.902 đồng/ cổ phần;
- Tổng tài sản tăng 20%, đạt 180.531 tỷ.

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm còn 31,5% so với mức 33,6% năm trước, phản ánh hoạt động mở rộng mạng lưới, đầu tư vào nguồn lực nhân viên và cơ sở hạ tầng trong năm 2010 đã bắt đầu mang lại kết quả trong năm 2011.

Techcombank đã tiếp tục áp dụng cơ chế quản lý thận trọng đối với bảng cân đối tài chính và tiếp tục tập trung vào tính thanh khoản và quản lý nguồn vốn. Nhờ vậy, Techcombank vẫn duy trì tốc độ phát triển tốt mặc dù thị trường bên ngoài có nhiều biến động trong năm 2011. Tỷ lệ cho vay trên huy động vào ngày 31/12/2011 đã được duy trì ở mức 65,9%, tăng nhẹ so với mức 62,2% trong năm trước.

Ngân hàng đã tạo ra nguồn vốn chủ sở hữu nội tại vững mạnh và đã tăng cường hơn nữa vị thế nguồn vốn thông qua đợt phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2011 để tăng vốn điều lệ của Techcombank thêm 27% tương đương 1.856 tỷ đồng, từ mức 6.932 tỷ đồng lên 8.788 tỷ đồng. Trong đó có 1.765 tỷ đồng là từ lợi nhuận giữ lại và 91 tỷ đồng từ dự trữ bổ sung vốn cổ phần.

Với những nền tảng kinh doanh vững chắc, Techcombank đang duy trì kết quả hoạt

động nhất quán và đã ghi dấu một năm 2011 đầy những thành tích vượt trội. Việc tiếp tục đầu tư vào cả hai Khối Dịch vụ tài chính cá nhân và Khối dịch vụ tài chính cho khách hàng doanh nghiệp giúp cho Techcombank có những bước chuẩn bị tốt để nắm bắt các cơ hội tăng trưởng tại các thị trường mục tiêu trọng điểm.

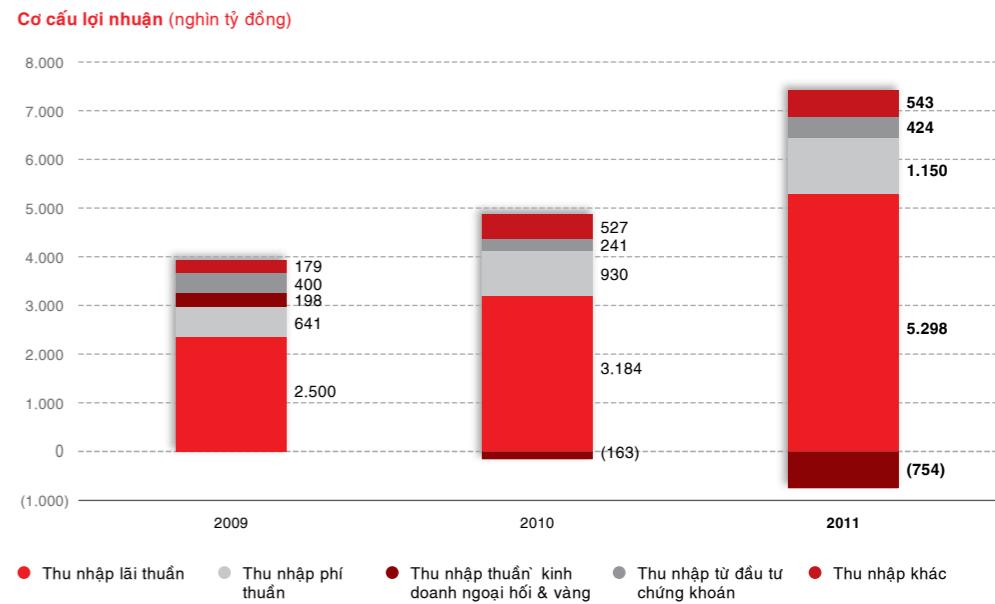
### Kết quả hoạt động vượt trội

Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh tăng 41% tương đương 1.943 tỷ đồng, lên mức 6.662 tỷ đồng. Thành tích này là nhờ sự tăng trưởng đồng đều của tất cả các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Thu nhập lãi thuần tăng 66%, đạt 5.298 tỷ đồng trong năm 2011. Sự tăng trưởng này là kết quả của chương trình khuyến mại, đa dạng hóa sản phẩm và tăng cường hợp tác giữa các bộ phận hỗ trợ như Ngân hàng giao dịch và Khối Bán hàng và Kênh phân phối nhằm tiếp cận và thu hút khách hàng.

Tỷ lệ biên thu nhập lãi thuần là 3,8%, thấp hơn mức 3,9% của năm 2010. Tuy nhiên, số dư trung bình tăng 70% đã dẫn đến sự tăng trưởng tốt hơn trong thu nhập lãi thuần. Thu nhập phí thuần tăng 24% tương đương 221 tỷ đồng, trong đó, thu nhập từ dịch vụ quản lý tiền mặt và tài trợ thương mại là 711 tỷ đồng, tăng 21%, khẳng định vị trí của Techcombank trong phân khúc dịch vụ này. Năm 2011, ngân hàng tập trung một cách có chọn lọc vào các ngành và các công ty có nguồn lực tài chính mạnh mẽ và vào việc cải thiện các thủ tục ngân hàng hiện có để nâng cao thu nhập phí từ dịch vụ này trên toàn hệ thống.

Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối, vàng và chứng khoán lỗ 754 tỷ đồng do các biến động khó lường của thị trường tiền tệ và vàng. Ngược lại, thu nhập từ kinh doanh đầu tư chứng khoán tăng lên đáng kể, tăng 183 tỷ đồng, đạt mức 424 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí/ thu nhập giảm từ 33,6% năm 2010

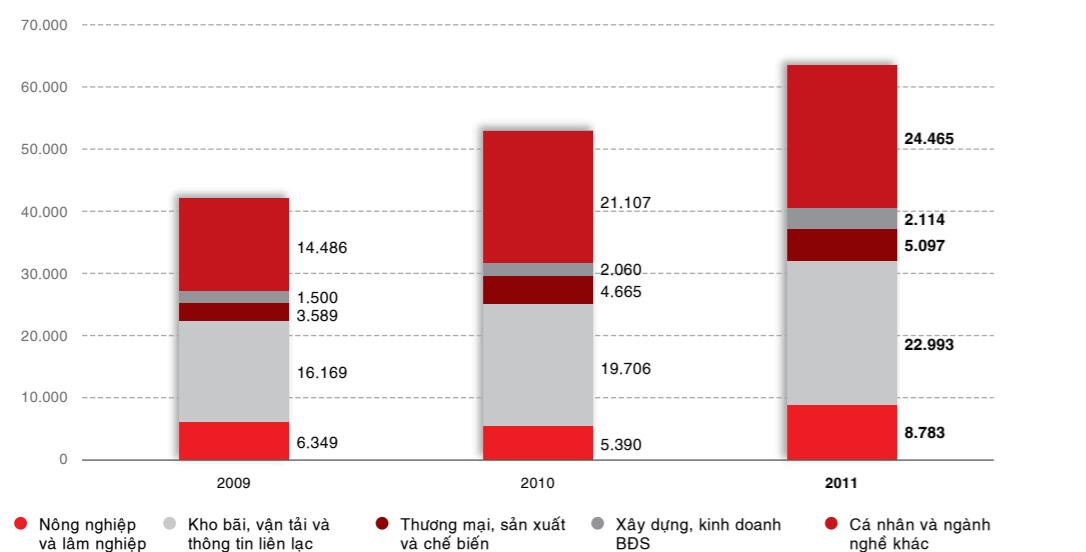


xuống 31,5% vào năm 2011, phản ánh hoạt động kiểm soát chi phí tương đối tốt của ngân hàng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 4.221 tỷ đồng, tương đương 54%, một tốc độ tăng trưởng ấn tượng, đặc biệt là trong bối cảnh khó khăn của thị trường tài chính. Tỷ lệ thu nhập trên mỗi cổ phiếu tăng 22%, đạt 2.902 đồng/ cổ phần. Tỷ lệ thu nhập trên tổng tài sản (ROA) duy trì ở mức 1,83% trong khi tỷ lệ thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt đến 28,87%, so với mức 24,8% năm 2010.

## **Chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2011**

Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh (tỷ đồng)



- Nông nghiệp và lâm nghiệp
- Kho báu, vận tải và thông tin liên lạc
- Thương mại, sản xuất và chế biến
- Xây dựng, kinh doanh BDS
- Cá nhân và ngành nghề khác

### Bảng cân đối kế toán vững mạnh

Ngân hàng tiếp tục tập trung vào việc duy trì bảng cân đối kế toán vững mạnh, thể hiện qua cơ chế đa dạng và thận trọng. Mặc dù có những bất ổn trong nền kinh tế và thị trường, nhưng chúng tôi vẫn giữ được khả năng thanh khoản cao với các mức huy động tốt trong suốt năm 2011. Tỷ lệ cho vay trên huy động đạt 65,9% so với mức 62,2% năm 2010. Chúng tôi thực hiện tốt tỷ lệ vốn hóa và củng cố hơn nữa vị trí vốn của mình thông qua việc tăng vốn lên mức 8.788 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vào thời điểm cuối năm là 11,43% cao hơn 2,43% so với tỷ lệ yêu cầu 9% từ ngân hàng Nhà nước.

Techcombank tiếp tục duy trì cơ chế quản lý cấu trúc quỹ thận trọng và quản lý tài sản có nguyên tắc thông qua việc tích cực phân bổ danh mục cho vay. Techcombank có một cấu trúc cho vay cẩn trọng. Dư nợ ngoại bảng tăng trưởng gần 7.000 tỷ đồng, tương đương 34% so với cùng kỳ năm trước.

### Cho vay

Tính đến thời điểm cuối năm 2010, dư nợ cho vay khách hàng đạt 63.451 tỷ đồng, tăng 19,9% so với năm 2010 trong đó nợ loại 3-5 chiếm 2,83%. Tỷ lệ tăng trưởng này thấp hơn so với tỷ lệ tăng trưởng năm 2010 (26%) và thấp nhất trong mấy năm gần đây tại Techcombank. Tăng trưởng tín dụng năm 2011 của ngân hàng đã tuân thủ đúng tỷ lệ trần tăng trưởng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Trong năm 2011, cho vay tăng trong hầu hết các lĩnh vực và chủ yếu tập trung mở rộng ra các đối tác được xếp hạng tốt và các giao dịch có tài sản đảm bảo. Cho vay khách hàng cá nhân tăng 3.837 tỷ, đưa tổng dư nợ cho vay khách hàng cá nhân lên 22.234 tỷ, chiếm 35% dư nợ cho vay của Techcombank. Khi quy mô hoạt động kinh doanh tăng lên, cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và khách hàng doanh nghiệp lớn cũng tăng 20% tương đương 41.217 tỷ đồng, chiếm 65% danh mục cho vay khách hàng.

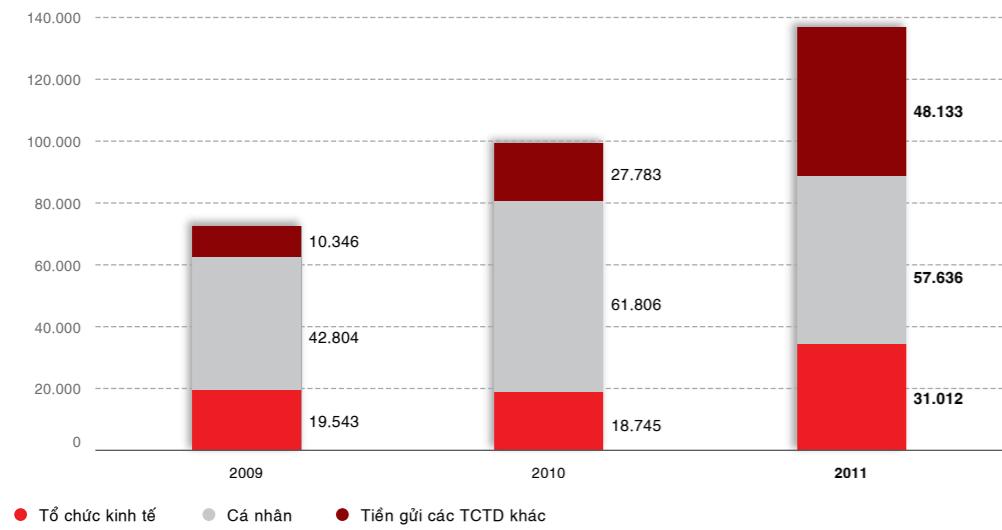


Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu  
là 11,43% cao hơn nhiều  
so với tỷ lệ yêu cầu 9% từ  
ngân hàng Nhà nước

**11,43%**

## Chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2011

Huy động phân theo đối tượng khách hàng (tỷ đồng)



Huy động tăng  
**28.447**  
tỷ đồng  
(+26%)

### Chứng khoán đầu tư tăng mạnh

Chứng khoán đầu tư tăng 16.742 tỷ tương đương 53%. Tăng chủ yếu do đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Doanh nghiệp.

Đầu tư chứng khoán vốn vẫn giữ ổn định chiếm 0,2% danh mục đầu tư tương đương với 77 tỷ đồng.

### Huy Động và Vay dẫn đầu thị trường

Techcombank tiếp tục duy trì nền tảng huy động tiền gửi mạnh mẽ và ổn định trong năm 2011. Tổng Tiền gửi huy động của ngân hàng đạt 136.781 tỷ đồng. Số dư tiền gửi tăng 28.447 tỷ đồng (+26%) so với cùng kỳ năm 2010. Tiền gửi từ các tổ chức kinh tế (+65%) và các tổ chức tín dụng (+73%) tăng mạnh so với năm 2010. Tiền gửi dân cư giảm 6,7% so với cuối năm 2010.

Giấy tờ có giá do Techcombank phát hành cũng tăng 54% từ 15.024 tỷ lên 23.094 tỷ đồng trong đó 12.521 tỷ có kỳ hạn dưới 12 tháng, 5.116 tỷ có thời hạn từ 12 tháng đến 5 năm, 2.456 tỷ có thời hạn trên 5 năm và 3.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi.

### Tiền mặt và tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

Tiền mặt và tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước tăng 2,5 nghìn tỷ đồng so với năm 2010. Đây là kết quả của chính sách tiền tệ thắt chặt của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước với tỷ lệ dự trữ bắt buộc đồng đô la Mỹ gần gấp đôi so với năm ngoái. Ngoài ra, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước tăng dẫn đến thặng dư tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo cho khả năng thanh khoản tốt trong bối cảnh thị trường đầy bất ổn của năm 2011.



### Vốn chủ sở hữu vững mạnh

Vốn chủ sở hữu tăng thêm 3.127 tỷ, đạt mức 12.516 tỷ so với năm 2010, nhờ việc phát hành cổ phiếu bổ sung từ lợi nhuận năm 2010. Năm 2011 không thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt. Điều này thể hiện cam kết mạnh mẽ từ các cổ đông trong việc hỗ trợ chiến lược dài hạn của Techcombank. Ngoài ra, Techcombank duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ở mức 11,43%, cao hơn 2,43 % so với mức yêu cầu 9% từ Ngân hàng nhà nước.

### Hoạt động ưu tiên trong năm 2012

Để tiếp nối thành công của năm 2011, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên trì thực hiện chiến lược của mình, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các khách hàng ưu tiên bán lẻ và cung cấp chất lượng dịch vụ ngân hàng giao dịch. Đồng thời sẽ tiếp tục áp dụng quản lý bảng cân đối kế toán một cách chủ động, duy trì sức mạnh thanh khoản và vốn. Ngoài ra, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực, mặt khác tập trung vào việc đơn giản hóa các quy trình ngân hàng; cải thiện chất lượng kênh phân phối nhằm nâng cao hiệu quả chi phí và chất lượng dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu tăng thêm 3.127 tỷ đồng, đạt mức

**12.516**  
tỷ đồng



> 66.000  
khách hàng  
doanh nghiệp  
+ 46%

Nâng cao chất lượng chăm sóc  
khách hàng

> 2.300.000  
khách hàng  
cá nhân  
+ 32%

## Gia tăng sự hài lòng của khách hàng

Chiến lược của chúng tôi là mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao khi sử dụng các dịch vụ của Ngân hàng thông qua việc không ngừng phát triển và mở rộng mạng lưới phục vụ trực tiếp cũng như trực tuyến, cùng các sản phẩm dịch vụ ưu việt. Chúng tôi chú trọng đầu tư vào hệ thống ngân hàng lõi tạo thế mạnh nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng và phát triển, đồng thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh tại thị trường khu vực phía Nam. ♦

## Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân (DVTCCN)

Với mục tiêu nắm giữ vị trí số 1 phân khúc khách hàng có thu nhập khá trong nhóm các ngân hàng TMCP và là số 1 đối với phân khúc khách hàng ưu tiên trong nhóm các Ngân hàng nội địa, Khối DVTCCN của Techcombank tập trung phát triển mạnh các chiến lược trọng tâm như tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới, phát triển công nghệ và cải tiến hệ thống Quản trị Rủi ro.

### Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

#### Hoạt động có chiến lược & Những con số bất phà

Techcombank đặt các mục tiêu cho DVTCCN đồng bộ với chương trình chuyển đổi TechcomOne<sup>1</sup> của toàn Ngân hàng. Mục tiêu chính hiện tại của DVTCCN là nắm giữ vị trí số 1 trong hai phân khúc then chốt, đó là phân khúc Khách hàng có thu nhập khá đối với thị trường ngân hàng thương mại cổ phần và phân khúc Khách hàng ưu tiên đối với thị trường ngân hàng nội địa. Tính đến hết năm 2011, sau 03 năm thực hiện chương trình chuyển đổi của giai đoạn 2009 – 2014, DVTCCN của Techcombank đã có những nỗ lực và thành tích vượt bậc. Với phương châm không ngừng nắm bắt các cơ hội phát triển hấp dẫn, Techcombank vẫn tiếp tục khẳng định vị thế của các dịch vụ của Ngân hàng trong tình hình thị trường đầy biến động và thách thức.

#### Hoạt động có chiến lược

- Tập trung phát triển mạnh vào hai phân khúc: Khách hàng có thu nhập khá và Khách hàng ưu tiên tại các khu vực trọng điểm.
- Phát triển mạnh lực lượng bán hàng với các chức danh bán tập trung vào đối tượng khách hàng chuyên biệt.

- Xây dựng mô hình kinh doanh hướng tới các yếu tố định vị chiến lược là Dịch vụ và sự Thuận tiện.
- Đầu tư phát triển công nghệ và chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống Quản trị Rủi ro.

**Những con số bất phà (2011 so với 2010)**

- Lợi nhuận trước thuế tăng đến 255%.
- Tỷ lệ thu nhập phí tăng 99%.
- Tỷ lệ cho vay kinh doanh tăng 44%.
- Số lượng thẻ Visa tăng 79%.
- Số lượng khách hàng tăng 32%.

#### Định hướng hoạt động kinh doanh ưu tiên cho năm 2012:

- Phát triển các sản phẩm và chương trình chăm sóc khách hàng dành riêng cho nhóm khách hàng trung và cao cấp.
- Phát triển và khẳng định vị thế của dịch vụ ngân hàng ưu tiên.
- Phát triển thương hiệu của toàn Ngân hàng.
- Hoàn thiện các quy trình quan trọng và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ bán hàng.

### Những con số bất phà

Lợi nhuận trước thuế tăng đến

**255%**

Tỷ lệ thu nhập phí tăng

**99%**

Tỷ lệ cho vay kinh doanh tăng

**44%**

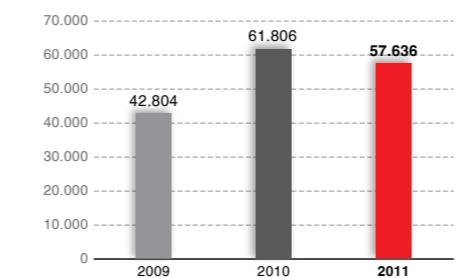
Số lượng thẻ Visa tăng

**79%**

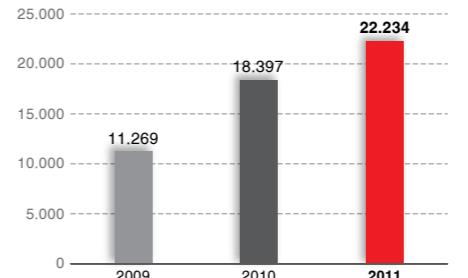
Số lượng khách hàng tăng

**32%**

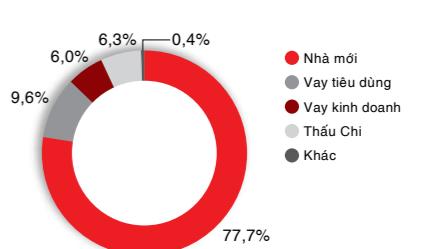
#### Huy động (tỷ đồng)



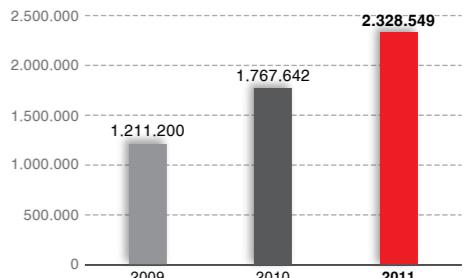
#### Dư nợ (tỷ đồng)



#### Cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm



#### Số lượng khách hàng



#### Kết quả tài chính nổi bật

Năm 2011, Khối DVTCCN của Techcombank đã nhất quán thực hiện chiến lược kinh doanh theo chương trình chuyển đổi và tiếp tục cải thiện và đơn giản hóa các quy trình cơ bản để áp dụng cho các danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân; chủ yếu là các dịch vụ tiền gửi, cho vay, thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Tất cả các cố gắng và nỗ lực này nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất, cung cấp các dịch vụ và sản phẩm ngày một thuận tiện hơn. Và thành công đã không nằm ngoài sự mong đợi của chúng tôi với những kết quả tài chính vượt chỉ tiêu và các con số bất phà. Trong đó, lợi nhuận trước thuế đạt mức tăng 255% và số lượng khách hàng mới tăng 32% so với năm 2010. Các giá trị huy động ổn định và bền vững cũng là một kết quả ấn tượng trong tình hình kinh tế đầy khó khăn do lạm phát cao và bất ổn kinh tế vĩ mô khô khốc.

Đặc biệt, trong bối cảnh ngành Ngân hàng đang phải đổi mới với vấn đề nợ xấu tăng cao, tỷ lệ dư nợ và tỷ lệ cơ cấu dư nợ của Techcombank vẫn được duy trì ổn định và tuân thủ nghiêm ngặt cơ chế quản trị rủi ro của Ngân hàng. Đáng chú ý là tỷ trọng thu nhập thuần từ phí trong tổng thu nhập hoạt động thuần tăng từ 9,40% lên 11,26%, phản ánh xu thế tăng trưởng bền vững trong sự phát triển chung của Techcombank.

#### Huy động

Nhờ sự tín nhiệm của khách hàng, trong năm 2011, tốc độ tăng trưởng huy động của Khối DVTCCN vẫn duy trì ổn định và bền vững. Mặc dù giá trị huy động khách hàng cá nhân có giảm nhẹ (-6,7%) so với 2010, tổng giá trị huy động đạt 57.636 tỷ đồng vẫn là một con số đầy thách thức trước điều kiện sụt giảm lớn nguồn tiền của toàn thị trường tiền tệ trong năm 2011 do tình hình kinh tế đầy khó khăn trên toàn thế giới và ở Việt Nam với lạm phát cao và bất ổn kinh tế vĩ mô khô khốc.

Sự ủng hộ của khách hàng đã góp phần giúp cho tổng giá trị huy động của Techcombank vươn lên vị trí thứ 2 về huy động trong số các Ngân hàng TMCP tại Việt Nam.

#### Dư nợ cho vay và cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm

Mục tiêu cung cấp các dịch vụ cho vay có tính linh hoạt và tiện ích cao, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng, đã đem lại kết quả ấn tượng cho Ngân hàng trong năm 2011 khi dư nợ cho vay tăng 20,9% so với năm 2010 và cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm hợp lý. Đặc biệt dư nợ cho vay theo mục đích kinh doanh tăng 43,7% và tỷ lệ dư nợ cho mua nhà mới chiếm 77,7% tổng cho vay khách hàng cá nhân.

#### Số lượng khách hàng tăng cao

Năm 2011 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ, trong đó lợi nhuận trước thuế đạt mức tăng 255% so với năm 2010. Các chỉ tiêu hoạt động đạt mức tăng trưởng khả quan với số lượng thẻ Visa lũy kế, số lượng khách hàng và số lượng tài khoản hoạt động tăng tương ứng 79%, 32% và 24% so với năm 2010.

## Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân (DVTCCN)



### Thành tích ấn tượng

#### Phát triển sản phẩm và dịch vụ mới

Hướng tới mục tiêu cải tiến dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và thiết kế sản phẩm phục vụ các nhu cầu riêng của từng phân khúc khách hàng năm 2011, Khối DVTCCN Techcombank đã giới thiệu một số sản phẩm chiến lược và nhận được sự chào đón cũng như mức độ tín nhiệm ngày càng tăng của khách hàng. Trong đó, nổi bật nhất là sản phẩm F@st Easy. Với tính năng thanh toán tiện lợi và dễ dàng, phối hợp với các dịch vụ ngân hàng điện tử Internet banking, Mobile banking và hạn mức thẻ cao, sản phẩm này ngày càng được tin dùng rộng rãi trên thị trường. Bên cạnh đó, năm 2011 cũng đánh dấu sự ra đời thành công của các sản phẩm kết hợp với các đối tác khác như các sản phẩm kết hợp bảo hiểm, các sản phẩm thẻ tín dụng, sản phẩm cho vay. Sự kết hợp với các đối tác như Mercedes-Benz, Le Group, Vietnam Airlines, Peacesoft, Vincom... giúp Techcombank phát triển thêm nhiều sản phẩm đa dạng, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu riêng của từng đối tượng khách hàng.

Ngoài việc cung cấp gói sản phẩm đa dạng, Khối DVTCCN Techcombank còn chú trọng phát triển các sản phẩm được đầu tư công nghệ cao như thẻ chip EMV có tính an toàn và bảo mật cao, mang lại nhiều tiện ích cho chủ thẻ. Việc trở thành thành viên của Western Union trong năm 2011 cũng là một bước tiến đáng chú ý khi số lượng giao dịch tăng gấp 3 chỉ sau 4 tháng hoạt động, hứa hẹn doanh số phát triển mạnh trong năm tới.

**Cải tiến chất lượng và quy trình phục vụ**  
Ngoài việc tập trung phát triển sản phẩm, ngân hàng bán lẻ Techcombank còn chú trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình nhằm mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Các khóa đào tạo quy chuẩn phục vụ khách hàng cũng được tổ chức thường xuyên cho các lực lượng bán hàng. Các chương trình chăm sóc khách hàng được chú trọng; trong đó đáng chú ý nhất là việc mở rộng Dịch vụ ngân hàng ưu tiên tới 133 chi nhánh và việc hoàn thiện chương trình chăm sóc Khách hàng ưu tiên

được bắt đầu triển khai chuẩn hóa từ đầu năm 2012. Năm vừa qua cũng đã chứng kiến những thành tựu trong việc chú trọng cải tiến chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các chức năng đối với hệ thống ATM/ POS và Ngân hàng điện tử. Hơn nữa, việc hoàn thiện hệ thống tự động hóa xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng quản lý tín dụng cá nhân LOS cũng là một thành quả rất quan trọng trong năm 2011 để tạo đà phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng cho khách hàng cá nhân trong các năm tới.

### Định hướng năm 2012

#### Phát triển dịch vụ và sản phẩm mới cho năm 2012

Hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, việc đầu tư phát triển công nghệ và chú trọng vào xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro là một trong những ưu tiên hàng đầu của Techcombank. Trong suốt năm 2011, Ngân hàng đã chú trọng đầu tư và cải tiến liên tục hệ thống ngân hàng lõi T24 để hỗ trợ nhu cầu kinh doanh, phục vụ lượng khách hàng ngày càng tăng của Ngân hàng. Ngoài ra, Techcombank còn tập trung phát triển và ứng dụng thành công các hệ thống hỗ trợ và cung cấp dịch vụ khác như hệ thống tự động hóa xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng LOS (Loans Origination System), đóng góp đáng kể cho công tác quản lý toàn bộ quy trình xử lý, cung cấp dịch vụ tín dụng bán lẻ và quản trị rủi ro tín dụng.

Bên cạnh đó việc phát triển các sản phẩm đặc thù hướng tới nhu cầu giao dịch, đầu tư, chương trình chăm sóc khách hàng trung và cao cấp, phát triển đội ngũ chuyên viên chăm sóc khách hàng ưu tiên cao cấp (RM) cũng là không nằm ngoài trọng tâm của Khối DVTCCN của Techcombank trong năm 2012 này.

Lợi nhuận trước thuế tăng đến

**255%**

## Dịch Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp (KHDN)

Techcombank tiếp tục tập trung phát triển Khối khách hàng doanh nghiệp như một thế mạnh trong hoạt động kinh doanh của mình nhằm xác lập vị thế khác biệt so với các đối thủ trên thị trường ngân hàng tại Việt Nam.

### Tổng quan hoạt động của Khối KHDN năm 2011

Khối KHDN luôn là một thế mạnh và đóng vai trò then chốt trong hoạt động kinh doanh của Techcombank. Trong năm 2011, thông qua việc phát triển hàng loạt các hoạt động kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ dành riêng cho các đối tượng khách hàng doanh nghiệp, Techcombank một lần nữa đã tiếp tục khẳng định vai trò chủ lực của Khối khách hàng doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như trong vai trò xác lập một vị thế khác biệt cho Techcombank trên thị trường ngân hàng cả nước.

### Kết quả tài chính nổi bật

"Khách hàng là số 1", với phương châm đó, Techcombank đã không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ mang đến sự thuận tiện, tiết kiệm thời gian với chất lượng nâng cao và các sản phẩm tiên tiến được "đo ni đóng giày" phục vụ riêng cho từng đối tượng khách hàng. Tính tới cuối năm 2011, Techcombank đã phục vụ hơn 66.152 đối tượng doanh nghiệp trên khắp cả nước. Trong đó, số lượng khách hàng doanh nghiệp mới tăng thêm là hơn 13.000 khách hàng, chủ yếu là các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kết quả này đã chứng thực sự cam kết của Techcombank trong việc đồng hành cùng sự phát triển của các doanh nghiệp, đồng thời cũng thể hiện sự tin tưởng và gắn bó của các doanh nghiệp dành cho Techcombank, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế khó khăn chung của cả nước.

### Huy động dẫn đầu thị trường

Nhờ sự tín nhiệm của khách hàng, trong năm 2011, tốc độ tăng trưởng huy động của Khối khách hàng doanh nghiệp đạt mức 65% so với mức 18.745 tỷ đồng vào đầu năm 2011. Trong đó, tăng trưởng huy động tăng thêm của Khối khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm đến 94%. Ngoài ra, tính

đến thời điểm cuối năm 2011, huy động tiền đồng Việt Nam chiếm 78% tỷ trọng huy động của Khối khách hàng doanh nghiệp.

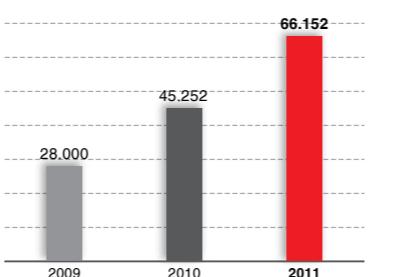
### Chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ chuyên biệt theo ngành

Trước tình hình kinh tế vẫn còn nhiều biến động của năm 2011 và định hướng của Chính phủ, Techcombank đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh theo một số ngành trọng tâm để phục vụ tốt hơn và theo sát từng nhóm đối tượng khách hàng. Theo đó, Techcombank tập trung nguồn lực vào nghiên cứu đặc điểm riêng của từng ngành trọng tâm và cùng với những hiểu biết sẵn có của mình về các ngành này sau một thời gian dài phục vụ khách hàng, Techcombank đã phát triển ra các sản phẩm chuyên biệt nhằm phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng trong từng nhóm ngành này.

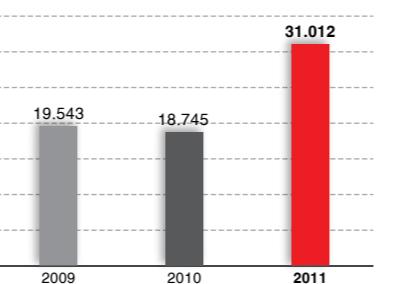
Bên cạnh đó, để hưởng ứng nội dung chỉ đạo theo Nghị Quyết 11 của Chính phủ trong việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh trực tiếp, ưu tiên nhóm ngành sản xuất nông nghiệp nông thôn, Techcombank đã dành nhiều chương trình ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh nông lâm thủy sản như chương trình tài trợ xuất khẩu nông lâm thuỷ sản hay chương trình tài trợ L/C nhập khẩu theo chương trình GSM 102, v.v... Đến cuối năm 2011, nhóm ngành nông lâm thuỷ sản có mức tăng trưởng gần như cao nhất so với các nhóm ngành khác.

Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, Techcombank chủ động điều chỉnh và giảm thiểu các hoạt động cho vay đối với các nhóm ngành nghề kinh doanh không mang hiệu quả đóng góp xã hội cao, góp phần hưởng ứng các định hướng đúng đắn mà Chính phủ đề ra.

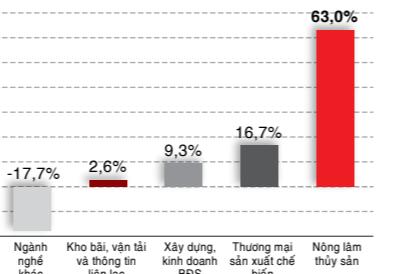
Số lượng khách hàng



Huy động Doanh nghiệp (tỷ đồng)



Tăng trưởng dư nợ theo ngành nghề



### Thành tích ấn tượng

#### Cung cấp các sản phẩm & dịch vụ trọn gói, đa dạng

Để đạt được các kết quả nêu trên, Techcombank đã không ngừng nỗ lực trong việc cung cấp và hoàn thiện các sản phẩm đa dạng, linh hoạt và trọn gói cho Khối KHDN như: Tài trợ trọn gói, Tài trợ nhà cung cấp, Tài trợ nhà phân phối, Thấu chi doanh nghiệp... Với chính sách tối ưu hóa dành cho Khối KHDN cùng với uy tín và chất lượng dịch vụ tốt, các khách hàng doanh nghiệp ngày một sử dụng nhiều hơn các sản phẩm, dịch vụ của Techcombank. Theo đó, các khách hàng, đặc biệt các đối tượng khách hàng doanh nghiệp có số lượng đơn vị thành viên hoặc hệ thống đại lý phân phối lớn hoặc các doanh nghiệp mà đối tác có mạng lưới phân bổ rộng khắp, sẽ được hỗ trợ kiểm soát dòng tiền một cách hiệu quả và tối ưu hóa được lợi nhuận cũng như có điều kiện tập trung hơn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Kết quả, năm 2011 là năm bứt phá ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc của doanh số phát hành L/C, Bảo lãnh từ Khối KHDN.

Doanh số (tỷ đồng)	2011	2010	Tăng trưởng
LC	5.411	8.889	64%
Bảo lãnh	5.595	8.868	58%

### Hướng tới tương lai

#### Định hướng năm 2012

Hướng đến mục tiêu chung "Xây dựng một hệ thống ngân hàng đơn giản hóa và hoạt động hiệu quả trong năm 2012", Techcombank đang tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy trình như Quy trình phê duyệt tín dụng, Quy trình giải ngân, Quy trình đánh giá tài sản... nhằm rút ngắn tối đa thời gian và đảm bảo phục vụ Khối KHDN một cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh các hoạt động mở rộng, thu hút và phục vụ khách hàng mới, Techcombank cũng đặc biệt quan tâm đến các khách hàng hiện hữu. Trong năm 2011, Techcombank đã bước đầu triển khai việc xây dựng "Chương trình khách hàng thân thiết" với những quyền lợi ưu đãi vượt trội dành cho các khách hàng truyền thống có cam kết gắn bó lâu dài. Hoạt động này đã chứng thực cho cam kết của Techcombank trong việc tri ân khách hàng và thể hiện mục tiêu gắn kết lâu dài và bền vững vì sự phát triển của khách hàng cũng như của Techcombank.

Hơn nữa, để mang lại sự hài lòng tối đa cho Khối KHDN, ngoài việc hoàn thiện hơn các quy trình và sản phẩm, Techcombank cũng chú trọng vào chuẩn hoá đội ngũ nhân sự, đảm bảo năng lực nhân viên nhằm phục vụ tốt nhất cho các doanh nghiệp.



> 8.330  
nhân viên

Phát triển nguồn nhân lực

> 40 tỷ đồng  
đầu tư vào  
đào tạo và  
huấn luyện

## Nguồn nhân lực - yếu tố thành công

Con người chính là chìa khóa thành công của chúng tôi. Với một đội ngũ trẻ và năng động, chúng tôi tập trung tối đa hóa tiềm năng phát triển của họ thông qua các khóa huấn luyện và xây dựng đội ngũ; tạo ra nguồn nhân lực luôn đồng hành và lớn mạnh cùng Ngân hàng và trở thành những nhà lãnh đạo tương lai. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng sự phát triển bền vững của doanh nghiệp luôn đồng hành với sự phát triển chung của cộng đồng, vì vậy những sáng kiến phát triển kinh doanh đồng thời có thể hỗ trợ và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng luôn được chúng tôi rất coi trọng. ◆

## Quản Trị Nguồn Nhân Lực

Hướng tới mục tiêu xây dựng Techcombank trở thành một môi trường làm việc tốt nhất, là nơi vun đắp cho sự phát triển, cống hiến và thành công của các tài năng.

Với tầm nhìn trở thành “Ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam”, chiến lược phát triển nhân sự được Ngân hàng đặc biệt quan tâm chú trọng với định hướng “Tạo dựng cho nhân viên môi trường làm việc tốt nhất” dựa trên 3 yếu tố cơ bản:

- Thu hút và giữ chân nhân tài;
- Đào tạo và phát triển;
- Tưởng thưởng và công nhận.

Theo đó, lộ trình thực hiện chiến lược nhân sự (2010 – 2014) được chia làm 3 giai đoạn:

- Xây dựng nền tảng cơ bản;
- Xây dựng năng lực và thay đổi tư duy;
- Tinh chỉnh và tái thiết kế.

Trong năm 2011, Techcombank đã có những bước tiến đáng kể trong việc thực thi các chiến lược về nhân sự như: Hoàn thiện các chính sách, quy trình, hệ thống; Xây dựng năng lực đội ngũ nhân viên; Phát triển phương pháp tiếp cận trong hoạt động nhân sự.

### Xây dựng, phát triển, cải tiến và hoàn thiện quy trình, chính sách và hệ thống nhân sự

Trong năm 2011, dựa trên Bộ từ điển Năng lực gồm 34 bản năng lực và 800 bản mô tả công việc, Techcombank đã hoàn thành việc xây dựng bản danh sách mô tả chi tiết công việc và kỹ năng công việc cho từng chức danh trên toàn hệ thống Ngân hàng. Với bản danh sách vô cùng rõ ràng và minh bạch này, Techcombank tiếp tục cải tiến và hoàn thiện bản cấu trúc lương và các cấp bậc nội bộ mới của toàn hệ thống nhằm phản ánh

### Các kết quả nổi bật năm 2011

#### Đào tạo nước ngoài

**60** CBNV

#### Đào tạo ngoại khóa trong nước

**263** CBNV

#### Đào tạo chức danh GĐNH

**155** CBNV

#### Đào tạo các vị trí RBO, RMSME, Teller

**1.583** CBNV

#### Chương trình nhân viên NH tương lai (Future Banker)

**500** CBNV

#### Bổ nhiệm cán bộ Quản lý

**550** CBNV

#### Xây dựng kỹ năng đội, nhóm

**4.300** CBNV

#### Chi phí hoạt động đào tạo

**40,5** tỷ đồng



đúng giá trị của từng vị trí công việc, giúp Techcombank thực hiện được chính sách lương thưởng dễ dàng và công bằng, cũng như thu hút được nhiều nhân tài hơn.

#### Đào tạo và phát triển năng lực cho CBNV trên toàn hệ thống

Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống chuẩn để đánh giá công việc và kỹ năng công việc, Techcombank cũng hết sức chú trọng tới việc xây dựng, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cho công việc của CBNV qua việc xây dựng lộ trình công danh, thực hiện các kế hoạch đào tạo các chức danh cho các đơn vị thông qua nhiều phương thức: Chuẩn hóa chương trình đào tạo nhân viên mới, tập trung vào các vị trí RBO, RMSME, Teller với gần 1.600 CBNV tham gia; triển khai hệ thống học tập trực tuyến E-learning nhằm cải thiện tiêu chuẩn đào tạo cũng như giúp CBNV học tập dễ dàng hơn.

Với mục tiêu khuyến khích và tạo động lực phát triển cho đội ngũ CBNV, Techcombank đã triển khai thi nghiệp vụ và phỏng vấn phong hàm cho 600 cán bộ. Và đặc biệt, lần đầu tiên tiến hành hướng dẫn các đơn vị chọn lựa và đánh giá các CBNV tiềm năng để chọn ra Nhà lãnh đạo tương lai cho Ngân hàng. Đồng thời, trong năm 2011, để bồi dưỡng và ghi nhận những CBNV có thành tích xuất sắc trong công việc cũng như thực hiện cam kết của Techcombank đối với lực lượng CBNV mãn cán, chúng tôi đã đề bạt hơn 550 cán bộ lên các vị trí quản lý trong nội bộ Ngan hàng.

Bên cạnh đó, nằm trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, Techcombank cũng hết sức quan tâm đến việc tìm kiếm, đào tạo nguồn nhân lực tương lai cho Ngân hàng. Thông qua Chương trình Future Banker, tạm dịch là “Nhân viên ngân hàng tương lai”, Techcombank phối hợp với các đối tác là các trường đại học, công ty nhân sự... để tổ chức các ngày hội việc làm tại các trường đại học, các cuộc thi thử sức cùng nhà tuyển dụng và các chương trình thực tập sinh, tài trợ học bổng...

#### Thay đổi phương pháp tiếp cận đối với hoạt động nhân sự

Để chiến lược Nhân sự của Ngân hàng đạt được hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích nhất, Techcombank đã triển khai Chương trình Chuyển đổi Nhân sự với sự hỗ trợ từ phía các chuyên gia Nhân sự của đối tác chiến lược HSBC. Chương trình sẽ tạo ra các chức năng Nhân sự tiên tiến, chuyên nghiệp và tốt nhất nhằm giúp phát triển sâu các khả năng cũng như vai trò lãnh đạo trong nội bộ Techcombank.

#### Hoạt động truyền thông và công tác triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống mới

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của từng cá nhân trong việc thực hiện thành công chiến lược phát triển nhân sự, Ngân hàng đã rất chú trọng tới công tác truyền thông đặc biệt là các chương trình truyền thông từ lãnh đạo cấp cao trực tiếp tới các cấp quản lý và toàn bộ CBNV về các chính sách, quy trình mới:

Xây dựng bản mô tả công việc và kỹ năng công việc, nguyên tắc trả lương, chính sách cho vay ưu đãi dành cho CBNV, sự ghi nhận và đền ngô đối với CBNV có thành tích cao...

Triển khai trên toàn hệ thống các chính sách, quy trình mới: Tổ chức thi tuân thủ, thi nghiệp vụ, phỏng vấn phong hàm, chọn lựa nhà lãnh đạo tương lai, lập kế hoạch đánh giá KPI cho từng CBNV, xét mức độ đáp ứng yêu cầu bản mô tả công việc và kỹ năng công việc để điều chỉnh mức lương phù hợp.

#### Thực hiện khảo sát mức độ cam kết của CBNV với Ngân hàng

Thông qua Công ty tư vấn Nhân sự quốc tế hàng đầu Hay Group, lần đầu tiên Techcombank đã triển khai phương pháp khảo sát mức độ cam kết của CBNV. Kết quả tỷ lệ phản hồi đạt được là 88%, chứng minh sự cam kết gắn bó lâu dài của CBNV đối với công cuộc xây dựng và phát triển Ngân hàng.

Để tiếp nối lộ trình chiến lược nhân sự, năm 2012, Techcombank tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trong giai đoạn 2 – Xây dựng năng lực đội ngũ nhân viên theo chiến lược nhân sự, tập trung hoàn thiện việc xây dựng năng lực CBNV và thay đổi tư duy trong hoạt động nhân sự.

## Trách Nhiệm Xã Hội Doanh Nghiệp

Tư tưởng “Cộng đồng phát triển phồn thịnh cùng Techcombank” nay đã thấm sâu vào cội rễ của từng hoạt động, văn hóa, triết lý cũng như tập quán kinh doanh của Techcombank.

### Triết lý “Phồn thịnh cùng cộng đồng” của Techcombank

Trong suốt 18 năm hoạt động, chúng ta đã luôn tin rằng một ngân hàng hoặc một doanh nghiệp nhìn chung không thể thịnh vượng mà không hỗ trợ cộng đồng nơi mình hoạt động. Theo thời gian, niềm tin này đã ăn sâu vào văn hóa và thấm sâu trong mỗi thế hệ cán bộ nhân viên của chúng tôi trên cả nước. Do đó, việc trở thành một công dân doanh nghiệp tốt là rất quan trọng trong chiến lược phát triển, cũng như tư tưởng bù đắp lại cho cộng đồng đã trở thành thói quen của chúng tôi.

Từ hạt mầm niềm tin này, trong những năm qua, nhiều hoạt động từ thiện đã được khởi xướng không những từ chính ngân hàng mà còn do sự tự phát của đội ngũ nhân viên Techcombank. Từ giúp đỡ người nghèo và tài trợ tài năng trẻ trong các lĩnh vực cho đến hỗ trợ người bị thiên tai, hoặc bất cứ khi nào cần, Techcombank cũng luôn sẵn sàng.

### Triết lý

của Techcombank

Tuy nhiên, các hoạt động này của chúng tôi thường có quy mô nhỏ, tự phát và thiếu một số yếu tố chiến lược, do đó hạn chế khả năng vươn xa và lan tỏa mạnh mẽ hơn của các hoạt động giúp ích thiết thực cho cộng đồng.

### Chung tay

góp sức vì cộng đồng năm 2011

Do nhận thấy phải hành động ngay để giải quyết các hạn chế nêu trên, năm 2011, chúng tôi đã tích hợp các hoạt động trách nhiệm xã hội vào chung với sự nghiệp của toàn Ngân hàng với chiến lược rõ ràng và tăng cường ngân sách lớn hơn, khoảng 16,4

tỷ đồng, để giúp đỡ được nhiều người và nhiều số phận hơn. Đặc biệt, ngành giáo dục luôn là lĩnh vực được chúng tôi quan tâm nhất. Chúng tôi đã có các hoạt động thiết thực như cung cấp cơ sở vật chất và quỹ học đường, khuyến khích và tài trợ tài năng trẻ nhằm đóng góp vào quá trình xây dựng nguồn lực trí tuệ cho đất nước.

### Chương

trình học bổng “Techcombank – Khăn quàng đỏ đến trường” là cột mốc quan trọng trong các nỗ lực vượt bậc nhằm

mang đến thông điệp thuyết phục nhất về những gì chúng tôi đang cố gắng làm để giúp đỡ cộng đồng nói chung và trẻ em nghèo nói riêng. Trong chương trình này, Techcombank đã trao tặng 500 suất học bổng, mỗi học bổng trị giá 3 triệu đồng, cho các em học sinh nghèo hiếu học từ 9 đến 14 tuổi tại 6 thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Cần Thơ và Tp. Hồ Chí Minh. Ngân sách đã được trích từ lợi nhuận của số tiền tiết kiệm do khách hàng tham gia chương trình “Hạnh phúc lan tỏa” gửi tới với thông điệp chính “Mỗi

một triệu đồng tiền gửi tại Techcombank sẽ thêm một cơ hội cho trẻ em nghèo đến trường”. Chương trình học bổng này là cách khuyến khích thiết thực nhất nhằm cống niêm tin của các em nhỏ để các em tiếp tục giấc mơ đến trường, để đất nước có thêm niềm tin về thế hệ tương lai hiếu biết, trí tuệ, và niềm vui và hạnh phúc của thế hệ trẻ sẽ tiếp tục lan truyền trên toàn quốc....

Một cột mốc quan trọng khác là hoạt động tiếp tục tài trợ cuộc thi “Microsoft Office

World Champion 2011”. Chúng tôi cam kết sẽ gắn bó và tài trợ lâu dài cho chương trình này. Đây là một đấu trường tốt để học sinh và sinh viên trên cả nước chứng minh kỹ năng máy tính văn phòng của mình thông qua các ứng dụng văn phòng của Microsoft. Thông qua chương trình này, Techcombank cam kết góp phần nâng cao trình độ tin học cho học sinh sinh viên Việt Nam, tìm kiếm và hỗ trợ tài năng trẻ, từ đó nâng cao chất lượng lao động và hiệu quả làm việc trong các doanh nghiệp của Việt Nam.

Cũng trong lĩnh vực giáo dục, chúng tôi đã tài trợ 1 tỷ đồng cho Quỹ khuyến học và thắp sáng tài năng trẻ do Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật, Bộ Công an thành lập. Qua đó, chúng tôi đã hỗ trợ hơn 500 triệu đồng để mua trang thiết bị cho 14 phòng học và 1 phòng hội nghị cho trường Trung học Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; và tặng học bổng cho một số trường đại học kinh tế trên toàn quốc....

Ngoài lĩnh vực giáo dục, Techcombank cũng tập trung vào hỗ trợ tái thiết sau lũ lụt ở miền Trung, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa và đền đáp sự hy sinh của các bà mẹ Việt Nam cho công cuộc giải phóng đất nước. Tổng ngân sách chi cho các hoạt động này lên tới khoảng 8 tỷ đồng.

### Giúp điều

tốt vươn xa hơn trong năm 2012

Vào năm 2012, nhằm khẳng định hơn nữa vị thế công dân doanh nghiệp tốt và hỗ trợ tối đa việc xây dựng cộng đồng tốt hơn, chúng tôi cam kết tăng cường chung tay góp sức vì

cộng đồng cả về bề rộng lẫn chiều sâu với các chiến lược và định hướng rõ ràng hơn. Đặc biệt, với tinh thần “ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, Techcombank sẽ không chỉ huy động sự tham gia của các cán bộ nhân viên mà còn dự định truyền thông các nỗ lực của mình với xã hội để các cá nhân và các tổ chức khác cùng tham gia vào sự nghiệp cao quý này. Các mảng ưu tiên của các hoạt động từ thiện là giáo dục, môi trường và chăm sóc sức khỏe bởi vì chúng



## Các Giải Thưởng Lớn Trong Năm 2011

**2011 – Năm của các thành tích vượt trội, Techcombank đang tạo lập những tầm cao mới cả về thế và lực.**



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam  
năm 2011  
Alpha Southeast Asia



Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
Alpha Southeast Asia



Ngân hàng tài trợ thương mại  
tốt nhất Việt Nam năm 2011  
Alpha Southeast Asia



Giải tỷ lệ điện tử chuẩn năm 2011  
Bank of New York



Top 500 doanh nghiệp lớn nhất  
Việt Nam 2011  
Bộ thông tin và truyền thông



Giải thưởng sao vàng đất Việt 2011  
Hiệp hội doanh nghiệp trẻ



Giải doanh nghiệp dẫn đầu tại  
Việt Nam 2011  
World Confederation  
of Businesses



Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất  
Việt Nam về  
Danh tiếng Truyền thông năm 2011  
Vietnam Report và Media Tenor



Sản phẩm tín dụng nằm trong  
top 200 sản phẩm  
Thời báo kinh tế Việt Nam



Giải doanh nghiệp vì cộng đồng  
Tạp chí Thương mại

2011 là năm ghi dấu thành tích vượt bậc của Techcombank trong lịch sử hoạt động của mình, vươn lên một tầm cao mới cả về thế và lực. 16 giải thưởng quốc tế, trong và ngoài nước đã giúp Techcombank đạt được một thành tích chưa từng có, với sự công nhận của những tổ chức uy tín hàng đầu thế giới và Việt Nam trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Đây chính là lời khẳng định thuyết phục nhất cho một thời kỳ phát triển tạo lập những tầm cao mới của Techcombank.



Ngân hàng tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
Finance Asia



Ngân hàng bán lẻ của năm 2011 tại  
Việt Nam  
Asian Banking and finance



Ngân hàng cung cấp  
dịch vụ ngoại hối tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
Asiamoney



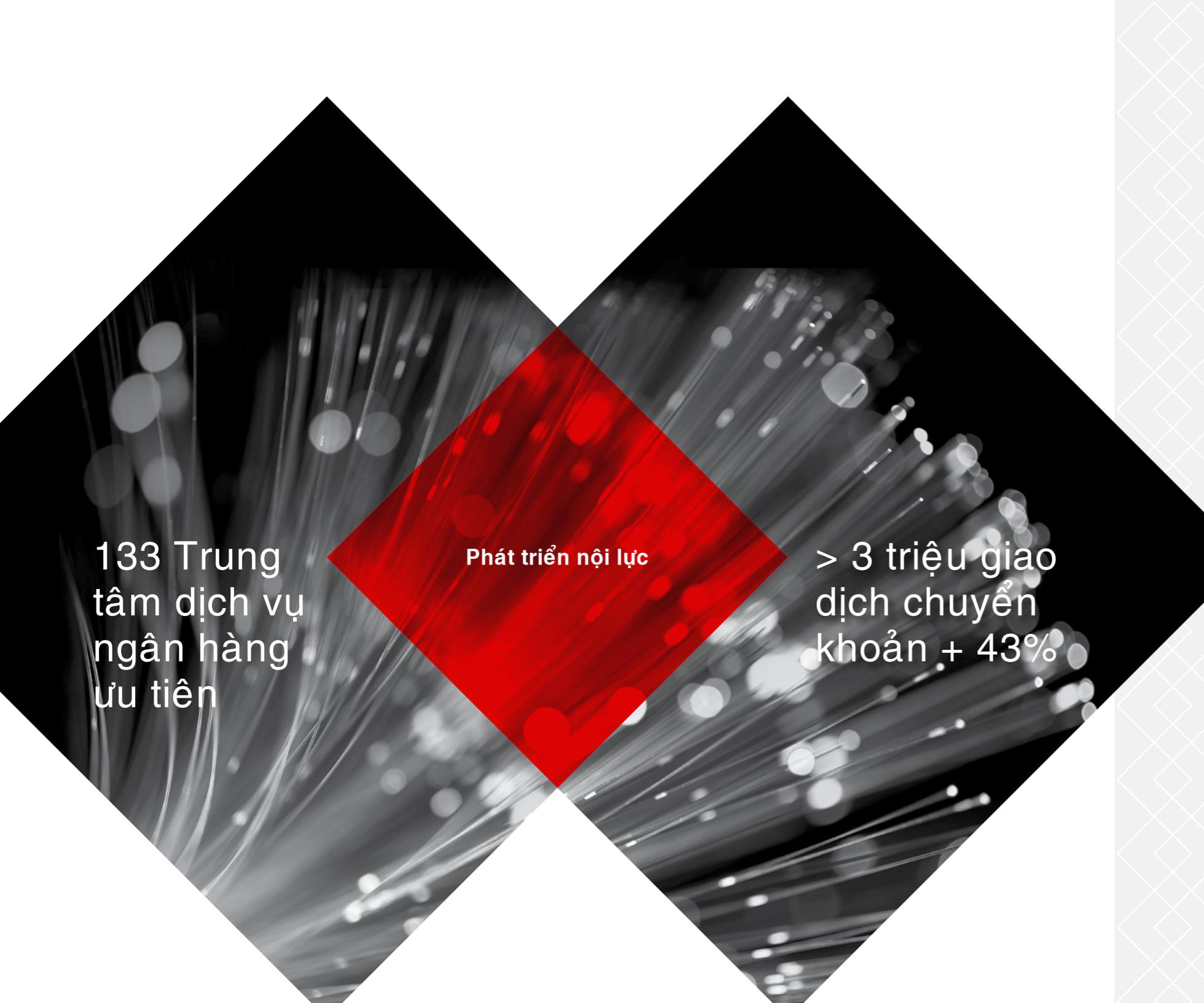
Ngân hàng nội địa tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
The Asset



Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
Finance Asia



Ngân hàng tài trợ  
thương mại tốt nhất  
Việt Nam năm 2011  
Finance Asia



133 Trung  
tâm dịch vụ  
ngân hàng  
ưu tiên

Phát triển nội lực

> 3 triệu giao  
dịch chuyển  
khoản + 43%

## Đầu tư để tăng trưởng

Hệ thống ngân hàng giao dịch của chúng tôi là chìa khóa cho sự phát triển mạnh mẽ và vững bền trong tương lai. Sự tích hợp thành công các hệ thống dịch vụ ngân hàng trên toàn bộ mạng lưới các chi nhánh trong mọi loại hình dịch vụ đã mang lại cho chúng tôi lợi thế cạnh tranh khi giao dịch với thời gian thực giúp gia tăng chất lượng dịch vụ và khả năng tạo ra các sản phẩm ưu việt cho khách hàng. Trong năm qua, dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên đã triển khai 133 trung tâm giao dịch cung cấp chất lượng dịch vụ xứng tầm cho các khách hàng Ưu tiên của Techcombank. ♦

## Ngân Hàng Giao Dịch (NHGD)

Với các giải pháp ngân hàng giao dịch toàn diện thông qua nhiều kênh đa dạng dưới sự kết hợp hoàn hảo giữa kiến thức địa phương sâu sắc và chuẩn mực quốc tế, Techcombank được xem như một trong các ngân hàng giao dịch dẫn đầu trên thị trường ngân hàng Việt Nam.

### Tầm nhìn chiến lược

Khối ngân hàng giao dịch (“NHGD”) là đơn vị kinh doanh tập trung vào sản phẩm. Với tầm nhìn chiến lược là đưa Techcombank lên vị trí số 1 trong phân khúc thị trường ngân hàng địa phương, dẫn đầu về các sản phẩm và giải pháp Quản lý tiền tệ và Tài trợ thương mại cho các đối tượng khách hàng doanh nghiệp, chúng tôi tận dụng tất cả các hệ thống công nghệ hiện đại, tối tân nhất để phục vụ tốt nhất cũng như mang lại sự hài lòng nhất cho khách hàng.

Chúng tôi cũng không ngừng nỗ lực cung cấp các giải pháp ngân hàng giao dịch toàn diện thông qua nhiều kênh đa dạng như ngân hàng điện tử, quầy giao dịch, hệ thống ATM và SMS nhằm mang đến cho khách hàng các lựa chọn dịch vụ đa dạng và tiện lợi nhất.

Mục tiêu của chúng tôi là phát triển và cung cấp những giải pháp thân thiện, dễ thao tác và kiểm tra, tiện sử dụng, được xử lý nhanh nhất và đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất. Các giải pháp của chúng tôi được phát triển dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc những yêu cầu kinh doanh đặc thù của riêng từng khách hàng doanh nghiệp và phát huy tối đa những thế mạnh của Ngân hàng như:

- Mạng lưới chi nhánh rộng khắp;
- Nền tảng công nghệ tiên tiến;
- Hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược HSBC - ngân hàng toàn cầu dẫn đầu về dịch vụ ngân hàng giao dịch.

Đây chỉ là một trong số các yếu tố tạo nên sự khác biệt về dịch vụ của Techcombank so với các đối thủ cạnh tranh khác.

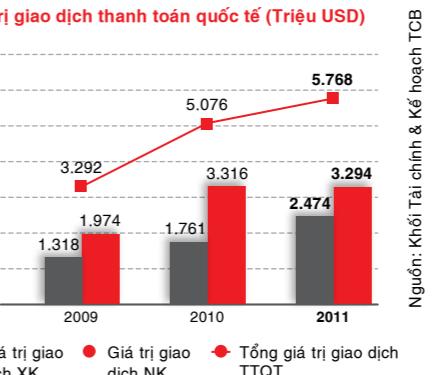
### Thành tích ấn tượng

**Hoạt động tài trợ thương mại**  
tại Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ trong năm 2011 với tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam tăng lần lượt 34% và 25% so với năm 2010. Để tận dụng cơ hội tăng trưởng đầy ấn tượng này, Khối NHGD đã phối hợp cùng với Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Khối Phân phối & Bán hàng, lập nên một mô hình Tài trợ thương mại nhằm huấn luyện và đào tạo các chuyên gia Tài trợ thương mại được tuyển chọn từ những chi nhánh lớn của Techcombank với mục đích tập trung cung cấp các giải pháp Tài trợ thương mại cho khách hàng, đóng góp vào sự phát triển của dịch vụ Tài trợ thương mại Techcombank. Mô hình bước đầu đã đạt được những thành công đáng kể với bình quân lượng giao dịch Tài trợ thương mại tăng 30% trong 05 tháng triển khai tại các chi nhánh thí điểm.

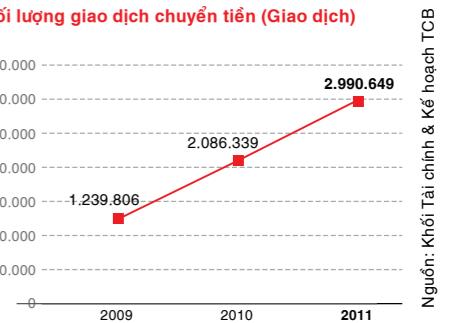
Bên cạnh đó, chúng tôi xây dựng vị trí “Chuyên gia tư vấn Tài trợ thương mại”, hoạt động với chức năng là tư vấn các giải pháp Tài trợ thương mại và các vấn đề phát sinh từ chi nhánh; đồng thời triển khai cơ chế giám sát Tài trợ thương mại mới hiệu quả.

Khối NHGD đã và đang phát triển hàng loạt các giải pháp liên quan đến Tài trợ thương mại cho các khách hàng định chế tài chính như phát hành LC theo yêu cầu của định chế tài chế (LC outsourcing), tái tài trợ theo LC và chia sẻ rủi ro, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Trên phương diện phát triển sản phẩm, chúng tôi giới thiệu sản phẩm tài trợ L/C nhập khẩu theo chương trình GSM-102 của Bộ Nông Nghiệp Mỹ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam tiếp cận với nguồn vốn giá rẻ từ chính phủ Mỹ. Sau một năm triển khai, Khối NHGD đã hỗ trợ khách hàng của mình sử dụng được hơn



Tổng khối lượng và giá trị giao dịch thanh toán quốc tế của Techcombank tăng đều qua các năm với mức độ tăng trưởng ổn định ở cả hai mảng xuất – nhập khẩu. Tổng giá trị giao dịch thanh toán quốc tế đạt 5,8 tỷ đô la Mỹ trong năm 2011, tăng 75% so với năm 2009 tại thời điểm thành lập Khối NHGD. Chúng tôi đã hỗ trợ và góp phần tạo nên thành công cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam như lĩnh vực nông nghiệp và thủy hải sản tại Việt Nam.



Khối lượng giao dịch chuyển tiền giữ mức tăng trưởng ổn định khoảng 40-70% qua các năm 2009 - 2011, đạt 2,99 triệu giao dịch/ năm. Tỷ lệ điện chuyển qua hệ thống ngân hàng đại lý đạt trên 99%, đáp ứng tối đa sự hài lòng của khách hàng sử dụng.

hàng điện tử (ARC-IB) từ đầu năm 2012 nhằm cung cấp cho khách hàng những tính năng mới và tính bảo mật cao, gia tăng độ tin cậy của khách hàng đối với Kênh ngân hàng điện tử.

Đi đôi với việc phát triển hệ thống chi nhánh rộng khắp, Khối NHGD đạt 45% tăng trưởng ròng về khối lượng giao dịch (cho mảng giải pháp về Quản lý tiền tệ và Tài trợ thương mại) so với năm 2010.

Khối NHGD tự hào khi được đóng một vai trò quan trọng trong thành công của Ngân hàng với các giải thưởng uy tín như “Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam năm 2011” của tạp chí FinanceAsia, giải thưởng “Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam năm 2011” và “Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2011” do tổ chức Alpha Southeast Asia trao tặng.

## Ngân Hàng Giao Dịch (NHGD)

### Định hướng năm 2012

Mục tiêu thách thức mới của Khối NHGD trong năm 2012: tăng trưởng doanh thu phí 70% so với năm 2011; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Khối kinh doanh khác; tập trung phát triển các thế mạnh cũng như xây dựng và triển khai những giải pháp chuyên biệt đáp ứng nhu cầu phức tạp của Khách hàng doanh nghiệp để mở rộng mạng lưới khách hàng rộng khắp.

Để đạt được mục tiêu này, Khối NHGD sẽ phối hợp với các Khối KHDN và Khối KHDN lớn, cùng nhau xây dựng cơ chế củng cố quan hệ với các khách hàng doanh nghiệp. Ngoài ra, Khối NHGD sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các chi nhánh tiếp cận khách hàng, cung cấp những giải pháp NHGD toàn diện và hiệu quả, thể hiện phong cách làm việc chuyên nghiệp và tinh thần đồng đội của Techcombank.

Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ tiếp tục cải tiến và đơn giản hóa các quy trình hiện có, xây dựng và phát triển các sản phẩm mới; đồng thời, sử dụng công nghệ hiện đại nhằm cạnh tranh với các đối thủ khác.

Khối NHGD cũng dự định mở rộng mô hình Tài trợ thương mại cho 08 chi nhánh nữa trong Techcombank để tăng cường thị phần trong những hoạt động kinh doanh tài trợ thương mại.

Hơn nữa, để đạt được những mục tiêu đầy thách thức này, Khối NHGD sẽ tăng cường làm việc nhóm, đẩy mạnh tinh thần kỷ luật, công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực tiềm năng của Ngân hàng.

Chúng tôi dự định tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân viên trong khu vực phía Nam, đây được coi như là một thị trường quan trọng có tiềm năng rất lớn cho sự tăng trưởng và phát triển trong tương lai của Techcombank.

---

> 3 triệu  
giao dịch chuyển khoản  
**+ 43%**

---



## Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử (e-Banking)

Với mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu Việt Nam, Techcombank đã không ngừng nỗ lực để vươn lên một trong 3 vị trí dẫn đầu phân khúc Dịch vụ ngân hàng điện tử e-Banking, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cao cấp nhờ vào các lợi thế công nghệ và chiến lược độc đáo.

### 1. Chiến lược phát triển dài hạn

#### Tổng quan thị trường

Trong những năm gần đây, các kênh truyền thống như quầy giao dịch và ATM không còn là các kênh giao dịch ngân hàng duy nhất. Trên thị trường đã có nhiều chuyển biến rõ rệt về một hình thức giao dịch ngân hàng hiện đại hơn đáp ứng nhu cầu thuận tiện và tiết kiệm chi phí của khách hàng.

Bên cạnh đó, qua các con số nghiên cứu về sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ, thị trường internet và điện thoại di động với hơn 30 triệu người sử dụng internet và hơn 150 triệu thuê bao điện thoại di động như hiện nay, các ngân hàng phát triển bán lẻ cũng đã nhận thức rõ ràng về tiềm năng phát triển thị trường này để mở rộng hệ thống khách hàng, cung cấp các tiện ích cho khách hàng, giảm thiểu chi phí, tăng các khoản thu về phí và lợi nhuận trên số dư tài khoản thanh toán cá nhân.

#### Xu hướng

Trên thị trường bán lẻ, các ngân hàng chia thành 2 xu hướng cạnh tranh chính.

Xu hướng thứ nhất là các ngân hàng nước ngoài tập trung vào tính thuận tiện và dựa trên các giao dịch ngân hàng truyền thống cũng như sự ổn định hệ thống, khả năng giao dịch tự động đơn giản với quy trình đã được chuẩn hóa trên toàn cầu để tạo sự tin nhiệm nơi khách hàng. Xu hướng thứ hai là

các ngân hàng TMCP bán lẻ trong nước, dựa trên tính chủ động của hệ thống và các mối quan hệ bản địa, tập trung vào đa dạng hóa dịch vụ, chủ yếu là các dịch vụ thanh toán, cung cấp cho khách hàng nhiều tiện ích thanh toán với nhiều đối tác cung cấp sản phẩm và dịch vụ. Hoạt động này đã khuyễn khích khách hàng sử dụng nhiều hơn tài khoản thanh toán và kết quả là ngân hàng và khách hàng ngày càng trở nên gắn kết hơn.

#### Định vị của Techcombank

Hiện tại, Dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank đang có một vị trí nhất định trong thị trường Ngân hàng điện tử nói chung và nắm giữ vị trí 1 trong 3 ngân hàng dẫn đầu về dịch vụ và hình ảnh trên thị trường. Định hướng phát triển dài hạn sẽ được chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị (2010 - 2012) và Giai đoạn bứt phá (2013 - 2015) với mục tiêu đứng nhất về hình ảnh và dịch vụ và đứng thứ 3 về thị phần ngân hàng điện tử e-Banking.

#### Giai đoạn chuẩn bị

Trong giai đoạn này, Techcombank tập trung ổn định hệ thống, phát triển và cải tiến các kênh giao dịch điện tử như nâng cấp Internet Banking, đầu tư mobile Banking; chuẩn hóa quy trình về sản phẩm cũng

nhiều dịch vụ; đặc biệt chú trọng mở rộng mạng lưới cơ sở khách hàng và chất lượng phục vụ, đồng thời, duy trì tốc độ phát triển các tính năng thanh toán cơ bản. Bên cạnh đó, quan sát các đối thủ và nắm bắt xu hướng thị trường để gia tăng nhu cầu chung về ngân hàng điện tử. Và không kém phần quan trọng trong giai đoạn này là Techcombank phải giữ vững thị phần, hình ảnh và gia tăng niềm tin nơi khách hàng về độ ổn định cùng chất lượng phục vụ.

#### Giai đoạn bứt phá

Trong giai đoạn bứt phá, Techcombank sẽ tập trung duy trì sự ổn định về mạng lưới cơ sở khách hàng, gia tăng các dịch vụ và tính năng khác biệt so với thị trường như các tính năng đầu tư, thương mại, cộng đồng e-Banking Techcombank... với mục đích tạo sự quan tâm và nhiều cơ hội mới. Giai đoạn này cũng sẽ chú trọng vào tăng cường thị phần thông qua truyền thông và các dịch vụ khác, với điểm nhấn là phân khúc khách hàng có thu nhập khá và nhóm khách hàng năng động. Và nhu cầu của khách hàng sẽ là trọng tâm chính, giúp họ cảm thấy hoàn toàn chủ động trong các giao dịch ngân hàng của mình. Với các định hướng chiến lược rõ nét này, chắc chắn e-Banking của Techcombank sẽ dẫn đầu và luôn đi trước thị trường về tính năng, ý tưởng và độ tin cậy.

### 2. Thành tích ấn tượng 2011

Để thực hiện kế hoạch chiến lược đã đề ra và cũng để tiếp nối thành công năm 2010, Ngân hàng đã xem xét và kiểm tra lại toàn bộ quy trình ngân hàng điện tử nhằm đơn giản hóa các thao tác từ đăng ký, sử dụng dịch vụ đến việc hỗ trợ khách hàng. Cụ thể là mở rộng Trung tâm tư vấn Call Center với các dịch vụ và quy trình cải tiến mới. Đầu tư, nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi, ngân hàng Internet lên các phiên bản mới ổn định và có khả năng phục vụ tốt hơn số lượng lớn các khách hàng và giao dịch.

Ngân hàng cũng đưa các sản phẩm Dịch vụ tài chính cá nhân lên trên các kênh ngân hàng điện tử như Tiết kiệm Online, Cho vay online, Thanh toán thẻ tín dụng online...

Ngân hàng cũng đã triển khai một số chương trình hợp tác chiến lược với các đối tác trong thanh toán đơn như Viettel, Mobifone, Sfone, Prudential, EVN Tp.HCM, Vietnam Airline, Jetstar và AirMekong... và trong mua sắm trực tuyến lớn như Nganluong.vn, muaban.net, Baokim.vn, TVshopping.vn. Đồng thời, mở rộng thêm mạng lưới thông qua các cổng thanh toán như VNPay, Smartlink, OnePay.

Năm 2011 cũng là năm ghi nhận hoạt động tăng cường truyền thông của Techcombank về các tính năng, dịch vụ, sản phẩm và tiện ích của Ngân hàng điện tử đến khách hàng qua các phương tiện đại chúng và kết hợp với các đối tác thương mại điện tử nhằm khuyễn khích các khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán qua các kênh ngân hàng điện tử của Techcombank.

### 3. Định hướng năm 2012

- Dựa trên nền tảng thành công trong năm 2011 và chiến lược phát triển dài hạn, trong năm 2012 Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư phát triển kênh Mobile Banking và hoàn thiện phiên bản mới của Internet Banking nhằm cung cấp nền tảng ổn định, bền vững cho hệ thống.
- Chuẩn hóa các quy trình bán, đăng ký, sử dụng dịch vụ và hỗ trợ khách hàng trên các kênh trực tiếp và truyền thống, các kênh điện tử và đối tác.
- Chú trọng phát triển mạnh cơ sở khách hàng thông qua các tính năng đăng ký điện tử tự động và tích hợp tính năng e-Banking vào các tài khoản giao dịch hiện tại cùng các chính sách bán phù hợp.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược nhằm tối đa hóa dịch vụ thanh toán cho khách hàng

Techcombank như dịch vụ công, thanh toán hóa đơn và thương mại điện tử... và phát triển hợp tác kinh doanh toàn diện.

- Tăng cường truyền thông về dịch vụ và tính năng thuận tiện với hình ảnh e-Banking Techcombank trên các phương tiện truyền thông. Đồng thời, hợp tác với các đối tác, chú trọng vào lợi ích của e-Banking và thu hút khách hàng tham gia sử dụng và trải nghiệm dịch vụ giao dịch điện tử của Ngân hàng.

Những định hướng chiến lược này sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc, các sản phẩm và quy trình chuẩn cùng chất lượng dịch vụ và năng lực bán hàng nâng cao. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng để sẵn sàng cho giai đoạn tiếp theo của kế hoạch chiến lược: "Giai đoạn bứt phá".

Số lượng thanh toán (bill) và bán hàng (merchant) mới được phát triển qua kênh e-Banking và cổng thanh toán điện tử

7

Số lượng các ứng dụng sản phẩm mới trên các kênh ATM, internet banking, mobile banking... gateway

9

Số lượng giao dịch thông qua Internet banking

51.978

Tổng số tiền giao dịch trung bình trên kênh internet banking mỗi tháng (nghìn tỷ)

2,2 tỷ VNĐ

## Ngân Hàng Ưu Tiên

Tiếp nối thành công đầy ấn tượng của năm 2011, với những nỗ lực không ngừng hoàn thiện, hoạt động đa dạng hóa sản phẩm và tập trung nâng cao chất lượng, cải tiến dịch vụ khách hàng, Ngân hàng ưu tiên của Techcombank sẽ vươn cao hơn, vượt xa các đối thủ và chiếm lĩnh 11% thị phần khách hàng cao cấp trong năm 2012.

### Tầm nhìn chiến lược

Trong thập kỷ gần đây, tốc độ tăng trưởng dân số thuộc phân khúc khách hàng giàu có đang ngày càng rõ rệt; đặc biệt, Châu Á Thái Bình Dương là khu vực có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất. Trước xu thế đó, việc phát triển các dịch vụ ngân hàng tài chính dành cho phân khúc khách hàng giàu có là một cơ hội kinh doanh và hướng phát triển tất yếu đối với các ngân hàng.

Giai đoạn từ cuối năm 2010 đến nay, hàng loạt ngân hàng nước ngoài đã đưa mô hình dịch vụ dành cho phân khúc khách hàng này vào Việt Nam. Các ngân hàng trong nước cũng chính thức ra mắt các dịch vụ tương tự trên thị trường. Để bắt kịp xu hướng, ngay cả những ngân hàng chưa chính thức công bố dịch vụ cũng nhập cuộc khi đưa ra những sản phẩm chú trọng khai thác nhu cầu của nhóm khách hàng giàu có. Trên thị trường Việt Nam hiện nay có khoảng 17 ngân hàng đã có những hoạt động, dịch vụ tập trung dành riêng cho một phân khúc khách hàng đặc biệt. Trong ba năm trở lại đây, cuộc chạy đua cạnh tranh thị phần phân khúc khách hàng cao cấp giữa các ngân hàng đã thực sự bùng nổ.

Hiện nay, phân khúc khách hàng giàu có hay Khách hàng ưu tiên được đánh giá là một trong những phân nhóm khách hàng quan trọng nhất trong Khối DVTCCN của Techcombank. Tính đến thời điểm cuối năm 2011, số lượng khách hàng hội viên chính thức của Techcombank Priority đã lên đến con số hơn 11.000 khách hàng và vẫn đang tiếp tục tăng lên với tốc độ tăng trưởng đáng kể, đóng góp gần 35% lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Khối DVTCCN.

Techcombank luôn đặt mục tiêu trở thành Ngân hàng số một trong phân khúc Khách hàng ưu tiên đối với thị trường các ngân hàng địa phương và kiên định giữ vững định vị chiến lược “Thuận tiện, Hiệu quả với Dịch vụ Xứng tầm”. Với những giá trị khởi tạo và kỳ vọng gửi đến khách hàng, Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên của Techcombank đã không ngừng xây dựng và cải tiến, từ sản phẩm, dịch vụ đến mô hình kinh doanh để đáp ứng những nhu cầu đa dạng của nhóm khách hàng quan trọng này.

### Thành tích ấn tượng

**Cung cấp các sản phẩm đa dạng và sáng tạo**  
Một loạt các sản phẩm đã được thiết kế với những đặc tính riêng biệt như Gói sản phẩm Priority hay những sản phẩm mang tính chất sáng tạo như Gói bảo hiểm Priority, Dịch vụ hỗ trợ cuộc sống Techcombank Priority Care đã được khách hàng sử dụng và tin nhiệm.

Bên cạnh đó, những chương trình chăm sóc khách hàng đẳng cấp, những sự kiện với các đối tác chiến lược như giải Mercedes Golf Tournament 2011 và Fascination Motor Show hay những hội thảo chuyên đề về bất động sản với Savills... đã đưa thương hiệu Techcombank Priority đến gần hơn nữa với nhóm khách hàng tiềm năng của các đối tác chiến lược quan trọng. Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên của Techcombank nhận được nhiều sự đánh giá tích cực từ phía khách hàng, không chỉ từ các khách hàng ưu tiên mà còn từ cả người thân của họ. Tại Techcombank Priority, khách hàng hoàn toàn có thể tin tưởng và ủy thác cho những Chuyên Viên Quan hệ khách hàng cao cấp như những người bạn đồng hành thân thiết, để có thêm giây phút cho gia đình.

Vị thế của khách hàng và đóng góp của khách hàng đối với Ngân hàng là nhân tố Techcombank xác định được tầm quan trọng của việc nhận diện được khách hàng. Thẻ nhận diện Priority tích hợp với các thẻ thanh toán đã được gửi đến các khách hàng hội viên để khách hàng nhận được đặc quyền của mình thông qua hơn 100 đối tác liên kết của Priority trên cả nước, đáp ứng các nhu cầu gia tăng của khách hàng ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

### Dịch vụ đẳng cấp

Với quy mô triển khai trên 133 đơn vị trên hệ thống trong năm qua tại năm địa bàn trọng điểm, cùng 11 khu vực phục vụ khách hàng chuyên biệt và hệ thống quầy Priority đồng bộ trên tất cả các đơn vị, khách hàng cao cấp đã có những trải nghiệm thực sự đối với một dịch vụ ngân hàng xứng tầm.

### Định hướng năm 2012

Để liên tục đáp ứng nhu cầu của khách hàng và đưa ra nhiều yếu tố cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường, trong thời gian tới, Khối Ngân hàng ưu tiên của Techcombank sẽ tập trung phát triển mạnh các sản phẩm mang tính chất đầu tư, cơ cấu và sỡ hữu công bố các sản phẩm mới về tiền gửi cấu trúc, sản phẩm đầu tư tín thác...

Ngoài ra, với đội ngũ Chuyên viên quan hệ khách hàng cao cấp chuyên biệt, tận tâm, không ngừng lớn mạnh về cả quy mô và chất lượng, Khối Ngân hàng ưu tiên của Techcombank cũng đang dần khẳng định vị thế vững mạnh trên thị trường và với những nỗ lực không ngừng hoàn thiện, hoạt động đa dạng hóa sản phẩm và tập trung nâng cao chất lượng, cải tiến dịch vụ khách hàng. Khối Ngân hàng ưu tiên của Techcombank hứa hẹn sẽ vượt xa các đối thủ, chiếm lĩnh 11% thị phần khách hàng cao cấp trong năm 2012.



## Quản Trị Rủi Ro

Với sự hỗ trợ của các đối tác chiến lược HSBC và McKinsey, Techcombank đã thiết lập một nền tảng Quản trị rủi ro vững mạnh, có thể được hỗ trợ trung và dài hạn.

### Định hướng chiến lược Quản trị rủi ro (QTRR)

Hiểu rõ tính chất quyết định của QTRR đối với các hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank đã thiết lập được các bước xây dựng chiến lược QTRR vững mạnh để làm cơ sở cho các hoạt động cho vay đảm bảo, danh mục cho vay đa dạng, rủi ro bất động sản thấp, quy trình đồng bộ hóa và các chính sách thận trọng, vốn có thể được hỗ trợ trong thời gian trung và dài hạn.

Chiến lược QTRR của Techcombank là xây dựng một hệ thống phát triển đồng bộ với kinh doanh bao gồm các hướng dẫn vận hành chặt chẽ. Hệ thống này sẽ hoạt động dựa trên mức độ rủi ro mà các ngân hàng phải đối mặt. Trong hệ thống này còn có các cấu trúc hỗ trợ song song để đảm bảo cơ chế phòng ngừa rủi ro kịp thời và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Chiến lược QTRR sẽ được gắn kết trực tiếp với các hoạt động kinh doanh chính của tổ chức và đủ linh động để có thể nhanh chóng thích nghi với các thay đổi liên tục của môi trường rủi ro.

Để xây dựng hệ thống QTRR, Ngân hàng sẽ xây dựng và phát triển dựa trên các biện pháp hiện thời thông qua đội ngũ chuyên gia nhân sự được đào tạo và cập nhật thường xuyên các kiến thức thiết thực cùng những hiểu biết sâu sắc về QTRR. Các biện pháp QTRR tốt nhất sẽ được thực hiện và thi hành một cách chặt chẽ trên toàn bộ các nền tảng ngân hàng của Techcombank thông qua các công cụ mới nhất, chương trình và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến nhất.

### Tổng quan về QTRR

#### Năm 2011

Cùng với chính sách tiếp tục củng cố hệ thống QTRR tín dụng của mình, trong năm 2011, Techcombank đã tiến hành một số biện pháp nhằm tăng cường giám sát QTRR. Một trong những biện pháp có ảnh hưởng rộng nhất là việc áp dụng toàn diện hệ thống xếp hạng cho Khách hàng bán lẻ và Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này cho phép xây dựng một hệ thống hạn mức danh mục theo ngành, địa điểm, nhóm khách hàng, thời hạn khoản vay, và sản phẩm. Kết quả là chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống đạt mức nợ xấu 2,8%. Hơn nữa, rủi ro thanh khoản được quản lý một cách chặt chẽ và Techcombank hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu và thanh toán trong Quý 4 năm 2011. Rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động được quản trị tốt trong hạn mức Ngân hàng đặt ra và không xảy ra rủi ro bất thường nào. Điều này trái ngược với các ngân hàng nhỏ vì các ngân hàng này thường gặp căng thẳng thanh khoản và chậm trả trên thị trường liên ngân hàng. Thành công này của Techcombank có thể kể đến các quy trình QTRR đã được đưa ra áp dụng từ năm trước đó.

Chiến lược QTRR của Techcombank là xây dựng một hệ thống phát triển đồng bộ với kinh doanh bao gồm các hướng dẫn vận hành chặt chẽ.

### Thành tích ấn tượng 2011

Trong năm 2011, khi phát triển với tốc độ đáng kể, Ngân hàng đã đầu tư vào những hệ thống vận hành mới nhất và thiết lập các biện pháp tốt nhất. Techcombank đã làm việc với những công ty công nghệ thông tin, tài chính và tư vấn hàng đầu thế giới. Phương thức thực hiện như sau:

#### Phần mềm LOS

Dựa trên mô hình do hãng Experian của Mỹ xây dựng, Ngân hàng đã thực hiện thành công ứng dụng phần mềm tự động hóa hệ thống xử lý và thẩm định hồ sơ tín dụng (LOS) cho khách hàng cá nhân. Việc này cho phép tự động hóa hoàn toàn quy trình và tích hợp nhiều chức năng mới nhất, bao gồm chức năng phát hiện gian lận.

#### Chính sách tín dụng cập nhật

Để phản ánh tình trạng thị trường, các chính sách tín dụng đã được rà soát nghiêm ngặt và cập nhật liên tục. Nhiều tài liệu quan trọng đã được cải tiến như Khẩu vị Rủi ro cho Khách hàng doanh nghiệp và Khách hàng bán lẻ; Chính sách tín dụng; Quy định cho vay; Quy định bảo lãnh; Quy định phê duyệt tín dụng; và Quy trình cấp tín dụng doanh nghiệp. Ngoài ra, một số chỉ thị tín dụng cũng đã được sửa đổi để QTRR tín dụng những ngành chiếm tỉ trọng dư nợ lớn tại Techcombank.

**Hệ thống xếp hạng tín dụng mới**  
Hệ thống xếp hạng tín dụng Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và Khách hàng doanh nghiệp rất nhỏ, đã được thực hiện trong khuôn khổ dự án xây dựng mô hình QTRR tín dụng do McKinsey tư vấn. Đây là mô hình cho xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân.

#### Cảnh báo thanh khoản

Liên tục theo dõi rủi ro thanh khoản theo các hệ thống hạn mức nội bộ. Quy trình này còn nghiêm ngặt hơn cả các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Để đảm bảo sự tuân thủ của Ngân hàng, các mức cảnh báo sớm cũng được thiết lập. Hơn nữa, chức năng kiểm tra cảng thẳng cũng đã được tiến hành trong năm 2011 để đảm bảo các hạn mức này là hợp lý và để xây dựng các phương pháp đối phó với các tình huống khó khăn.

#### Đảm bảo tính chính xác tín dụng

Bộ phận quản trị danh mục tín dụng đã xây dựng phương pháp tính toán hạn mức tín dụng theo ngành, thời hạn khoản vay, đối tượng khách hàng... Bộ phận này tiêu chuẩn hóa hệ thống mã khách hàng vay vốn để tạo ra một bức tranh tổng thể và chính xác về danh mục tín dụng của Ngân hàng.



## Quản Trị Rủi Ro

**Kiểm soát rủi ro**  
Hoàn thành hệ thống tài liệu quản trị rủi ro toàn diện. Trong đó, một hệ thống dữ liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Khối nguồn vốn như mua bán ngoại tệ, vàng, chứng khoán và thông tin vĩ mô đã dần dần được xây dựng. Để dễ dàng sử dụng và giảm chi phí, hệ thống báo cáo đã được tự động hóa một phần. Các công cụ kiểm soát và nhận diện rủi ro như công cụ Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk) cho hoạt động mua bán ngoại tệ và vàng đã được xây dựng để hỗ trợ các khối kinh doanh và lãnh đạo các cấp và cung cấp cho họ thông tin cụ thể hơn về rủi ro thị trường chung của Ngân hàng.

**Chương trình tự đánh giá**  
Chương trình tự đánh giá rủi ro hoạt động lần đầu được đưa vào thực hiện vào năm 2009 và được phát triển thêm trong năm 2011. Phòng Quản trị Rủi ro Hoạt động đã hỗ trợ 14 đơn vị (bao gồm: Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính, Khối Dịch vụ Tài chính Cá nhân, Khối Bán hàng và Kênh phân phối, Khối Vận hành và Công nghệ, Khối Quản trị Nguồn nhân lực và Khối Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu...) thực hiện 19 đợt tự đánh giá hoạt động. Những đánh giá này giúp các đơn vị chủ động nhận diện, đánh giá và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro hoạt động và đưa ra hướng dẫn về QTRR độc lập.

**Bảo hiểm**  
Vào tháng 3 năm 2011, Ngân hàng đã ký kết một hợp đồng bảo hiểm ngân hàng toàn diện. Đây là hợp đồng bảo hiểm ngân hàng toàn diện đầu tiên ở Việt Nam.

## Định hướng năm 2012

Năm 2012 có thể sẽ là năm bản lề đối với Techcombank. Để đạt được các mục tiêu về Trách nhiệm xã hội và tài chính của mình, Ngân hàng sẽ đưa ra một hệ thống QTRR chặt chẽ và hoàn chỉnh. Sau đây là một số phương thức để tiếp cận mục tiêu:

**LOS cho doanh nghiệp**  
Thông qua hợp tác chặt chẽ với Khối ngân hàng doanh nghiệp, Ngân hàng sẽ lựa chọn một nhà cung cấp giải pháp LOS cho khách hàng doanh nghiệp. Khi được ứng dụng trên phạm vi toàn Ngân hàng, hệ thống này sẽ cho phép thực hiện các quy trình tự động hoàn toàn cho Khách hàng doanh nghiệp – từ đề xuất đến phê duyệt hạn mức và khoản tín dụng.

**Cải thiện công tác xử lý nợ**  
Việc xây dựng một hệ thống rõ ràng, hoàn chỉnh và nhất quán sẽ tạo ra một quy trình thu nợ hoàn thiện. Làm việc với các khối khác, trách nhiệm của từng đơn vị và phòng ban sẽ được xác định rõ và sẽ dựa trên hệ thống ứng dụng phần mềm tổng thể. Điều này cho phép giám sát toàn bộ quy trình và tình trạng của từng khoản nợ và khả năng thu hồi nợ.

**Đo lường rủi ro**  
Việc đo lường rủi ro bằng các phương thức tiên tiến như PV01 và Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk) giúp ngân hàng hiểu tốt hơn



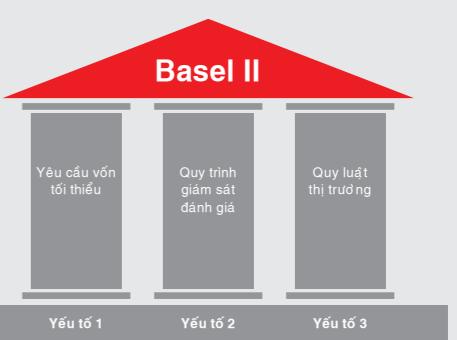
## Chiến lược phát triển QTRR dài hạn

và có cảnh báo sớm về các biến động tiềm tàng. Hoạt động hoàn thiện hệ thống hạn mức, hạn mức rủi ro thị trường, quản lý vị trí và các hệ thống báo cáo đối với các sản phẩm hiện có và sản phẩm sắp ban hành cũng mang lại hiệu quả nhất định.

- ii) Hệ thống Nguồn vốn sẽ phục vụ cho các công việc QTRR ở cả các bộ phận kinh doanh lẫn bộ phận hỗ trợ. Kết quả là cải tiến chất lượng các hoạt động quản lý rủi ro dựa trên nền tảng tự động hoàn toàn, từ đó cho phép cán bộ QTRR tập trung vào công việc phân tích và tiếp tục phát triển các công cụ QTRR khác.

**Quản lý các vấn đề phát sinh bất ngờ**  
Rà soát lại tổng thể chương trình QTRR để đảm bảo kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) cho toàn bộ hệ thống Techcombank. Chủ động sử dụng tư vấn của các công ty tư vấn hàng đầu, Ngân hàng sẽ đảm bảo nhanh chóng đối phó với các vấn đề do các yếu tố thiên tai và khách quan không lường trước gây ra như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, dịch bệnh và khủng bố. Thiết lập cơ chế ứng phó đối với các rủi ro hoạt động như gián đoạn trong cung cấp dịch vụ và lỗi hoặc sự cố hệ thống. Kế hoạch kiểm tra thử đầu tiên được dự định thực hiện trong quý IV năm 2012.

- Xếp hạng nội bộ**  
Techcombank sẽ hoàn thiện hệ thống xếp hạng nội bộ cho toàn bộ danh mục khách hàng của mình một cách nhanh nhất. Sau đó, hệ thống này sẽ được đệ trình lên Ngân hàng Nhà nước để xin phê duyệt. Mặt khác, hệ thống này sẽ cung cấp nền tảng cho dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 7, Thông tư số 493.



## Thương Hiệu Techcombank

Nỗ lực hướng tới mục tiêu “Techcombank - Ngân hàng tốt nhất và lựa chọn hàng đầu” trong tâm trí của mọi người trên khắp đất nước.

**Tổng quan thương hiệu Techcombank**  
Techcombank, với tên gọi đầy đủ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, được thành lập vào năm 1993 với mục tiêu ban đầu là tạo dựng một doanh nghiệp hoạt động có lãi, đóng góp vào nền kinh tế đang tăng trưởng của Việt Nam. Đến thời điểm năm 2012 này, các mục tiêu của Ngân hàng đã phần nào vươn xa hơn, trở thành ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.

### Hành trình xây dựng thương hiệu đầy ấn tượng 2011

Techcombank đang nỗ lực không ngừng để tạo dựng một trong những thương hiệu mạnh quốc gia. Với những thành tích đầy ấn tượng trong năm 2011 được ghi nhận cùng 10 giải thưởng uy tín lớn quốc tế đã chứng thực cho lộ trình đúng đắn hướng đến các mục tiêu của Ngân hàng, trong đó có mục tiêu chung xây dựng thương hiệu “Techcombank – Ngân hàng tốt nhất và Lựa chọn hàng đầu”. Tuy vậy, chiến lược thương hiệu và chiến lược kinh doanh không loại trừ mà bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. Vì thực chất, trọng tâm trong chiến lược xây dựng thương hiệu của Techcombank chính là cam kết mang lại cho khách hàng sự quan tâm chăm sóc đúng mức xứng đáng với sự tin nhiệm và kỳ vọng của họ dành cho Ngân hàng. Đồng thời, cung cấp các lựa chọn đa dạng về sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, tạo ra sự khác biệt của Techcombank trên thị trường. Đây là một triết lý kinh doanh cơ bản nhưng cũng là mục tiêu dài hạn trong việc tạo dựng niềm tin và lòng trung thành nơi khách hàng và sẽ giúp Techcombank trở thành ngân hàng được lựa chọn hàng đầu tại Việt Nam.

Mục tiêu của hoạt động xây dựng thương hiệu là giúp Techcombank định vị trong tâm trí khách hàng với hình ảnh của một ngân hàng năng động, hiện đại nhưng dễ dàng tiếp cận, tham gia tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế và cộng đồng Việt Nam. Một trong những hoạt động điển hình là chương trình “Techcombank khán đài đến trường” của Ngân hàng; thông qua chương trình này các trẻ em nghèo trên khắp đất nước sẽ được cấp học bổng để tiếp tục đến trường. Một chương trình điển hình khác là “Chiến dịch Miền Nam” của Techcombank. Với mục tiêu tăng gấp 3 thị phần ở Miền Nam vào cuối 2014, “Chiến dịch Miền Nam” tìm kiếm các giải pháp để giúp thương hiệu Techcombank xuất hiện ở khắp mọi nơi trong khu vực phía Nam, cũng như tiến hành triển khai các sáng kiến mới về quy trình tín dụng, sản phẩm linh hoạt và dịch vụ chăm sóc khách hàng. Theo đó, thương hiệu Techcombank sẽ được quảng bá sâu rộng ra khắp mọi miền đất nước Việt Nam.

Các hoạt động truyền thông và quảng bá thương hiệu trong suốt năm 2011 được tăng cường mạnh mẽ bao gồm chương trình giáo dục mang tên “Tài chính Thông minh” trên kênh truyền hình Info TV, tài trợ một số hội thảo và hội nghị chuyên đề dành cho Khách hàng doanh nghiệp lớn và Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, cùng các chương trình Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (CSR). Các nỗ lực truyền thông thương hiệu và marketing này đã giúp Techcombank đạt được tỷ lệ gợi nhớ thương hiệu được cân nhắc sử dụng ở mức cao nhất trong số tất cả các ngân hàng trong nước là 45%. Trên hết, chỉ số giá trị thương hiệu của Ngân hàng đã tăng mạnh từ 1,1 lên 1,4 vào năm

2011. Như vậy, Techcombank hiện đang được phần lớn người Việt Nam đánh giá là Ngân hàng dẫn đầu thị trường với nền tảng tài chính vững mạnh, sản phẩm đầy đủ và đa dạng, mạng lưới chi nhánh và văn phòng giao dịch rộng khắp được trang trí bắt mắt và có vị trí tốt, cộng với dịch vụ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp.

### Định hướng chiến lược truyền thông & quảng bá thương hiệu 2012

Chiến lược truyền thông và quảng bá thương hiệu của Techcombank trong năm 2012 có định hướng nhất quán và mục tiêu kinh doanh rõ ràng, đó là xây dựng Techcombank trở thành ngân hàng tốt nhất và doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này, ngân hàng đã triển khai Chiến dịch Làm mới Thương hiệu như một hoạt động ưu tiên trong kinh doanh. Xét về tổng thể mọi mặt của thương hiệu, từ chiến lược kinh doanh đến các chiến dịch marketing, năm 2012 sẽ là năm ghi dấu mạnh mẽ của Techcombank trong lòng người Việt Nam. Qua đó, Ngân hàng hướng tới những mục tiêu vươn cao hơn, vượt xa hơn những kỳ vọng của khách hàng, các cơ quan quản lý, các nhà đầu tư và cộng đồng, những đơn vị ủng hộ Techcombank. Chiến lược truyền thông và quảng bá thương hiệu sẽ là kim chỉ nam dẫn đường cho mọi hoạt động có liên quan cũng như các giá trị cốt lõi của Techcombank. Với nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng các hệ thống tiêu chuẩn chuyên nghiệp, xứng tầm quốc tế, Techcombank chắc chắn sẽ trở thành niềm tự hào cho ngành Ngân hàng Việt Nam với khả năng vươn cao đáng nể của mình.

**TECHCOMBANK** 

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM



Trên hết mọi giải thưởng là niềm tin của bạn  
Techcombank tự hào trở thành

**Ngân hàng tốt nhất Việt Nam\***

Với nhiều giải thưởng quốc tế uy tín trong năm 2011 và 2012

\*Giải thưởng do tạp chí Finance Asia trao tặng



Trách nhiệm

Phát triển hệ thống quản lý vững mạnh

Công minh

## Cơ chế quản trị hiện đại

Chúng tôi đã tăng cường và phát triển đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn cao cùng phối hợp làm việc chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát để đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch cao nhất trên toàn hệ thống. Ngoài ra, xây dựng cơ chế quản trị vững mạnh là nguyên tắc tối ưu để đảm bảo cho thành công của chúng tôi, trong đó, HĐQT với những hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm dày dạn, đóng vai trò tích cực trong việc dẫn dắt hoạt động quản lý kinh doanh. ♦

## Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)



HĐQT là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

**Thành phần:**  
HĐQT bao gồm 9 thành viên trong đó có chủ tịch HĐQT, phó chủ tịch thứ nhất, 3 phó chủ tịch. Toàn bộ thành viên HĐQT không phải là người điều hành. Chủ tịch và các phó chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số

phiếu bằng thể thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.

Trong năm 2011, chúng tôi đã có một số thay đổi trong cơ cấu thành viên HĐQT. Ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm phó chủ tịch HĐQT, ông Stephen Charles Banner được bầu bổ sung là thành viên HĐQT để thay thế ông Sumit Dutta xin từ chức để đảm nhận trọng trách mới tại HSBC. Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT như sau:

### 1. Ông Hồ Hùng Anh **Chủ tịch**

Tốt nghiệp Kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 tới nay.

### 2. Ông Nguyễn Đăng Quang **Phó Chủ tịch thứ nhất**

Tốt nghiệp Tiến sĩ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.

### 3. Ông Nguyễn Thiều Quang **Phó Chủ tịch HĐQT**

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ 05/2008 tới nay.

### 4. Ông Nguyễn Cảnh Sơn **Phó Chủ tịch HĐQT**

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT từ tháng 05/2008 tới tháng 03/2009. Từ tháng 04/2009 tới nay ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank.

### 5. Ông Nguyễn Đức Vinh **Phó Chủ tịch HĐQT**

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán, hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành, Giám đốc Ban Sát nhập và Mua lại thuộc Tập đoàn HSBC. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh đã có hơn 10 năm thâm niên kinh nghiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Từ tháng 04/2009, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Techcombank. Từ tháng 12/2011, ông Nguyễn Đức Vinh thôi giữ chức danh Tổng giám đốc và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.

### 6. Ông Madhur Maini **Thành viên**

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán, hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành, Giám đốc Ban Sát nhập và Mua lại thuộc Tập đoàn HSBC. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là thành viên HĐQT. Ông Madhur Maini có nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động tại các tập đoàn tài chính lớn của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là thành viên HĐQT Techcombank.

Wales. Ông Stephen Colin Moss có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán, hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành, Giám đốc Ban Sát nhập và Mua lại thuộc Tập đoàn HSBC. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông Stephen Colin Moss là thành viên HĐQT.

### 8. Ông Trần Thanh Hiền **Thành viên**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông Trần Thanh Hiền có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là Thành viên HĐQT Techcombank.

### 9. Ông Stephen Charles Banner **Thành viên**

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học (associate) của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh. Ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 04/2011, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

## Ủy Ban Thường Trực HĐQT



Ủy ban thường trực HĐQT được thành lập nhằm nâng cao chất lượng tương tác và trao đổi thông tin giữa HĐQT và ban điều hành về các hoạt động của Techcombank, giúp HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh ngân hàng để có ý kiến hỗ trợ ban điều hành về định hướng.

**Thành phần:**  
Thành phần UBTTHĐQT gồm 6 thành viên bao gồm chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT và một số thành viên khác của HĐQT. Thông tin chi tiết về các thành viên của Ủy ban Thường trực HĐQT như sau:

**1. Ông Hồ Hùng Anh\***  
**Chủ tịch**

**2. Ông Nguyễn Đăng Quang\***  
**Phó Chủ tịch thứ nhất**

**3. Ông Nguyễn Thiều Quang\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

**4. Ông Nguyễn Cảnh Sơn\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

**5. Ông Nguyễn Đức Vinh\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

**6. Ông Stephen Charles Banner\***  
**Thành viên**

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

## Ban kiểm soát



Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng theo qui định pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

**Thành phần:**  
Ban kiểm soát có 4 thành viên bao gồm trưởng ban kiểm soát, trong đó có một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách. Thông tin chi tiết về các thành viên của Ban Kiểm Soát như sau.

**1. Bà Nguyễn Thu Hiền**  
**Trưởng Ban Kiểm Soát, thành viên chuyên trách**

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, Bà Nguyễn Thu Hiền tham gia hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng từ năm 1999. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.

**2. Bà Vũ Thị Dung**  
**Thành viên Ban Kiểm Soát**

Tốt nghiệp Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán, Kiểm toán viên.

Bà Vũ Thị Dung có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Từ tháng 04/2009 đến nay bà là thành viên Ban Kiểm soát.

**3. Ông Nguyễn Quỳnh Lâm**  
**Thành viên Ban Kiểm Soát**

Tốt nghiệp Kỹ sư Kinh tế mỏ, trường Đại học Mỏ địa chất. Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách của Ngân hàng từ tháng 05/2008 tới tháng 03/2009. Từ tháng 04/2009 đến nay, ông là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank.

**4. Bà Bùi Thị Hồng Mai**  
**Thành viên chuyên trách Ban Kiểm Soát**

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán. Bà Nguyễn Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến nay, bà là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Techcombank.

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

## Ủy ban nhân sự & lương thưởng (NORCO)



Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO) là cơ quan được HĐQT thành lập để thực thi một số chức năng, nhiệm vụ về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện.

### Thành phần:

Thành phần NORCO bao gồm 5 thành viên. Thông tin chi tiết về các thành viên NORCO như sau:

**1. Ông Hồ Hùng Anh\***  
**Chủ tịch**

**2. Ông Stephen Charles Banner\***  
**Thành viên**

**3. Ông Nguyễn Đăng Quang\***  
**Phó Chủ tịch thứ nhất**

**4. Ông Nguyễn Thiều Quang\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

**5. Ông Nguyễn Đức Vinh\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

## Ủy ban kiểm toán & rủi ro (ARCO)



Ủy ban kiểm toán và rủi ro (ARCO) là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.

**Thành phần:**  
Thành phần ARCO bao gồm 7 thành viên. Thông tin chi tiết về các thành viên ARCO như sau:

**1. Ông Hồ Hùng Anh\***  
**Chủ tịch**

**2. Bà Nguyễn Thị Thiên Hương**  
**Thành viên thường trực ARCO**

Tốt nghiệp cử nhân Khoa học, cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh MBA, bà Nguyễn Thị Thiên Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng với các chức vụ khác nhau như: Phụ trách Phòng Dự án & Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 07/2009 đến nay, bà là Thành viên Thường trực ARCO.

**3. Ông Nguyễn Thiều Quang\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

**4. Ông Nguyễn Đăng Quang\***  
**Phó Chủ tịch thứ nhất**

**5. Ông Stephen Charles Banner\***  
**Thành viên**

**6. Ông Hoàng Văn Đạo**  
**Thành viên ARCO**

Tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học kỹ thuật. Ông Hoàng Văn Đạo đã có nhiều năm tham gia quản trị điều hành tại Techcombank với các chức vụ như: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị. Từ tháng 07 năm 2008 đến nay, ông là thành viên ARCO.

**7. Ông Nguyễn Đức Vinh\***  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

\* Xem thông tin tại trang HĐQT

## Bản Tuyên Bố Trách Nhiệm của Ban Điều Hành

Ban Điều Hành của ngân hàng chịu trách nhiệm soạn lập Báo Cáo Thường Niên này và các báo cáo tài chính hợp nhất theo phương thức phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Theo đó, Ban Điều Hành chỉ phê chuẩn các báo cáo tài chính một khi các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều Hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách thống nhất;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố rằng các bản báo cáo này được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị sẽ tiếp tục hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là vậy.

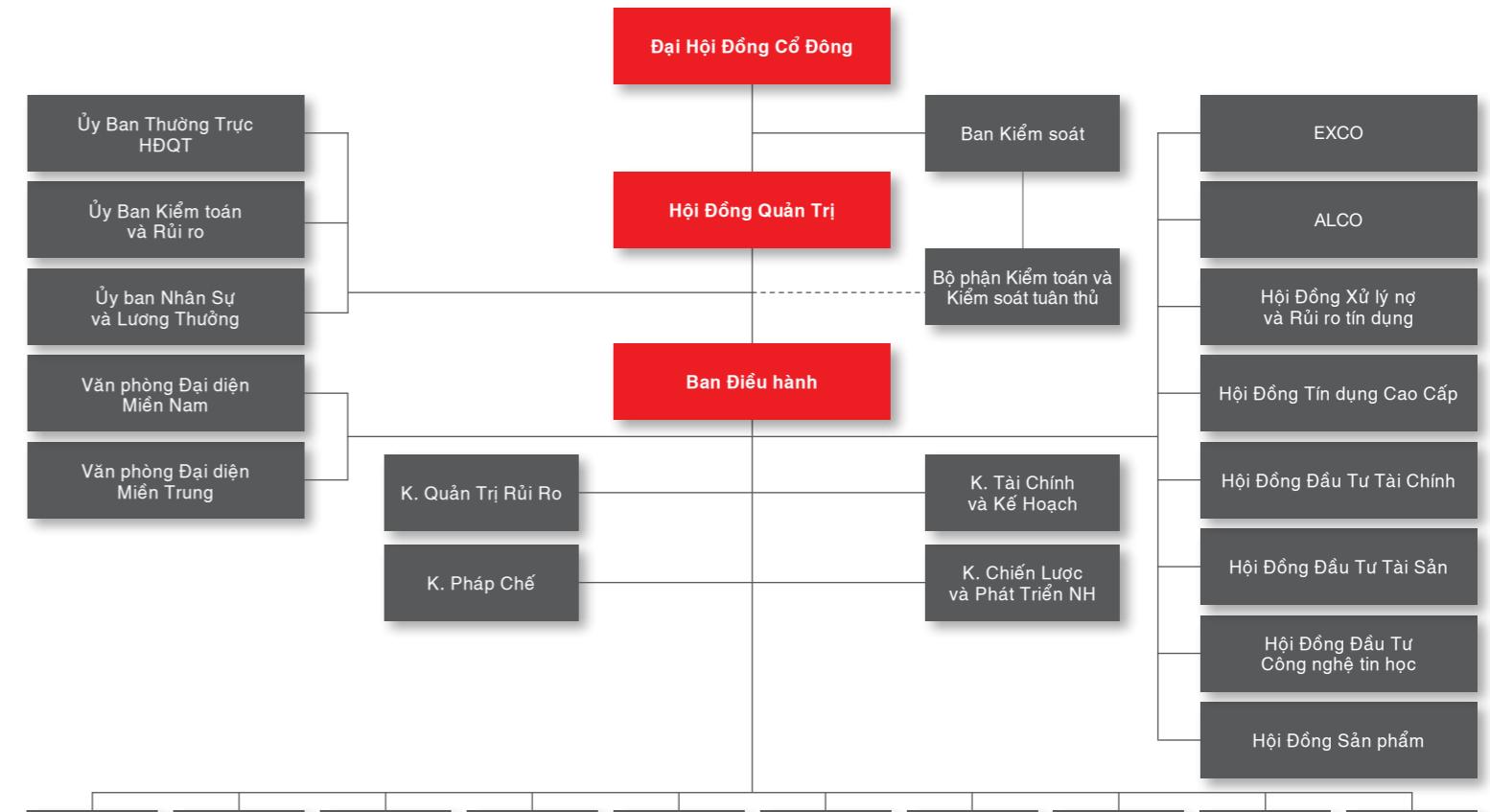
Ban Điều Hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được cung cấp đầy đủ để xác minh rõ các giao dịch của ngân hàng và thể hiện tình hình tài chính của ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm; và để làm cơ sở cho các báo cáo tài chính hợp nhất tuân theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

### Bản Tuyên Bố Trách Nhiệm của Ban Điều Hành

Quyền Giám Đốc Tài Chính

22/03/2012

## Mô hình Quản Trị Ngân hàng



Thay mặt Ban Điều Hành

Cù Anh Tuấn

Quyền Giám Đốc Tài Chính

22/03/2012

Chúng tôi tổ chức mô hình quản trị Ngân hàng dựa trên:

- Luật doanh nghiệp áp dụng cho các tổ chức tín dụng Việt Nam
- Quy định của ngân hàng nhà nước Việt Nam cho các tổ chức tín dụng Việt Nam
- Các quy chuẩn, thông lệ quốc tế được quy định bởi tổ chức hợp tác & phát triển kinh tế OECD (Organization for economic Co-operation and development), và sự tư vấn của ngân hàng HSBC (đối tác chiến lược nước ngoài nắm giữ 20% cổ phần tại Ngân hàng)

Theo đó:

- Các ủy ban trực thuộc HĐQT được thành lập nhằm nâng cao năng lực quản trị ngân hàng của HĐQT và phát huy tốt nhất chuyên môn đa dạng của các thành viên HĐQT qua đó nâng cao hiệu quả và chất lượng của HĐQT trong việc thực thi các chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Cơ cấu ban điều hành được tổ chức theo thông lệ quốc tế và phù hợp với chiến lược phát triển TechcomOne, nhằm chuyên biệt hóa các chức năng, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn ngân hàng, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.

Tính tới thời điểm 31/3/2012

## Ban Điều Hành



Ban Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch phát triển của ngân hàng và báo cáo tình hình hoạt động, theo cơ chế trung thành với lợi ích của Techcombank.

Trong năm 2011, chúng tôi đã có một số thay đổi trong cơ cấu thành viên của Ban Điều Hành, với việc bổ nhiệm ông Simon Morris giữ chức vụ Tổng giám đốc thay ông Nguyễn Đức Vinh.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có một số sự thay đổi quan trọng khác: Ông Cù Anh Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền giám đốc khối Tài Chính Kế Hoạch thay ông Anthony Guirier; Bà Trần Thị Diệp Anh được bổ nhiệm giữ chức vụ giám đốc khối Quản Trị Nguồn Nhân Lực thay ông Nguyễn Văn Thọ; Bà Lê Phương Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ giám đốc khối Tiếp Thị & Xây Dựng Thương Hiệu thay bà Tô Thùy Trang; Ông Trương Gia Tú được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc khối Quản Trị Rủi Ro. Thông tin chi tiết về các thành viên ban điều hành như sau:

### **1. Ông Paul Simon Morris Tổng giám đốc**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Henley Bussiness School, Vương Quốc Anh và từng là CEO của Ngân hàng Standard Chartered tại Brunei, Sri Lanka, Philippines và Indonesia từ năm 2000-2010. Ông giữ chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng Khan tại Mông Cổ từ tháng 8/2010 đến trước khi gia nhập Techcombank. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 1/2012.

### **2. Ông Lê Xuân Vũ Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Công nghệ Sydney và Thạc sĩ Xã hội học tại Đại học Lueven, Bỉ. Bà từng giữ chức vụ Trưởng đại diện Văn phòng Hà Nội Ngân hàng Deutsche AG và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch từ tháng 11/2009.

### **3. Ông Phùng Quang Hưng Giám đốc Khối Vận hành & Công nghệ**

Tốt nghiệp tại Thạc sĩ Thương mại quốc tế, Đại học Washington State, Hoa Kỳ. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng National Australia, Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ từ tháng 9/2010.

### **4. Bà Bạch Thủ Hà Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Công nghệ Swinburne. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn và giao dịch, Phó tổng giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch từ tháng 12/2009.

### **5. Bà Đỗ Diêm Hồng Giám đốc Khối Khách hàng định chế tài chính**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG). Bà từng giữ chức vụ Giám đốc tài trợ thương mại xuất nhập khẩu Ngân hàng JPMorgan, Phó tổng giám đốc, Giám đốc Khối tín dụng và Quản trị rủi ro tín dụng và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối khách hàng định chế tài chính từ tháng 2/2010.

### **6. Ông Phạm Quang Thắng Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp**

Tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học công nghệ Swinburne. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn và giao dịch, Phó tổng giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 1.2011.

### **7. Bà Đặng Tuyết Dung Giám đốc Khối Ngân hàng tài chính cá nhân**

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân và từng giữ chức vụ Giám đốc phát triển sản phẩm Quản lý luồng tiền và Thanh toán quốc tế tại Citibank. Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng tài chính cá nhân từ tháng 2/2010.

### **8. Ông Nguyễn Cảnh Vinh Giám đốc Khối bán hàng và Kênh phân phối**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Latrobe và từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hội sở Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 1. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 11/2011.

### **9. Ông Cù Anh Tuấn Quyền Giám đốc Khối tài chính và Kế hoạch**

Tốt nghiệp Thạc sĩ về Tài chính tại Đại học Swinburne, Australia và từng giữ chức vụ Trưởng

### **10. Bà Trần Thị Diệp Anh Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực.**

Tốt nghiệp Đại học Giao thông Vận tải và Đại học Ngoại ngữ Hà nội và từng giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại Cargill Việt Nam trong nhiều năm. Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn từ tháng 5/2010.

### **11. Ông Nguyễn Thành Long Giám đốc Khối Pháp chế**

Tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Luật Hà Nội. Ông từng giữ chức vụ Phó vụ trưởng Vụ Pháp chế Ngân hàng nhà nước, Phó Tổng Giám đốc Techcombank và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Marketing từ tháng 9/2011.

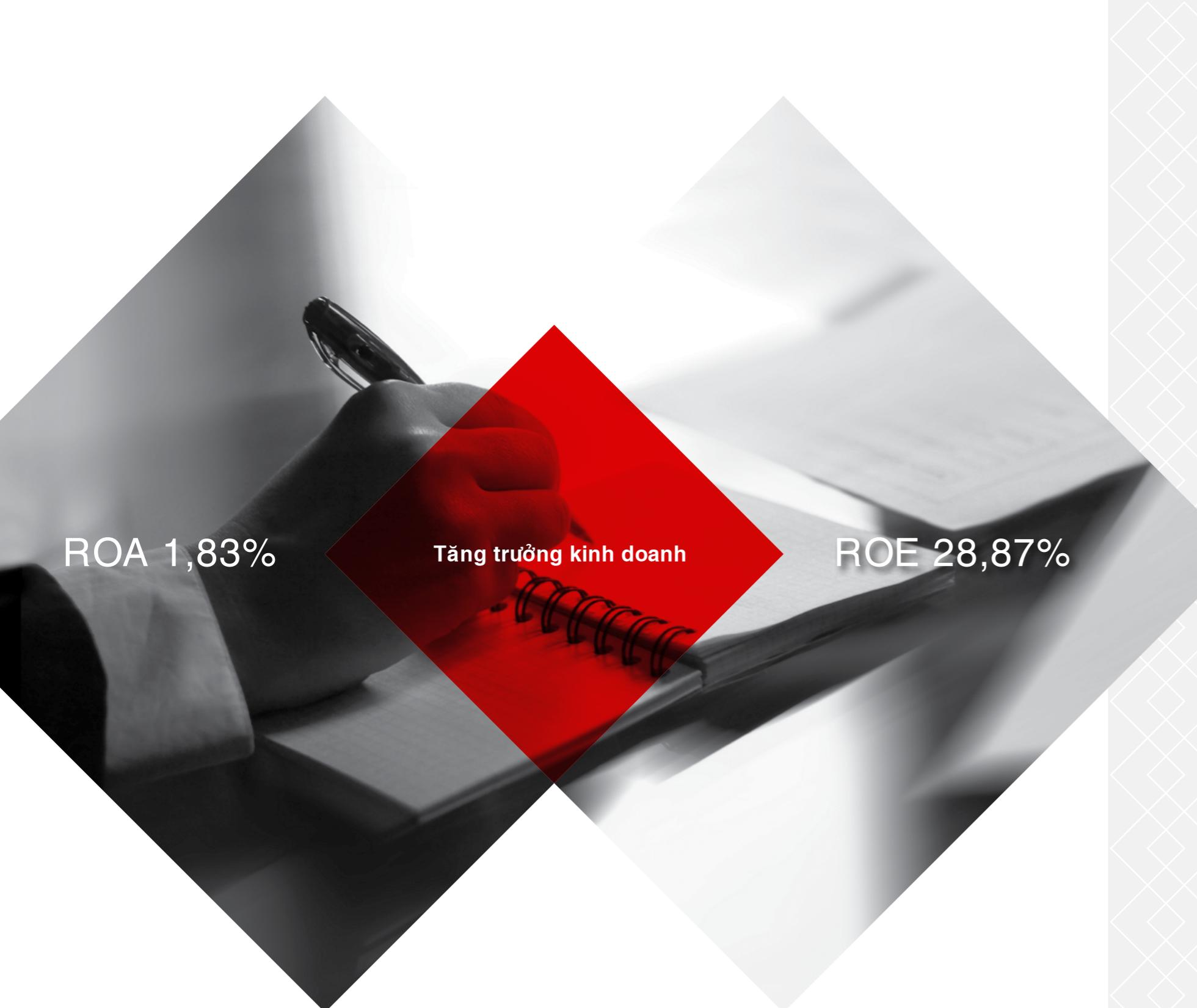
### **12. Ông Nguyễn Công Thành Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn**

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Ông từng giữ nhiều chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng thương mại tại ABN, AMRO Bank tại Việt Nam, Giám đốc đầu tư Temasek Holdings tại Việt Nam và được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn từ tháng 1/2011.

### **13. Bà Lê Phương Phương Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro**

Tốt nghiệp cử nhân khoa học Trường đại học Tổng hợp và từng giữ chức vụ Giám đốc Quan hệ hợp tác kinh doanh & Tài trợ dự án tại HSBC Việt Nam, Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Tiên Phong. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Giám đốc Quản trị rủi ro từ tháng 12/2010 và được giao phụ trách Khối Quản trị Rủi ro từ tháng 12/2011.

\* Xem thông tin tại trang HDQT



ROA 1,83%

Tăng trưởng kinh doanh

ROE 28,87%

## Kết quả kinh doanh vượt trội

Năm 2011 là năm bứt phá trong kết quả hoạt động của Techcombank, kết quả kinh doanh hợp nhất đã ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể trên mọi hoạt động. Kết quả kinh doanh vượt trội này đã tạo đà phát triển vững chắc cho các hoạt động đầu tư mạnh hơn của Ngân hàng để tiếp tục khẳng định vị thế, hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng tốt nhất Việt Nam. ♦

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited  
16th Floor, Pacific Place  
83B Ly Thuong Kiet Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet [www.kpmg.com](http://www.kpmg.com)

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "Techcombank") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Lãnh đạo Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Lãnh đạo Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam  
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 11-02-272/2



Nguyễn Thùy Dương

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, 22/03/2012

Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

### NỘI DUNG

- 67 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 68 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 71 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 72 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 74 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 130 Thông tin cổ đông
- 131 Thông tin về Ngân hàng
- 132 Mạng lưới Chi nhánh

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>A TÀI SẢN</b>			
I Tiền mặt và vàng	3	<b>5.115.002</b>	<b>4.316.209</b>
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	<b>4.465.664</b>	<b>2.752.951</b>
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	<b>43.190.766</b>	<b>46.263.196</b>
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		43.190.766	46.261.196
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		–	2.000
IV Chứng khoán kinh doanh	6	<b>283.574</b>	<b>488.186</b>
1 Chứng khoán kinh doanh		437.134	566.608
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(153.560)	(78.422)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	<b>54.272</b>	–
VI Cho vay khách hàng		<b>62.562.406</b>	<b>52.316.862</b>
1 Cho vay khách hàng	8	63.451.465	52.927.857
3 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(889.059)	(610.995)
VII Chứng khoán đầu tư	10	<b>48.342.033</b>	<b>31.612.764</b>
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		43.847.690	27.133.053
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.519.013	4.491.211
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(24.670)	(11.500)
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	<b>76.905</b>	<b>69.645</b>
4 Đầu tư dài hạn khác		76.905	69.645
IX Tài sản cố định		<b>1.191.224</b>	<b>1.003.907</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	12	964.923	831.259
a. Nguyên giá		1.293.920	1.041.590
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(328.997)	(210.331)
3 Tài sản cố định vô hình	13	226.301	172.648
a. Nguyên giá		299.358	221.176
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(73.057)	(48.528)
X Bất động sản đầu tư	14	<b>21.121</b>	–
a. Nguyên giá		21.262	–
b. Giá trị hao mòn lũy kế		(141)	–
XI Tài sản Có khác	15	<b>15.228.196</b>	<b>11.467.495</b>
1 Các khoản phải thu		10.301.030	8.747.242
2 Các khoản lãi, phí phải thu		4.471.852	2.219.043
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		35.203	23.922
4 Tài sản có khác		420.370	477.472
5 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(259)	(184)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>180.531.163</b>	<b>150.291.215</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16	<b>3.317.602</b>	<b>8.091.316</b>
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	<b>48.132.743</b>	<b>27.783.114</b>
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		38.188.455	22.199.978
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		9.944.288	5.583.136
III Tiền gửi của khách hàng	18	<b>88.647.779</b>	<b>80.550.753</b>
IV Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	7	–	<b>52.888</b>
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	<b>252.398</b>	<b>6.641.090</b>
VI Phát hành giấy tờ có giá	20	<b>23.094.145</b>	<b>15.024.217</b>
VII Các khoản nợ khác	21	<b>4.570.694</b>	<b>2.758.676</b>
1 Các khoản lãi, phí phải trả		1.832.106	1.378.833
3 Các khoản phải trả và công nợ khác		2.625.814	1.303.439
4 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		112.774	76.404
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>168.015.361</b>	<b>140.902.054</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
VIII Vốn và các quỹ	22	<b>12.515.802</b>	<b>9.389.161</b>
1 Vốn		8.788.450	6.932.555
a. Vốn cổ phần		8.788.079	6.932.184
g. Vốn khác		371	371
2 Các quỹ		1.059.195	691.111
5 Lợi nhuận chưa phân phối		2.668.157	1.765.495
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.515.802</b>	<b>9.389.161</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>180.531.163</b>	<b>150.291.215</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN</b>			
2 Thư tín dụng	8.888.624	5.410.639	
3 Bảo lãnh khác	8.867.573	5.594.889	
<b>II CAM KẾT KHÁC</b>			
1 Cam kết cho vay chưa giải ngân	3.456	3.541	
2 Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn	974.950	2.934.601	

Người duyệt

Thai Ha Linh  
Kế toán trưởng

Cù Anh Tuấn  
Quyền Giám đốc Tài chính



Simon Morris  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	2011 Triệu VNĐ	2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b>			
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	19.948.573	10.934.383
<b>I Thu nhập lãi thuần</b>	23	(14.650.198)	(7.750.034)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	1.520.157	1.186.620
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(369.803)	(256.820)
<b>II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	24	1.150.354	929.800
<b>III Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng</b>	25	(698.913)	(91.383)
<b>IV Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	26	(55.333)	(71.418)
<b>V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	27	416.257	160.335
5 Thu nhập từ hoạt động khác	28	707.115	696.116
6 Chi phí hoạt động khác	28	(163.741)	(169.525)
<b>VI Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	28	543.374	526.591
<b>VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	29	8.061	80.747
<b>VIII Chi phí hoạt động</b>	29	(2.099.198)	(1.587.749)
<b>IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	30	4.562.977	3.131.272
<b>X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	30	(341.864)	(387.645)
<b>XI Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	30	4.221.113	2.743.627
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(1.077.016)	(672.852)
8 Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	9.669	1.980
<b>XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	31	(1.067.347)	(670.872)
<b>XIII Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	32	3.153.766	2.072.755
<b>XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)</b>	32	2.902	2.375
<b>XVI Lãi pha loãng trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)</b>	32	2.886	2.359

Người duyệt

Thai Ha Linh  
Kế toán trưởng

Cù Anh Tuấn  
Quyền Giám đốc Tài chính



Simon Morris  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

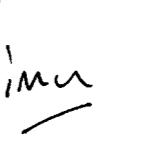
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	17.695.764	9.828.146
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(14.196.925)	(7.209.858)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.150.354	929.800
04	Số tiền thực (chi) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	(249.681)	87.452
05	Thu nhập khác nhận được	482.415	287.534
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	60.959	240.067
07	Tiền chi trả chi nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.678.094)	(1.490.250)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(657.186)	(550.979)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động</b>		<b>2.607.606</b>	<b>2.121.912</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(5.879.900)	(3.117.811)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(16.612.965)	(17.619.054)
11	Các công cụ tài chính phát sinh và các công cụ tài chính khác	(54.272)	46.512
12	Cho vay và ứng trước khách hàng	(10.550.155)	(11.129.070)
14	Tài sản hoạt động khác	(1.507.892)	(5.166.564)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	(4.773.714)	4.158.968
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	20.349.629	17.437.028
17	Tiền gửi của khách hàng	8.097.026	18.203.353
18	Phát hành giấy tờ có giá	8.069.928	7.070.437
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(6.388.692)	5.008.264
20	Các công cụ tài chính phát sinh và các công nợ tài chính khác	(52.888)	52.888
21	Các công nợ hoạt động khác	912.214	129.814
22	Chi từ các quỹ	(27.667)	(8.427)
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>(5.811.742)</b>	<b>17.188.250</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(630.134)	(401.210)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	251	705
07	Tiền thu/(chi) đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(7.260)	(3.977)
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	8.061	80.747
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>(629.082)</b>	<b>(323.735)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá	–	2.917.215
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>–</b>	<b>2.917.215</b>
<b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(6.440.824)</b>	<b>19.781.730</b>
<b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>		<b>40.739.436</b>	<b>20.957.706</b>
<b>VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>		<b>33</b>	<b>34.298.612</b>
			<b>40.739.436</b>
Người duyệt			
Thái Hà Linh Kế toán trưởng			
Cù Anh Tuấn Quyền Giám đốc Tài chính			
Simon Morris Tổng Giám đốc			

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 055697 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNNVN cấp ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn cổ phần của Ngân hàng là 8.788.078.710.000 Đồng. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 70-72 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, một (1) Trung tâm giao dịch, sáu mươi mốt (61) chi nhánh, hai trăm bốn năm (245) phòng giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là "Techcombank").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008.	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008.	Quản lý quỹ	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Techcombank có 8.335 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7.481 nhân viên).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Techcombank áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

##### (i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và và các quy định pháp lý có liên quan. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp. Ngoài thay đổi trong phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Techcombank đã áp dụng một cách nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong những năm trước.

##### (ii) Cơ sở hợp nhất

###### Các công ty con

Các công ty con là những công ty mà Ngân hàng có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền của các công ty này được trao cho Ngân hàng. Báo cáo của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty này.

Techcombank hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu.

###### Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

#### (b) Năm tài chính

Năm tài chính của Techcombank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (c) Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (c) Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Techcombank đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### (d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng Đồng Việt Nam trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

#### (e) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Techcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Techcombank chủ yếu bao gồm:

- Tiền mặt và vàng;
- Các khoản tiền gửi tại NHNN VN và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Các khoản góp vốn và đầu tư dài hạn;
- Các tài sản tài chính phát sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Techcombank chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ chính phủ và NHNNVN;
- Các tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả tài chính phát sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

#### (i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ tài chính được ghi nhận ban đầu tại ngày giao dịch khi ký hợp đồng liên quan đến các công cụ tài chính này.

Tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng thêm chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc phát hành.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (e) Công cụ tài chính (tiếp theo)

##### (ii) Dừng ghi nhận

Techcombank dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Techcombank đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Techcombank chuyển giao tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Techcombank không chuyển giao hay giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Techcombank dừng ghi nhận một công nợ tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

#### (f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kì hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### (g) Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại theo ba loại: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc iii) chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Techcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua.

##### (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua và nắm giữ ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày giao dịch. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán thanh lý chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### (ii) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

##### (iii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, và ban lãnh đạo Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc sau đó nếu có dấu hiệu suy giảm giá trị lâu dài, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (h) Các khoản đầu tư dài hạn

(i) Các khoản đầu tư dài hạn khác  
Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và nắm quyền dưới 11% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư (Thuyết minh 2(g)).

#### (i) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ("BTC") ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009, các tổ chức tín dụng cần lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư dài hạn (bao gồm dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán) theo các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp.

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có dấu hiệu sụt giảm giá trị lâu dài.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư).

#### (j) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 ("Quyết định số 493"), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định số 18"), dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán (31 tháng 12 năm 2011) được xác định bằng dự phòng cụ thể được lập theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18, trừ đi dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước đã thu được trong tháng 12 năm 2011.

Techcombank cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493 có hiệu lực. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Techcombank đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (j) Các khoản cho vay khách hàng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo.

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các khoản nợ cho vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.</li> </ul>	0%
2 Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).</li> </ul>	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc</li> <li>Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.</li> </ul>	20%
4 Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.</li> </ul>	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn trên 360 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc</li> </ul> <p>Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý.</p>	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (k) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác

Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác được trích lập theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

#### (l) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 18, Techcombank được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng.

Theo Quyết định số 493, Techcombank cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493 có hiệu lực. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Techcombank đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010).

#### (m) Các công cụ tài chính phát sinh

Các công cụ tài chính phát sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận trong tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm.

Công cụ tài chính phát sinh được phân loại là tài sản tài chính phát sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phát sinh khi giá trị được ghi nhận là âm. Việc cấn trừ tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh được thực hiện khi các giao dịch được phát sinh cho cùng một đối tác, cùng một quyền pháp lý và các bên có ý định thanh toán dòng tiền trên cơ sở giá trị thuần.

#### (n) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và chi phí nâng cấp	20 – 50 năm
• thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
• phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
• các tài sản khác	4 – 5 năm

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (o) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

##### (ii) Quyền sử dụng đất

##### Quyền sử dụng đất thuê

Quyền sử dụng đất thuê được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 25-50 năm.

##### Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

##### (iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Phân bổ lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

#### (p) Bất động sản đầu tư

##### (i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 năm

#### (q) Dự phòng khác

Dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng tại Thuyết minh 2(i), 2(j), 2(k) và 2(l) được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Techcombank có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Techcombank phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Techcombank xác định mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Trên ba (03) năm	100%

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (r) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Techcombank từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Techcombank.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Techcombank và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Techcombank không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

#### (s) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

#### (t) Vốn cổ phần

##### (i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

##### (ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### (u) Các quỹ và dự trữ

##### Ngân hàng

Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau:

Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận còn lại sau thuế

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và được dùng chủ yếu để chi trả cho các cán bộ công nhân viên Ngân hàng. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (u) Các quỹ và dự trữ (tiếp theo)

##### Các công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được công ty thực hiện tương tự như Ngân hàng.

##### Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Theo Thông tư 27/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

#### (v) Ghi nhận doanh thu

##### (i) Thu nhập lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở tổng hợp, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 2(j) được ghi nhận khi Techcombank thực thu được.

##### (ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

##### (iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Techcombank được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu của các cổ đông hiện tại, cổ phiếu trích từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Techcombank ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng lên trong thuyết minh báo cáo tài chính.

#### (w) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

#### (x) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (y) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu chack chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chack chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

#### (z) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Techcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Techcombank. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Techcombank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi.

#### (aa) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

#### (ab) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Techcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Techcombank là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý và theo hoạt động kinh doanh.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (ac) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

##### (i) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chứng khoán kinh doanh và tài sản tài chính phát sinh. Chứng khoán do Techcombank nắm giữ được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
    - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
    - Có bằng chứng về việc kinh doanh chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
  - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:  
Là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
    - Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
    - Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
  - Các khoản cho vay và phải thu:  
Là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
    - Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc,
    - Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
  - Tài sản sẵn sàng để bán:  
Là các tài sản tài chính phi phát sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
    - các khoản cho vay và các khoản phải thu;
    - các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
    - các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:
- Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:  
Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm các khoản nợ phải trả tài chính phát sinh.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### (ac) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin (tiếp theo)

##### (i) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính.

Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của Techcombank.

##### (ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, Techcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 41.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Techcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Bằng chứng tốt nhất về giá trị hợp lý của một công cụ tài chính khi ghi nhận ban đầu là giá giao dịch, tức là giá trị hợp lý của khoản tiền đã trả hoặc đã nhận. Ngoài ra giá trị hợp lý của công cụ đó có thể được xác định bằng cách so sánh với các giao dịch hiện thời có thể quan sát được trên thị trường đối với một công cụ tương tự (tức là không điều chỉnh hoặc thay đổi nhiều) hoặc dựa vào một kỹ thuật đánh giá mà các biến số chỉ bao gồm các số liệu thị trường có thể quan sát được. Khi giá giao dịch là bằng chứng tốt nhất về giá trị hợp lý để ghi nhận ban đầu, thì công cụ tài chính đó được hạch toán ban đầu theo giá giao dịch và bất kỳ chênh lệch nào giữa mức giá này và giá trị có được từ một mô hình định giá sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của công cụ đó nhưng phải trước thời điểm có thể thu thập được giá trị niêm yết trên thị trường hoặc thời điểm giao dịch kết thúc.

Nếu không tồn tại một thị trường hoạt động cho các công cụ tài chính, Techcombank xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá bao gồm (1) việc sử dụng các giao dịch diễn ra gần thời điểm đánh giá trên cơ sở ngang giá giữa các bên có hiểu biết và sẵn lòng thực hiện (nếu có), (2) tham khảo giá trị hợp lý hiện thời của các công cụ tương tự khác, và (3) việc chiết khấu dòng tiền. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sẽ sử dụng tối đa các điều kiện thị trường, sử dụng ít nhất vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Techcombank, đưa vào tất cả các yếu tố phù hợp mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp định giá công cụ tài chính được chấp nhận. Các dữ liệu đầu vào phục vụ định giá phải phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và yếu tố rủi ro – lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính. Techcombank thẩm định và kiểm tra độ tin cậy của các kỹ thuật định giá bằng cách tham chiếu các mức giá giao dịch hiện thời có thể quan sát được của một công cụ tương tự hoặc dựa vào các dữ liệu thị trường có thể quan sát được khác.

Tài sản và trạng thái thường được đo lường bằng giá đặt mua; nợ phải trả và trạng thái thường được đo lường bằng giá đặt bán. Trong trường hợp có trạng thái với các rủi ro tự cẩn trừ, Techcombank sử dụng giá trung bình để đo lường mức rủi ro đã cẩn trừ và sẽ sử dụng giá đặt mua hoặc giá đặt bán để đo lường cho phần trạng thái mở còn lại. Giá trị hợp lý phản ánh rủi ro tín dụng của công cụ tài chính và bao hàm các điều chỉnh phù hợp liên quan đến rủi ro tín dụng của Techcombank và đối tác.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 3. Tiền mặt và vàng

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ bằng VNĐ	1.544.219	1.257.998
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	481.730	295.318
Vàng tại quỹ	3.089.053	2.762.893
<b>Tổng</b>	<b>5.115.002</b>	<b>4.316.209</b>

### 4. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("CRR"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Techcombank như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2011	31/12/2010

Số dư bình quân tháng trước của:

- Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng
- Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên
- Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn dưới 12 tháng
- Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	4.465.664	2.752.951

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Tiền gửi bằng VNĐ	31/12/2011	31/12/2010
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,20%	1,20%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%

Tiền gửi bằng USD	31/12/2011	31/12/2010
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,10%

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 5. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	5.768.075	3.938.370
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	8.790.178	5.675.663
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	21.188.020	29.395.354
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	7.444.493	7.251.809
<b>Các khoản cho vay</b>		
Các khoản cho vay bằng VNĐ	–	2.000
	<b>43.190.766</b>	<b>46.263.196</b>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm của các khoản tiền gửi còn lại như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0% – 1,5%	0,25% – 2,00%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,05% – 0,1%	0% – 0,27%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	9,6% – 21%	9,8% – 14,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	4% – 9,88%	0,1% – 8,5%
Cho vay bằng VNĐ	–	6,5% – 12,46%

### 6. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán vốn</b>		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	123.391	215.765
• Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	313.743	350.843
	<b>437.134</b>	<b>566.608</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	<b>(153.560)</b>	<b>(78.422)</b>
	<b>283.574</b>	<b>488.186</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 6. Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	78.422	4
Trích lập dự phòng trong năm (thuyết minh 26)	99.905	78.418
Sử dụng dự phòng trong năm	(16.599)	–
Hoàn nhập dự phòng trong năm (thuyết minh 26)	(8.168)	–
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<b>153.560</b>	<b>78.422</b>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán vốn</b>		
• Niêm yết	437.134	562.114
• Chưa niêm yết	–	4.494
	<b>437.134</b>	<b>566.608</b>

### 7. Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính/ (nợ phải trả tài chính) khác

	31/12/2011 Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	31/12/2011 Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá hối đóai tại ngày lập báo cáo)	31/12/2010 Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	31/12/2010 Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá hối đóai tại ngày lập báo cáo)
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.309.048	58.324	2.868.925	(13.664)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	978.992	(4.043)	2.919.076	(39.224)
Giao dịch tương lai vàng	–	(9)	–	–
	<b>5.288.040</b>	<b>54.272</b>	<b>5.788.001</b>	<b>(52.888)</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 8. Cho vay khách hàng

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	63.179.306	52.471.320
Chiết khấu hối phiếu	139.100	219.596
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	133.059	236.941
	<b>63.451.465</b>	<b>52.927.857</b>

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	%	31/12/2010 Triệu VNĐ	%
Nợ dù tiêu chuẩn	57.104.413	90,00%	50.096.997	94,65%
Nợ cần chú ý	4.553.396	7,18%	1.619.793	3,06%
Nợ dưới tiêu chuẩn	927.476	1,46%	718.812	1,36%
Nợ nghi ngờ	623.731	0,98%	320.284	0,61%
Nợ có khả năng mất vốn	242.449	0,38%	171.971	0,32%
	<b>63.451.465</b>	<b>100%</b>	<b>52.927.857</b>	<b>100%</b>

Khoản cho vay Công ty Vận tải Viễn Dương Vinashin (Vinashin Viễn Dương) trị giá 246.48 tỷ VNĐ và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng (Vinashin Bạch Đằng) trị giá 67.12 tỷ VNĐ được phân loại là nợ cần chú ý (nhóm 2) theo hướng dẫn của Chính phủ Việt Nam.

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	%	31/12/2010 Triệu VNĐ	%
Ngắn hạn	35.586.745	56,08%	30.076.441	56,82%
Trung hạn	10.619.444	16,74%	10.468.073	19,78%
Dài hạn	17.245.276	27,18%	12.383.343	23,40%
	<b>63.451.465</b>	<b>100%</b>	<b>52.927.857</b>	<b>100%</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	%	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	8.783.216	13,84%	5.389.548	10,18%
Thương mại, sản xuất và chế biến	22.992.710	36,24%	19.706.317	37,23%
Xây dựng	5.096.607	8,03%	4.664.748	8,81%
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	2.114.334	3,33%	2.060.369	3,89%
Cá nhân và các ngành nghề khác	24.464.598	38,56%	21.106.875	39,88%
	<b>63.451.465</b>	<b>100%</b>	<b>52.927.857</b>	<b>100%</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	%	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ	%
Doanh nghiệp nhà nước	2.939.365	4,63%	2.930.267	5,54%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	18.838.640	29,69%	15.823.427	29,90%
Công ty cổ phần	16.789.830	26,46%	12.921.669	24,41%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	719.780	1,13%	545.069	1,03%
Doanh nghiệp tư nhân	1.499.470	2,36%	1.530.244	2,89%
Cá nhân và các khách hàng khác	22.664.380	35,72%	19.177.181	36,23%
	<b>63.451.465</b>	<b>100%</b>	<b>52.927.857</b>	<b>100%</b>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Cho vay bằng VNĐ	13,6% – 22%	15,4% – 17,2%
Cho vay bằng USD	0,55% – 9,3%	5,5% – 6,7%

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	461.399	384.860
Dự phòng cụ thể	427.660	226.135
	<b>889.059</b>	<b>610.995</b>

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	384.860	315.081
Dự phòng trích lập trong năm	76.539	69.779
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<b>461.399</b>	<b>384.860</b>

Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng	226.135	197.316
Dự phòng trích lập trong năm	686.293	654.439
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(457.338)	(331.642)
Sử dụng dự phòng để xử lý các khoản nợ khó đòi	(27.430)	(293.978)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<b>427.660</b>	<b>226.135</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 10. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ		
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành		
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành		
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Cổ phiếu do các đơn vị kinh tế trong nước phát hành		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ		
• Trái phiếu Kho bạc của NHNNVN		
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành		
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành		
Đầu tư ủy thác		
	27.800	27.800
	110	92
	43.847.690	27.133.053
	(24.670)	(11.500)
	<b>43.823.020</b>	<b>27.121.553</b>
	347.933	60.179
	-	368.060
	1.880.000	2.430.000
	1.666.240	1.065.012
	3.894.173	3.923.251
	624.840	567.960
	4.519.013	4.491.211
	<b>48.342.033</b>	<b>31.612.764</b>

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2011 Thời hạn	31/12/2010 Thời hạn
	Lãi suất	Lãi suất
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9 tháng - 15 năm	3,50% – 30,0%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1 năm - 15 năm	0,52% – 16,50%
	6 tháng - 15 năm	4,00% – 17,50%
	6 tháng - 15 năm	0,4% – 15,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Techcombank thế chấp chứng khoán trị giá 10.201.763 triệu VNĐ theo mệnh giá (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7.913.511 triệu VNĐ) tại NHNNVN làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ NHNNVN (xem thuyết minh 16).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	11.500	–
Trích lập dự phòng trong năm	13.170	11.500
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>24.670</b>	<b>11.500</b>

### 11. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn – giá gốc (i)	<b>76.905</b>	<b>69.645</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ	Tỷ lệ năm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ
<b>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác</b>				
CTCP Tài chính Hóa chất Việt Nam	10,00%	60.000	10,00%	60.000
<b>Đầu tư vào các doanh nghiệp khác</b>				
CTPC Đầu tư TCO Việt Nam	11,00%	3.300	11,00%	3.300
CTCP Dịch vụ Thẻ Smartlink	2,00%	1.000	2,00%	1.000
CTCP Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	9,59%	1.040	5,1%	561
CTCP Đầu tư PCB	7,96%	7.962	6,36%	3.181
S.W.I.F.T SCRL	0,09%	283	0,09%	283
CTCP Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	10,00%	660	10,00%	660
TECHCOMDEVELOPER	11,00%	660	11,00%	660
CTCP Phát triển đô thị Bắc Hà nội	7,00%	1.400	–	–
CTCP TIC	10,00%	600	–	–
	<b>76.905</b>		<b>69.645</b>	

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và chi phí nâng cấp Triệu VNĐ	Thiết bị văn phòng Triệu VNĐ	Phương tiện vận chuyển Triệu VNĐ	Các tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	262.105	646.116	110.920	22.449	1.041.590
Tăng trong năm	53	521.209	19.836	8.949	550.047
Thanh lý	–	(1.619)	(380)	(259)	(2.258)
Xóa sổ	(184)	(268.799)	(2.901)	(4.218)	(276.102)
Điều chuyển	(19.357)	–	–	–	(19.357)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>242.617</b>	<b>896.907</b>	<b>127.475</b>	<b>26.921</b>	<b>1.293.920</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	19.673	146.885	39.375	4.398	210.331
Khấu hao trong năm	4.625	98.712	13.857	3.647	120.841
Thanh lý	–	(1.448)	(364)	(195)	(2.007)
Xóa sổ	(155)	–	(14.396)	–	(14.551)
Điều chuyển	–	10.988	–	3.395	14.383
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>24.143</b>	<b>255.137</b>	<b>38.472</b>	<b>11.245</b>	<b>328.997</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	242.432	499.231	71.545	18.051	831.259
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<b>218.474</b>	<b>641.770</b>	<b>89.003</b>	<b>15.676</b>	<b>964.923</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vì tính Triệu VNĐ	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Các tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	170.537	47.426	3.213	221.176
Tăng trong năm	74.287	–	3.895	78.182
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	244.824	47.426	7.108	299.358

### Hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	46.772	325	1.431	48.528
Khấu hao trong năm	23.925	124	480	24.529
Điều chuyển	931	–	(931)	–
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	71.628	449	980	73.057

### Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	123.765	47.101	1.782	172.648
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	173.196	46.977	6.128	226.301

### 14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Nhà cửa Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	–	–	–
Tăng trong năm	–	1.905	1.905
Điều chuyển trong năm	19.357	–	19.357
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	19.357	1.905	21.262

### Hao mòn lũy kế

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	–	–	–
Khấu hao trong năm	–	141	141
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	–	141	141

### Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	–	–	–
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	19.357	1.764	21.121

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 15. Tài sản có khác

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu		
• Phải thu nội bộ	124.104	174.352
• Đặt cọc và ứng trước thuê văn phòng	596.883	192.160
• Phải thu từ NHNNVN liên quan đến Chương trình hỗ trợ lãi suất	35.925	47.507
• Ứng trước hợp đồng	171.242	181.021
• Ứng trước để mua chứng khoán (i)	3.133.000	7.869.982
• Ứng trước và lãi phải thu của hợp đồng đặt cọc thuê nhà tại 56 Nguyễn Chí Thanh (ii)	2.353.625	–
• Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	258.604	17.771
• Các khoản phải thu khác từ bên ngoài (iii)	2.914.327	264.449
• Phải thu từ các giao dịch vàng	713.320	–
	10.301.030	8.747.242
Các khoản lãi và phí phải thu		
Tài sản có khác	4.471.852	2.219.043
• Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	39.672	8.036
• Vật liệu	49.236	65.694
• Chi phí trả trước	274.823	202.318
• Tài sản có khác	56.639	201.424
	420.370	477.472
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (iv)		
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	35.203	23.922
	(259)	(184)
	<b>15.228.196</b>	<b>11.467.495</b>

(i) Đây là các khoản ứng trước ngắn hạn bằng VNĐ cho các công ty chứng khoán với mục đích mua chứng khoán cho Techcombank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các công ty chứng khoán chưa mua được chứng khoán (31 tháng 12 năm 2010: không). Các công ty chứng khoán phải trả lãi suất năm từ 12%-15% (2010: 11%-15,5%) cho Techcombank tính từ ngày tạm ứng đến ngày mua được chứng khoán.

(ii) Đây là khoản đặt cọc cho hợp đồng thuê phòng tại số 56 Nguyễn Chí Thanh và lãi của khoản đặt cọc này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(iii) Các khoản phải thu khác từ bên ngoài bao gồm một khoản phải thu trị giá 1.726.952 triệu VNĐ từ Công ty TNHH Đầu tư Thảo Điền cho hợp đồng bán các khoản cho vay của Techcombank trị giá 2.026.952 triệu VNĐ.

(iv) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản doanh thu chờ phân bổ.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 16. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Vay theo hồ sơ tín dụng	700.000	–
Các khoản vay NHNN khác (i)	2.617.602	8.091.316
	<b>3.317.602</b>	<b>8.091.316</b>

(i) Đây là các khoản vay từ NHNNVN theo các hợp đồng bán và mua lại Trái phiếu Chính phủ (Thuyết minh 10). Các khoản vay này có kỳ hạn gốc là 15 đến 93 ngày (31 tháng 12 năm 2010: 7 ngày) và chịu lãi suất 14%-15% một năm (2010: 10%).

### 17. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	5.908.655	3.453.561
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.529.583	3.445.992
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	21.460.863	10.590.340
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.289.354	4.710.085
<b>Tiền vay</b>		
Tiền vay bằng VNĐ	672.464	240.000
Tiền vay bằng ngoại tệ	9.271.824	5.343.136
	<b>48.132.743</b>	<b>27.783.114</b>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,0% – 17,5%	7,7% – 14,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,0% – 5,22%	0,1% – 2,7%
Tiền vay bằng VNĐ	15% – 16%	12,6%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,75% – 5,05%	1,86% – 5,05%

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 18. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	9.879.665	8.437.188
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.560.644	1.661.068
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	61.383.625	56.025.427
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.891.912	13.081.268
<b>Tiền ký quỹ</b>		
Tiền ký quỹ bằng VNĐ	551.531	704.805
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	1.380.402	640.997
	<b>88.647.779</b>	<b>80.550.753</b>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Tổ chức kinh tế	31.011.867	18.744.743
Cá nhân	57.635.912	61.806.010
	<b>88.647.779</b>	<b>80.550.753</b>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,20%	0,00% – 1,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	1,5% – 14%	1,50% – 18,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	1,00% – 4,33%	1,00% – 4,30%

### 19. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

Bao gồm trong khoản này là vốn đầu tư ủy thác nhận từ các bên ủy thác khác nhau, chịu lãi suất năm trong khoảng từ 7,5% đến 13,92% (2010: 3,0% đến 13,5%).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 20. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Dưới 12 tháng (i)	12.521.225	2.370.035
Từ 12 tháng đến 5 năm (ii)	5.116.638	7.403.559
Trên 5 năm (iii)	2.456.282	2.250.623
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (iv)	3.000.000	3.000.000
	<b>23.094.145</b>	<b>15.024.217</b>

(i) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0,01% đến 14% (2010: 4,5% đến 13,5%).

(ii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất năm trong khoảng 0,01% đến 13,5% (2010: 4,5% đến 12,0%).

(iii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất trong năm khoảng 0,01% đến 10,5% (2010: 8,6% đến 10,5%).

(iv) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu chuyển đổi phát hành cho các cổ đông hiện tại của Techcombank với kì hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng cho 5 năm đầu tiên của kì hạn trái phiếu là 0%. Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15%. Cổ đông nắm giữ trái phiếu chuyển đổi này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Tỷ lệ chuyển đổi là 17.188,38 VNĐ được một cổ phiếu phổ thông, có mệnh giá 10.000 VNĐ.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 21. Các khoản nợ khác

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Lãi và phí phải trả	1.832.106	1.378.833
Các khoản phải trả và công nợ khác		
• Chuyển tiền phải trả	211.581	42.916
• Phải trả nhân viên	182.353	58.841
• Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.644	3.674
• Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	168.263	70.415
• Phải trả nhà cung cấp	241.555	5
• Dự phòng thuế phải nộp (i)	844.846	444.414
• Doanh thu chưa thực hiện	57.694	151.896
• Phải thu nội bộ	-	4.993
• Ứng trước từ khách hàng	321.110	53.643
• Các khoản phải trả khác	594.768	472.642
	<b>2.625.814</b>	<b>1.303.439</b>
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (ii)	112.774	76.404
	<b>4.570.694</b>	<b>2.758.676</b>

(i) Dự phòng thuế phải nộp

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	7.807	25.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	816.704	396.874
Các loại thuế khác	20.335	22.272
	<b>844.846</b>	<b>444.414</b>

(ii) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	76.404	72.045
Dự phòng trích lập trong năm	36.370	4.359
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<b>112.774</b>	<b>76.404</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 22. Vốn và các quỹ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Vốn khác Triệu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần Triệu VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VNĐ	Các quỹ khác Triệu VNĐ	Tổng các quỹ Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	<b>5.400.417</b>	<b>371</b>	<b>86.918</b>	<b>382.530</b>	<b>2.762</b>	<b>472.210</b>	<b>1.450.829</b>	<b>7.323.827</b>
Chuyển sang vốn cổ phần	1.531.767	–	(1.531.767)	–	–	(1.531.767)	–	–
Lợi nhuận thuần trong năm	–	–	–	–	–	–	2.072.755	2.072.755
Trích lập các quỹ	–	–	1.555.590	200.479	5.912	1.761.981	(1.761.981)	–
Sử dụng các quỹ	–	–	–	(3.565)	(4.862)	(8.427)	–	(8.427)
Biến động khác	–	–	(2.886)	–	–	(2.886)	3.892	1.006
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>6.932.184</b>	<b>371</b>	<b>107.855</b>	<b>579.444</b>	<b>3.812</b>	<b>691.111</b>	<b>1.765.495</b>	<b>9.389.161</b>
Chuyển sang vốn cổ phần	1.855.895	–	(90.500)	–	–	(90.500)	(1.765.395)	–
Lợi nhuận thuần trong năm	–	–	–	–	–	–	3.153.766	3.153.766
Trích lập các quỹ	–	–	172.588	296.311	26.623	495.522	(495.522)	–
Sử dụng các quỹ	–	–	–	(757)	(26.910)	(27.667)	–	(27.667)
Biến động khác	–	–	1.891	(11.704)	542	(9.271)	9.813	542
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>8.788.079</b>	<b>371</b>	<b>191.834</b>	<b>863.294</b>	<b>4.067</b>	<b>1.059.195</b>	<b>2.668.157</b>	<b>12.515.802</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 22. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

Vốn cổ phần

	31/12/2011 Số cổ phiếu Triệu VNĐ	31/12/2010 Số cổ phiếu Triệu VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>878.807.871</b>	<b>8.788.078</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	<b>878.807.871</b>	<b>8.788.078</b>
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	<b>878.807.871</b>	<b>8.788.078</b>
Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Techcombank là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Techcombank. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Techcombank công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Techcombank.		
<b>23. Thu nhập lãi thuần</b>		
<b>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ</b>		
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	<b>6.400.067</b>	<b>3.375.282</b>
Cho vay khách hàng	<b>9.569.685</b>	<b>5.594.413</b>
Các khoản đầu tư chứng khoán	<b>3.978.821</b>	<b>1.964.688</b>
<b>Chi phí lãi và các chi phí tương ứng cho</b>		
Các khoản tiền gửi của khách hàng	<b>(11.703.319)</b>	<b>(6.193.981)</b>
Các khoản tiền gửi và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	<b>(1.344.255)</b>	<b>(1.012.822)</b>
Phát hành giấy tờ có giá	<b>(1.602.624)</b>	<b>(543.231)</b>
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>5.298.375</b>	<b>3.184.349</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ bảo lãnh	143.190	159.776
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	835.419	690.557
Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.883	2.506
Dịch vụ tư vấn	105.841	130.816
Dịch vụ khác	433.824	202.965
	<b>1.520.157</b>	<b>1.186.620</b>
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(124.329)	(104.821)
Chi phí truyền thông	(45.462)	(27.912)
Dịch vụ tư vấn	(99.697)	(103.162)
Dịch vụ môi giới	(852)	(6.980)
Dịch vụ khác	(99.463)	(13.945)
	<b>(369.803)</b>	<b>(256.820)</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.150.354</b>	<b>929.800</b>

### 25. Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ	355.571	161.808
Thu nhập từ kinh doanh vàng	165.760	82.742
Thu từ các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ	143.671	81.248
	<b>665.002</b>	<b>325.798</b>
<i>Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.149.832)	(216.959)
Chi phí hoạt động kinh doanh vàng	(102.325)	(85.061)
Chi cho các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ	(111.758)	(115.161)
	<b>(1.363.915)</b>	<b>(417.181)</b>
<b>(698.913)</b>	<b>(91.383)</b>	

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 26. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh</i>		
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	66.444	19.593
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (thuyết minh 6)	(30.040)	(12.593)
Hoàn nhập dự phòng (thuyết minh 6)	(99.905)	(78.418)
	<b>8.168</b>	–
<b>(55.333)</b>	<b>(71.418)</b>	

### 27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư</i>		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (thuyết minh 10)	429.427	171.835
	<b>(13.170)</b>	<b>(11.500)</b>
<b>416.257</b>	<b>160.335</b>	

### 28. Thu nhập từ hoạt động khác

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước</i>		
Thu nhập khác	60.959	240.067
	<b>646.156</b>	<b>456.049</b>
<b>707.115</b>	<b>696.116</b>	

### 29. Chi phí hoạt động

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<i>Lương và các chi phí liên quan</i>		
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	1.181.254	754.516
Chi phí thuê văn phòng và tài sản	147.641	49.113
Khấu hao tài sản cố định	376.402	298.390
Thuế, lệ phí và phí	145.370	96.132
Chi phí dụng cụ và thiết bị	72.326	72.069
Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông	41.592	112.060
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	40.315	29.821
Các chi phí hoạt động khác	90.123	49.095
	<b>4.175</b>	<b>126.553</b>
<b>2.099.198</b>	<b>1.587.749</b>	

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 30. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng		–	(9.290)
Dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng	9	76.539	69.779
Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng	9	686.293	654.439
Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay khách hàng	9	(457.338)	(331.642)
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	21	36.370	4.359
		<b>341.864</b>	<b>387.645</b>

### 31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.064.768	672.852
Dự phòng thiểu trong những năm trước	12.248	–
	<b>1.077.016</b>	<b>672.852</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(9.669)	(1.980)
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>1.067.347</b>	<b>670.872</b>

#### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	4.221.113	2.743.627
Điều chỉnh cho các khoản	(10.641)	(65.159)
– Thu nhập không chịu thuế	28.598	–
– Chi phí không được khấu trừ	4.239.070	2.678.468
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.059.767</b>	<b>669.616</b>
Thuế theo thuế suất của Ngân hàng	(4.668)	–
Lỗ các năm trước được trừ	–	1.256
Thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận	12.248	–
Dự phòng thiểu trong những năm trước		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập</b>	<b>1.067.347</b>	<b>670.872</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 31. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### (c) Thuế suất áp dụng

Techcombank có Nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho Nhà nước theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

#### 32. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 3.153.766 triệu VNĐ (2010: 2.072.755 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 1.086.571.576 cổ phiếu (2010 trình bày lại: 872.560.194 cổ phiếu), được tính như sau:

##### (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

###### (i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.153.766	2.072.755

###### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	693.218.371	540.041.671
Ảnh hưởng của cổ phiếu thường phát hành trong năm 2010	–	153.176.700
Ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc	169.720.183	1.394.960
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	862.938.554	694.613.331
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm 2011	223.633.022	177.946.863
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.086.571.576	872.560.194

###### (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2011 VND	2010 VND	2010 (Điều chỉnh lại)	2010 (Như đã được trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.902	2.375	2.375	2.990

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 32. Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

#### (b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2011 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế (cơ bản)	3.153.766	2.072.755
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	<u>3.153.766</u>	<u>2.072.755</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2011 (Điều chỉnh lại)	2010 (Điều chỉnh lại)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	1.086.571.576	872.560.194
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của trái phiếu có thể chuyển đổi	6.050.190	6.050.190
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	<u>1.092.621.766</u>	<u>878.610.384</u>

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2011 (Điều chỉnh lại)	2010 (Điều chỉnh lại)	2010 (Như đã được trình bày trước đây)
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	<u>2.886</u>	<u>2.359</u>	<u>2.389</u>

### 33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	2.025.949	1.553.316
Vàng tại quỹ	3.089.053	2.762.893
Tiền gửi tại NHNNVN	4.465.664	2.752.951
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>24.717.946</u>	<u>33.670.276</u>
	<b>34.298.612</b>	<b>40.739.436</b>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền có tiền và các khoản tương đương tiền bằng các ngoại tệ khác VNĐ trị giá tương đương 14.459.807 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 10.762.266 triệu VNĐ).

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Techcombank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Techcombank đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Techcombank, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Techcombank trong năm. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Techcombank phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	Số dư 31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
<b>Tiền gửi tại các bên liên quan</b>		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	–	3.393
<b>Đầu tư ủy thác từ Techcombank</b>		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	624.840	567.960
<b>Tiền cho vay của Ngân hàng</b>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	795.566	591.852
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	375.230	285.457
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng</b>		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	650.839	246.852
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	583.364	447.495
Cụm cảng hàng không Miền Trung	78.820	86.007
Cảng vụ Hàng không Miền Nam	77.078	–
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	5.373	–
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	–	31.963
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	–	16.639
Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma San (trước là Công ty CP Thực phẩm Masan)	260.352	570.160
Công ty Cổ phần Masan	9.246	2.337
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	1.510.042	650.217
Công ty CP EuroFinance	19	1
Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam	44	43
Công ty CP Đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa	6	–
Công ty CP Đầu tư TTTM Vinh	218	219
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	8.412	28.031
Công ty CP Đầu tư Trung tâm thương mại Hà Nội – Matxcova	5	1
Sàn giao dịch Bất động sản – CN Công ty Eurowindow Holdings	1.137	57
<b>Nguồn vốn ủy thác đầu tư cho Ngân hàng</b>		
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước là Công ty CP Thực phẩm Masan)	–	986.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	–	50.000
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>		
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	140.000	140.000

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

	Giao dịch		(Điều chỉnh lai)	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
	2011	2010			
<b>Thu nhập lãi</b>					
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	30.790	23.313			
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	6.178	–			
Ngân hàng HSBC	10.971	–			
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	245	–			
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	40.394	33.078			
<b>Chi phí lãi</b>					
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	25.231	26.600			
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	22.736	26.737			
Cụm cảng hàng không Miền Trung	3.938	5.322			
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	–	337			
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là Công ty Thực phẩm Masan)	213.646	58.491			
Công ty Cổ phần Masan	3.629	429			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	134.903	83.722			
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	662	–			
Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	3.037	–			
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	213	180			
Công ty CP đầu tư TTTM Vinh	4	2			
Sàn GD Bất động sản – CN Công ty CP Eurowindow Holdings	11	15			

### 35. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2011	2010
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	8.335	7.481
Số lượng cán bộ, công nhân viên trong năm (người)	7.908	6.515
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VNĐ)	985.350	639.430
2. Các khoản phụ cấp và thu nhập khác (Triệu VNĐ)	195.904	115.086
	<b>1.181.254</b>	<b>754.516</b>
Tiền lương bình quân năm (Triệu VNĐ)	125	98
Thu nhập bình quân năm (Triệu VNĐ)	149	116

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 36. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	31/12/2010 Triệu VNĐ	Số phát sinh trong năm Triệu VNĐ	Số đã nộp trong năm Triệu VNĐ	31/12/2011 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	25.268	121.781	(139.242)	7.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.874	1.077.016	(657.186)	816.704
Các loại thuế khác	22.272	90.306	(92.243)	20.335
	<b>444.414</b>	<b>1.289.103</b>	<b>(888.671)</b>	<b>844.846</b>

### 37. Báo cáo bộ phận

#### Bộ phận chia theo vùng địa lý

Techcombank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Triệu VNĐ	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	1/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản	137.354.823	117.114.217	3.073.002	2.580.843	40.103.338	30.596.155	180.531.163	150.291.215
Nợ phải trả	125.756.679	107.955.152	2.954.793	2.519.138	39.303.889	30.427.764	168.015.361	140.902.054
Tài sản cố định	1.137.578	953.084	10.558	11.753	43.088	39.070	1.191.224	1.003.907
Triệu VNĐ	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010
Doanh thu	19.102.946	10.291.076	373.049	266.159	4.133.965	3.379.779	23.609.960	13.937.014
Chi phí	(13.764.202)	(7.777.547)	(387.364)	(204.455)	(5.237.281)	(3.211.385)	(19.388.847)	(11.193.387)
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	5.338.744	2.513.529	(14.315)	61.704	(1.103.316)	168.394	4.221.113	2.743.627

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 37. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

#### Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Techcombank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản, kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ.

Triệu VNĐ	Ngân hàng bán lẻ		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản	178.190.978	149.502.579	4.185.424	3.468.494	325.692	361.390
Công nợ	166.077.109	140.469.366	3.710.506	3.050.003	1.211	39.996
Tài sản cố định	1.173.866	968.176	14.901	32.719	2.396	2.998

Triệu VNĐ	Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản	1.299.109	604.803	(3.470.040)	(3.646.051)	180.531.163	150.291.215
Công nợ	1.256.575	548.740	(3.030.040)	(3.206.051)	1.68.015.361	140.902.054
Tài sản cố định	61	14	–	–	1.191.224	1.003.907

Triệu VNĐ	Ngân hàng bán lẻ		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Doanh thu	23.240.183	13.440.504	758.821	502.950	30.438	30.344
Chi phí	(19.172.871)	(11.057.082)	(329.631)	(124.445)	(8.682)	(35.366)
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	4.067.312	2.383.422	429.190	378.505	21.756	(5.022)

Triệu VNĐ	Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Doanh thu	11.347	20.487	(430.828)	(57.271)	23.609.961	13.937.014
Chi phí	(7.968)	(3.765)	130.304	27.271	(19.388.848)	(11.193.387)
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	3.379	16.722	(300.524)	(30.000)	4.221.113	2.743.627

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Techcombank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà ban lãnh đạo Techcombank sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Techcombank dễ gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

#### (i) Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Techcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Techcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Techcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Techcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Techcombank.

ALCO là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Techcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng biệt của Techcombank nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

#### (ii) Rủi ro tín dụng

Techcombank chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Techcombank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Techcombank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Techcombank chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Techcombank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Techcombank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra Techcombank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Techcombank tiến hành đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong Thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất số 2(j), 2(k) and 2(l).

Để quản lý rủi ro tín dụng Techcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (ii) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu thể hiện trung thức nhất mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	43.190.766
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	43.190.766
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	–
Công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	48.338.793
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	43.819.780
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.519.013
Tài sản Có khác	15.228.455
	<b>170.263.751</b>

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm các khoản đầu tư vào Chứng khoán vốn:

	Triệu VNĐ
Chưa bị quá hạn gốc hoặc quá hạn lãi:	
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	43.190.766
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	43.190.766
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	–
Công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	57.104.413
Chứng khoán đầu tư – gộp	48.338.793
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	43.819.780
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.519.013
Tài sản Có khác	15.228.455
	<b>163.916.699</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (ii) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán không bao gồm các khoản đầu tư vào Chứng khoán vốn.

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn từ 180 đến 365 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	–	–	–	–	–
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	–	–	–	–	–
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	–	–	–
Công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	–	–	–	–	–
Cho vay khách hàng – gộp	1.010.549	163.210	63.392	46.627	1.283.778
Chứng khoán đầu tư – gộp	–	–	–	–	–
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	–	–	–	–	–
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	–	–	–	–	–
Tài sản Có khác	–	–	–	–	–
	<b>1.010.549</b>	<b>163.210</b>	<b>63.392</b>	<b>46.627</b>	<b>1.283.778</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (ii) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn từ 180 đến 365 ngày Triệu VNĐ	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	–	–	–	–	–
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	–	–	–	–	–
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	–	–	–
Công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	–	–	–	–	–
Cho vay khách hàng – gộp	3.542.847	764.266	560.340	195.821	5.063.274
Chứng khoán đầu tư – gộp	–	–	–	–	–
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	–	–	–	–	–
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	–	–	–	–	–
Tài sản Có khác	–	–	–	–	–
	<b>3.542.847</b>	<b>764.266</b>	<b>560.340</b>	<b>195.821</b>	<b>5.063.274</b>

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo Techcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Bất động sản	87.810.510	60.946.949
Máy móc thiết bị	50.440.043	53.810.924
Giấy tờ có giá	11.720.772	10.873.169
Các tài sản đảm bảo khác	17.195.980	15.542.215
	<b>167.167.305</b>	<b>141.173.257</b>

#### (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Techcombank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iii) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Techcombank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và công nợ tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền và vàng	–	–	5.115.002	–	–	–	–	5.115.002
Tiền gửi tại NHNNVN	–	–	4.465.664	–	–	–	–	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	20.491.965	11.424.920	8.370.296	2.661.947	241.638	43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	–	–	437.134					437.134
Công cụ tài chính phát sinh	–	–	61.696	(5.830)	(1.594)	–	–	54.272
Cho vay khách hàng - gộp	1.777.159	4.323.409	6.611.609	14.029.611	15.774.110	8.221.267	12.714.300	63.451.465
Chứng khoán đầu tư - gộp			–	1.248.071	2.844.840	13.270.920	27.647.779	3.355.093
Góp vốn, đầu tư dài hạn – nguyên giá	–	–	76.905	–	–	–	–	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	–	–	–	–	–	–	1.614.540	1.614.540
Tài sản có khác – gộp	–	–	10.611.952	560.000	2.329.550	1.726.953	–	15.228.455
	<b>1.777.159</b>	<b>4.323.409</b>	<b>49.119.998</b>	<b>28.853.541</b>	<b>39.743.282</b>	<b>40.257.946</b>	<b>17.925.571</b>	<b>182.000.906</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	–	–	2.617.602	700.000	–	–	–	3.317.602
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	18.585.342	12.146.724	14.453.796	2.410.658	536.223	48.132.743
Tiền gửi của khách hàng	–	–	68.333.496	15.897.530	3.532.264	872.183	12.306	88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	–	–	5.003	14.412	127.848	101.291	3.844	252.398
Phát hành giấy tờ có giá	–	–	3.843.892	3.157.744	9.148.255	6.500.006	444.248	23.094.145
Các khoản nợ phải trả khác	–	–	3.286.876	342.118	711.956	228.913	831	4.570.694
	<b>–</b>	<b>–</b>	<b>96.672.211</b>	<b>32.258.528</b>	<b>27.974.119</b>	<b>10.113.051</b>	<b>997.452</b>	<b>168.015.361</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>1.777.159</b>	<b>4.323.409</b>	<b>(47.552.213)</b>	<b>(3.404.987)</b>	<b>11.769.163</b>	<b>30.144.895</b>	<b>16.928.119</b>	<b>13.985.545</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iii) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền và vàng	–	–	4.316.209	–	–	–	–	4.316.209
Tiền gửi tại NHNNVN	–	–	2.752.951	–	–	–	–	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	31.065.969	5.759.057	8.489.859	948.311	–	46.263.196
Chứng khoán kinh doanh – gộp	–	–	258.994	–	307.614	–	–	566.608
Cho vay khách hàng - gộp	1.230.406	1.398.388	6.396.894	11.291.873	15.431.072	8.075.315	9.103.909	52.927.857
Chứng khoán đầu tư - gộp	–	–	457.063	777.380	9.589.860	17.581.961	3.218.000	31.624.264
Góp vốn, đầu tư dài hạn – nguyên giá	–	–	660	–	–	–	68.985	69.645
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá (diêu chỉnh lại)	–	–	–	–	–	–	1.262.766	1.262.766
Tài sản có khác – gộp	–	–	3.552.912	4.077.000	3.837.767	–	–	11.467.679
	<b>1.230.406</b>	<b>1.398.388</b>	<b>48.801.652</b>	<b>21.905.310</b>	<b>37.656.172</b>	<b>26.605.587</b>	<b>13.653.660</b>	<b>151.251.175</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	–	–	8.091.316	–	–	–	–	8.091.316
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	–	–	14.730.998	4.101.947	7.186.399	954.160	809.610	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	–	–	50.507.192	17.854.894	9.442.145	2.686.608	59.914	80.550.753
Công cụ tài chính phát sinh và các công nợ tài chính khác	–	–	49.692	3.754	(558)	–	–	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	–	–	2.153.536	2.264.485	1.170.172	1.048.667	4.230	6.641.090
Phát hành giấy tờ có giá	–	–	855.034	1.038.496	4.777.651	8.352.404	632	15.024.217
Các khoản nợ phải trả khác	–	–	532.314	722.451	1.455.345	47.844	722	2.758.676
	<b>–</b>	<b>76.920.082</b>	<b>25.986.027</b>	<b>24.031.154</b>	<b>13.089.683</b>	<b>875.108</b>	<b>140.902.054</b>	
<b>Mức chênh thanh khoán ròng</b>								
	<b>1.230.406</b>	<b>1.398.388</b>	<b>(28.118.430)</b>	<b>(4.080.717)</b>	<b>13.625.018</b>	<b>13.515.904</b>	<b>12.778.552</b>	<b>10.349.121</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường

##### Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Techcombank chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Techcombank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Lãi suất thực tế bình quân với VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
-------------------------------	---------------------	--------------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------

##### Tài sản

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	14.57	16.00	15.29	13.28	14.50
Chứng khoán đầu tư	19.89	20.69	18.55	17.61	21.15
Cho vay khách hàng	13.44	13.08	13.66	15.21	14.00

##### Nợ phải trả

Các khoản nợ từ Chính phủ và NHNNVN	14.00	15.00	–	–	–
Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	13.67	14.66	13.89	13.88	13.50
Tiền gửi của khách hàng	13.42	13.96	13.96	13.88	12.56
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	7.50	11.45	13.00	13.92	–
Phát hành giấy tờ có giá	0.00	14.00	14.00	11.71	–

##### Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
-------------------------------	---------------------	--------------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------

##### Tài sản

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	5.56	4.43	6.79	7.40	3.70
Chứng khoán đầu tư	7.33	6.05	4.57	6.75	–
Cho vay khách hàng	–	5.00	3.50	4.93	4.47

##### Nợ phải trả

Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	2.55	3.42	2.84	2.51	4.44
Tiền gửi của khách hàng	1.82	1.53	2.39	2.02	3.32

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Triệu VNĐ)	Quá hạn không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>							
Tiền và vàng	-	5.115.002	-	-	-	-	5.115.002
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	4.465.664	-	-	-	-	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	14.567.386	7.467.034	10.690.517	5.581.195	4.434.634	450.000 43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	437.134	-	-	-	-	437.134
Tài sản tài chính phát sinh	-	-	61.696	(5.830)	(194)	(1.400)	- 54.272
Cho vay khách hàng – gộp	6.251.731	-	52.516.375	2.138.716	1.070.642	170.682	1.303.319 63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	958.072	1.177.839	3.144.840	10.724.840	17.756.240	14.604.872 48.366.703
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	76.905	-	-	-	-	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	-	1.614.540	-	-	-	-	1.614.540
Tài sản có khác	-	10.236.656	375.296	1.110.000	1.254.550	2.051.953	200.000 15.228.455
	<b>6.251.731</b>	<b>37.471.359</b>	<b>61.598.240</b>	<b>17.078.243</b>	<b>18.631.033</b>	<b>24.412.109</b>	<b>16.558.191</b> <b>182.000.906</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	2.617.602	700.000	-	-	- 3.317.602
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	11.438.238	7.888.799	12.507.902	7.156.456	8.641.348	500.000 48.132.743
Tiền gửi của khách hang	-	11.364.043	56.945.048	16.009.547	2.590.613	1.628.207	110.321 88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	5.003	235.122	11.790	-	483 252.398
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.288.104	3.157.744	2.630.864	10.017.391	3.000.042 23.094.145
Các khoản nợ khác	-	4.098.117	-	472.577	-	-	- 4.570.694
	<b>- 26.900.398</b>	<b>71.744.556</b>	<b>33.082.892</b>	<b>12.389.723</b>	<b>20.286.946</b>	<b>3.610.846</b>	<b>168.015.361</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>							
	<b>6.251.731</b>	<b>10.570.961</b>	<b>(10.146.316)</b>	<b>(16.004.649)</b>	<b>6.241.310</b>	<b>4.125.163</b>	<b>12.947.345</b> <b>13.985.545</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng</b>							
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng</b>							
	<b>6.251.731</b>	<b>10.570.961</b>	<b>(10.146.316)</b>	<b>(16.004.649)</b>	<b>6.241.310</b>	<b>4.125.163</b>	<b>12.947.345</b> <b>13.985.545</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Lãi suất thực tế bình quân với VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
<b>Tài sản</b>					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	11.58	12.79	11.86	12.47	12.08
Chứng khoán đầu tư	8.00	10.73	11.89	13.17	11.31
Cho vay khách hàng	14.66	15.94	15.61	16.04	15.28
<b>Nợ phải trả</b>					
Các khoản nợ từ Chính phủ và NHNNVN	8.00	-	-	-	-
Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	9.25	13.19	10.47	12.09	10.50
Tiền gửi của khách hàng	13.27	13.15	11.78	11.83	11.06
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	11.97	12.06	12.34	11.60	9.05
Phát hành giấy tờ có giá	8.60	8.60	8.60	10.38	8.60
<b>Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Đến 1 tháng %	Từ 1 đến 3 tháng %	Từ 3 đến 6 tháng %	Từ 6 đến 12 tháng %	Trên 1 năm %
<b>Tài sản</b>					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	1.82	1.74	2.61	3.69	-
Cho vay khách hàng	4.50	5.40	5.70	6.50	7.16
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi và vay NHNNVN và các tổ chức tín dụng	1.49	1.83	2.45	3.78	-
Tiền gửi của khách hàng	1.51	3.65	3.93	3.96	4.95

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Điều chỉnh lại) (Triệu VNĐ)	Quá hạn	Không Ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền và vàng	-	4.316.209	-	-	-	-	-	4.316.209
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	2.752.951	-	-	-	-	-	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	26.231.383	9.425.931	6.946.196	3.659.686	-	46.263.196
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	379.954	-	-	-	186.654	-	566.608
Cho vay khách hàng – gộp	1.030.033	-	39.423.140	7.116.044	2.977.314	2.089.160	292.166	52.927.857
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	829.460	1.077.380	3.395.505	13.414.919	12.907.000	31.624.264
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	69.645	-	-	-	-	-	69.645
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá (điều chỉnh lại)	-	1.262.766	-	-	-	-	-	1.262.766
Tài sản có khác	-	618.336	8.995.212	410.126	1.228.980	215.025	-	11.467.679
	<b>1.030.033</b>	<b>9.399.861</b>	<b>75.479.195</b>	<b>18.029.481</b>	<b>14.547.995</b>	<b>19.565.444</b>	<b>13.199.166</b>	<b>151.251.175</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	8.091.316	-	-	-	-	8.091.316
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	20.564.859	1.314.970	2.348.462	2.562.186	992.637	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	-	-	56.501.005	15.657.865	4.667.202	3.724.681	-	80.550.753
Các công cụ tài chính phát sinh và các công nợ tài chính khác	-	52.888	-	-	-	-	-	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.153.536	2.264.485	1.170.172	139.241	913.656	6.641.090
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	855.034	1.038.496	4.777.651	3.852.403	4.500.633	15.024.217
Các khoản nợ khác	-	2.605.914	-	-	-	-	152.762	2.758.676
	<b>2.658.802</b>	<b>88.165.750</b>	<b>20.275.816</b>	<b>12.963.487</b>	<b>10.278.511</b>	<b>6.559.688</b>	<b>140.902.054</b>	
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>1.030.033</b>	<b>6.741.059</b>	<b>(12.686.555)</b>	<b>(2.246.335)</b>	<b>1.584.508</b>	<b>9.286.933</b>	<b>6.639.478</b>	<b>10.349.121</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng</b>	<b>1.030.033</b>	<b>6.741.059</b>	<b>(12.686.555)</b>	<b>(2.246.335)</b>	<b>1.584.508</b>	<b>9.286.933</b>	<b>6.639.478</b>	<b>10.349.121</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Lãi suất thực tế bình quân với USD và các ngoại tệ khác (tiếp theo)

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2011 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011 của Techcombank với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 2011	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh 2011 (Triệu VNĐ)	Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu 2011 (Triệu VNĐ)
VND	3,0%	313.937	235.453
USD	1,5%	(53.263)	(39.947)

#### Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Techcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Techcombank cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của Techcombank chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Techcombank bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Techcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Techcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Techcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

##### Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Triệu VNĐ)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>						
Tiền và vàng	1.544.221	401.472	67.538	3.089.053	12.718	5.115.002
Tiền gửi tại NHNNVN	3.003.291	1.462.373	–	–	–	4.465.664
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	26.708.959	16.065.455	253.864	–	162.488	43.190.766
Chứng khoán kinh doanh – gộp	437.134	–	–	–	–	437.134
Công cụ tài chính phát sinh	(598.715)	(1.306.124)	18.890	1.964.791	(24.570)	54.272
Cho vay khách hàng – gộp	47.204.807	15.753.721	421.980	–	70.957	63.451.465
Chứng khoán đầu tư – gộp	44.825.943	3.540.760	–	–	–	48.366.703
Góp vốn, đầu tư dài hạn	76.905	–	–	–	–	76.905
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư – nguyên giá	1.614.540	–	–	–	–	1.614.540
Tài sản có khác	14.032.837	478.397	1.598	713.135	2.488	15.228.455
<b>138.849.922</b>	<b>36.396.054</b>	<b>763.870</b>	<b>5.766.979</b>	<b>224.081</b>	<b>182.000.906</b>	
<b>Nợ phải trả</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	3.317.602	–	–	–	–	3.317.602
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	28.041.982	19.804.307	218.097	–	68.357	48.132.743
Tiền gửi của khách hàng	71.814.822	15.362.857	874.545	511.912	83.643	88.647.779
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	252.398	–	–	–	–	252.398
Phát hành giấy tờ có giá	14.850.048	2.915.920	–	5.328.177	–	23.094.145
Các khoản nợ khác	4.130.621	420.312	9.982	8.861	918	4.570.694
<b>122.407.473</b>	<b>38.503.396</b>	<b>1.102.624</b>	<b>5.848.950</b>	<b>152.918</b>	<b>168.015.361</b>	
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>16.442.449</b>	<b>(2.107.342)</b>	<b>(338.754)</b>	<b>(81.971)</b>	<b>71.163</b>	<b>13.985.545</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>(374.572)</b>	<b>732.291</b>	<b>(353.676)</b>	<b>–</b>	<b>–</b>	<b>4.043</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>16.067.877</b>	<b>(1.375.051)</b>	<b>(692.430)</b>	<b>(81.971)</b>	<b>71.163</b>	<b>13.989.588</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

##### Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VNĐ)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>						
Tiền và vàng	1.257.998	233.759	54.600	2.762.893	6.959	4.316.209
Tiền gửi tại NHNNVN	2.131.347	621.604	–	–	–	2.752.951
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	33.335.723	11.709.452	1.134.668	–	83.353	46.263.196
Chứng khoán kinh doanh – gộp	566.608	–	–	–	–	566.608
Cho vay khách hàng – gộp	41.015.338	11.350.600	417.606	–	144.313	52.927.857
Chứng khoán đầu tư – gộp	28.879.124	2.745.140	–	–	–	31.624.264
Góp vốn, đầu tư dài hạn	69.645	–	–	–	–	69.645
Tài sản cố định – nguyên giá (điều chỉnh lại)	1.262.766	–	–	–	–	1.262.766
Tài sản có khác	11.304.603	159.757	1.818	–	1.501	11.467.679
<b>119.823.152</b>	<b>26.820.312</b>	<b>1.608.692</b>	<b>2.762.893</b>	<b>236.126</b>	<b>151.251.175</b>	
<b>Nợ phải trả</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	8.091.316	–	–	–	–	8.091.316
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14.283.902	12.069.170	850.269	516.672	63.101	27.783.114
Tiền gửi của khách hàng	65.167.420	14.398.308	910.956	7	74.062	80.550.753
Công cụ tài chính phát sinh và công nợ tài chính khác	560.195	(364.151)	(143.156)	–	–	52.888
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.756.161	884.929	–	–	–	6.641.090
Phát hành giấy tờ có giá	11.049.377	1.798.540	–	2.176.300	–	15.024.217
Các khoản nợ khác	2.628.366	122.387	2.982	3.385	1.556	2.758.676
<b>107.536.737</b>	<b>28.909.183</b>	<b>1.621.051</b>	<b>2.696.364</b>	<b>138.719</b>	<b>140.902.054</b>	
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>12.286.415</b>	<b>(2.088.871)</b>	<b>(12.359)</b>	<b>66.529</b>	<b>97.407</b>	<b>10.349.121</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>(1.472.395)</b>	<b>1.427.330</b>	<b>36.080</b>	<b>–</b>	<b>(30.240)</b>	<b>(39.225)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>10.814.020</b>	<b>(661.541)</b>	<b>23.721</b>	<b>66.529</b>	<b>67.167</b>	<b>10.309.896</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### (iv) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

##### Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2011 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011 của Techcombank trong trường hợp:

Loại tiền tệ	VND tăng giá 5% so với USD, EUR và vàng	VND giảm giá 5% so với USD, EUR và vàng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
USD	100.350	(110.913)
Euro	16.131	(17.829)
Vàng	3.903	(4.314)
	<b>120.384</b>	<b>(113.056)</b>

### 39. Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Techcombank làm môi giới giúp khách hàng ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Giá trị theo các thị trường

	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư Triệu VNĐ
Thị trường Chicago CBOT	160.050	314.016	153.966
Thị trường Bursa, Malaysia	9.278	33.817	24.539
Thị trường Giao dịch Công cụ Quyền chọn và Tương lai Luân Đôn	297.138	3.027	(294.111)
Ủy ban Thương Mai New York	9.162	10.574	1.412
Thị trường Giao dịch Kim Loại Luân Đôn	649.893	441.491	(208.402)
Thị trường cao su Nhật Bản (TOCOM)	65.437	12.312	(53.125)
	<b>1.190.958</b>	<b>815.237</b>	<b>(375.721)</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 39. Các hợp đồng hàng hóa tương lai (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

#### Giá trị theo các thị trường

	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư Triệu VNĐ
Thị trường Chicago CBOT	1.352	127.171	(125.819)
Thị trường Kim loại và Hàng hóa Luân Đôn	–	1.568.898	(1.568.898)
Thị trường Giao dịch Công cụ Tài chính Tùy chọn và Tương lai Luân Đôn	151.668	240.328	(88.660)
Ủy ban Thương Mai New York	20.789	207.384	(186.595)
Thị trường Giao dịch Kim Loại Luân Đôn	1.566.546	–	1.566.546
Thị trường Giao dịch Hàng hóa COMEX	–	83.538	(83.538)
Thị trường cao su Nhật Bản (TOCOM)	22.768	6.823	15.945
	<b>1.763.123</b>	<b>2.234.142</b>	<b>(471.019)</b>

### 40. Cam kết

#### (i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Techcombank không có những cam kết chi tiêu vốn.

#### (ii) Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Dưới 01 năm	75.003	1.980
Từ 02 đến 05 năm	66.946	164.668
Trên 05 năm	292.627	266.197
	<b>434.576</b>	<b>432.845</b>

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 41. Thuyết minh công cụ tài chính

#### (a) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.115.002	–	–	–	–	5.115.002	5.115.002
Tiền gửi tại NHNN	4.465.664	–	–	–	–	4.465.664	4.465.664
Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	–	–	43.190.766	–	–	43.190.766	(*)
Chứng khoán kinh doanh – gộp	437.134	–	–	–	–	437.134	(*)
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	54.272	–	–	–	–	54.272	(*)
Cho vay khách hàng – gộp	–	–	63.451.465	–	–	63.451.465	(*)
Chứng khoán đầu tư – gộp	–	4.519.013	–	43.847.690	–	48.366.703	(*)
Góp vốn. Đầu tư dài hạn – gộp	–	76.905	–	–	–	76.905	(*)
Tài sản tài chính khác – gộp	–	–	15.228.455	–	–	15.228.455	(*)
	<b>10.072.072</b>	<b>4.595.918</b>	<b>121.870.686</b>	<b>43.847.690</b>		<b>– 180.386.366</b>	

#### Nợ phải trả tài chính

Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	–	–	–	–	51.450.345	51.450.345	(*)
Tiền gửi của khách hàng	–	–	–	–	88.647.779	88.647.779	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	–	–	–	–	23.094.145	23.094.145	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	–	–	–	–	4.570.694	4.570.694	(*)
	–	–	–	–	<b>– 167.762.963</b>	<b>167.762.963</b>	

(\*) Techcombank chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Mẫu B05/TCTD-HN

### 42. Số liệu so sánh

Techcombank đã điều chỉnh lại số dư tại 31/12/2010 như sau:

Thuyết minh	31/12/2010 (Như đã trình bày trước đây) Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh) Triệu VNĐ	31/12/2010 (Điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng	5	46.829.156	(567.960)
Chứng khoán đầu tư - giữ đến ngày đáo hạn	10	3.923.251	567.960

#### Cân đối kế toán

Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng	5	46.829.156	(567.960)	46.261.196
Chứng khoán đầu tư - giữ đến ngày đáo hạn	10	3.923.251	567.960	4.491.211

Người duyệt

Thái Hà Linh  
Kế toán trưởng

Cù Anh Tuấn  
Quyền Giám đốc Tài chính



Simon Morris  
Tổng Giám đốc

## Thông tin cổ đông

### Thay đổi về vốn cổ đông năm 2011

Năm 2011, Techcombank đã tăng vốn điều lệ từ 6.932 tỷ đồng (Sáu nghìn chín trăm ba mươi hai tỷ đồng) lên 8.788 tỷ đồng (tám nghìn bảy trăm tám mươi tám tỷ đồng), theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Techcombank phiên họp thường niên 2011 thông qua ngày 23/4/2011.

Theo đó, tháng 9 năm 2011 Techcombank đã tăng vốn điều lệ thêm 1.855 tỷ đồng (Một nghìn tám trăm năm mươi lăm tỷ đồng) từ nguồn lợi nhuận còn lại chưa phân phối (1.765 tỷ đồng) và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (90 tỷ đồng) thông qua hình thức phát hành thêm 185.589.500 cổ phần và phân phối như sau:

#### Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Trích 177.589.500 cổ phần (tương đương 1.775 tỷ đồng) để phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Tỷ lệ phân phối 25,6181%.

#### Cổ phiếu cho cán bộ cốt cán

Trích 8.000.000 cổ phần (tương đương 80 tỷ đồng) với mục đích dùng tặng và/hoặc đãi ngộ bằng cổ phần dành cho các cán bộ nhân viên có thành tích, đóng góp vào sự phát triển của Techcombank.

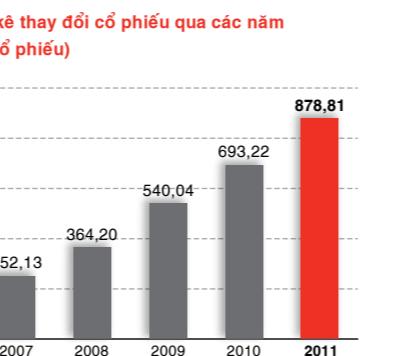
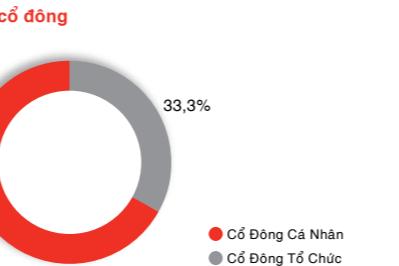
Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng như sau:

- Đầu tư tài sản trụ sở, thiết bị mạng lưới 2,8%
- Đầu tư hệ thống công nghệ IT 47,1%
- Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh 50,1%

#### Cơ Cấu Cổ ĐÔNG tại 31/12/2011

STT      Cơ cấu cổ đông

	Tổng Số Cổ Phần Sở Hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN</b>		
1 Cổ đông cá nhân là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành	292,692,024	33.3%
2 Cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% VĐL trở lên	27,477,803	3.1%
3 Cổ đông cá nhân khác	0	0.0%
<b>II CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC</b>		
1 Tập đoàn Dệt may Việt Nam	265,214,221	30.2%
2 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	586,115,847	66.7%
3 Ngân hàng Hồng Kông Thương Hải	153,343	00%
4 Công ty Cổ phần Ma San	24,033,426	2.7%
5 Công ty CP Tập đoàn Ma San	172,353,345	19.6%
6 Các cổ đông là tổ chức còn lại	1	0.0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	173,156,468	19.7%
	216,419,264	24.6%
	<b>878,807,871</b>	<b>100.0%</b>



## Thông tin về Ngân hàng

### Giấy phép Hoạt động

0040/NH - GP

ngày 6 tháng 8 năm 1993

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.

### Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

055697

ngày 7 tháng 9 năm 1993

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 16 tháng 9 năm 2011.

### Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Hùng Anh  
Ông Nguyễn Đăng Quang  
Ông Nguyễn Thiều Quang  
Ông Nguyễn Cảnh Sơn  
Ông Nguyễn Đức Vinh  
Ông Stephen Charles Banner  
Ông Trần Thanh Hiền  
Ông Madhur Maini  
Ông Stephen Colin Moss

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch thứ nhất  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

### Ban Điều hành

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Ông Simon Morris  
Ông Phạm Quang Thắng  
Ông Lê Xuân Vũ  
Bà Đặng Tuyết Dung  
Bà Bạch Thủy Hà  
Ông Phan Thanh Sơn  
Ông Nguyễn Công Thành  
Ông Nguyễn Cảnh Vinh  
Ông Anthony Guerrier  
Ông Cù Anh Tuấn  
Bà Đỗ Diễm Hồng  
Ông Phùng Quang Hưng  
Ông Nguyễn Thành Long  
Ông Nguyễn Văn Thọ  
Bà Trần Thị Diệp Anh  
Bà Tô Thùy Trang  
Bà Lê Phương Phương  
Ông Suleiman Chhagla  
Ông Trương Gia Tú

Tổng giám đốc (đến 31/12/2011)  
Tổng Giám đốc (từ 01/01/2012)  
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ  
Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng  
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân  
Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch  
Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài Chính  
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn  
Giám đốc Khối bán hàng và kênh phân phối  
Giám đốc Khối Tài chính Kế hoạch (đến 30/6/2011)  
Quyền Giám đốc Khối Tài chính Kế hoạch (từ 01/7/2011)  
Giám đốc Khối Khách hàng Định chế tài chính  
Giám đốc Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ  
Giám đốc Khối Pháp chế  
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực (đến 31/10/2011)  
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực (từ 01/11/2011)  
Giám đốc Khối Marketing (đến 30/5/2011)  
Giám đốc Khối Marketing (từ 08/9/2011)  
Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro (đến ngày 30/11/2011)  
Quyền Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro (từ ngày 01/12/2011)

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch

### Trụ sở đăng ký

70-72 Bà Triệu  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

## Mạng lưới Chi nhánh



STT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng chi nhánh
1	An Giang	3
2	Bắc Giang	2
3	Bắc Ninh	5
4	Bình Định	1
5	Bình Dương	4
6	Bình Phước	1
7	Bình Thuận	1
8	Cà Mau	1
9	Cần Thơ	5
10	Dà Nẵng	10
11	Đăk Lăk	2
12	Đồng Nai	6
13	Đồng Tháp	1
14	Gia Lai	1
15	<b>Hà Nội</b>	97
16	Hà Tĩnh	3
17	Hải Dương	3
18	Hải Phòng	9
19	Huế	3
20	Hưng Yên	3
21	Khánh Hòa	4
22	Kiên Giang	1
23	Lâm Đồng	1
24	Lạng Sơn	4
25	Lào Cai	3
26	Long An	1
27	Nam Định	2
28	Nghệ An	4
29	Ninh Bình	1
30	<b>TP. Hồ Chí Minh</b>	92
31	Phú Thọ	3
32	Quảng Nam	2
33	Quảng Ngãi	2
34	Quảng Ninh	4
35	Sóc Trăng	1
36	Tây Ninh	1
37	Thái Bình	1
38	Thái Nguyên	4
39	Thanh Hóa	2
40	Tiền Giang	1
41	Vĩnh Long	1
42	Vĩnh Phúc	4
43	Vũng Tàu	6
44	Yên Bái	1
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>307</b>

THIẾT KẾ VÀ SẢN XUẤT BỞI DIA BRANDS

### Thông tin Online

Thông tin dành cho cổ đông và nhà đầu tư:  
[https://www.techcombank.com.vn/Desktop.aspx/Nha\\_dau\\_tu/TB-danh-cho-co-dong/](https://www.techcombank.com.vn/Desktop.aspx/Nha_dau_tu/TB-danh-cho-co-dong/)

Vui lòng truy cập vào website để xem phiên bản báo cáo thường niên 2011 online và cập nhật các thông tin và hoạt động mới nhất của cổ đông.